

Bản án số: **636/2023/HSPT**

Ngày: 29 -12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hợp**.

Các thẩm phán: ông **Trương Công Thi**.

ông **Nguyễn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Quách Đức Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số 407/2023/TLPT-HS ngày 31 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”, “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và các bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HSST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1987 tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố 1, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Nguyên Tổ trưởng tín dụng, Phòng giao dịch Nam C – Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị; trình độ văn H: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T H, sinh năm 1958 và bà L Thị L, sinh năm 1963; Vợ: Lê Thị Kim A, sinh năm 1991; con: có 03 con, lớn nhất 8 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi; A chị em ruột: Có 02 người, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. T án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ 08/12/2020 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Ngọc H:** Luật sư Nguyễn T H – Văn phòng luật sư T, Đ luật sư tỉnh Quảng Trị; địa chỉ: thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

*** Các bị hại:**

1. Ông Nguyễn Ngọc G, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị.
2. Ông Đ T H, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
3. Ông Dương T D, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
4. Ông Phạm M T và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
5. Bà Trần Thị Y, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
6. Ông Trần C, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
7. Ông Nguyễn T, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
8. Ông Trương Đình G, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
9. Ông Trần Viết T, địa chỉ: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
10. Bà Lê Thị P, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
11. Ông Trần T Q, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
12. Ông Lê Văn Q, địa chỉ: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
13. Bà H Thị H, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
14. Ông Trần H, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
15. Ông H Đức T và bà Trần Thị H, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
16. Bà Phạm Thị L, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
17. Ông Nguyễn Văn P, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
18. Ông Phạm Văn V, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
19. Ông Đ Q P, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
20. Ông Nguyễn Văn T (chết), người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông T: Bà Đ Thị N, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
21. Ông Phan Khắc Công Đ, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
22. Ông Lê Q L, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
23. Bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
24. Bà Nguyễn Thị Kiều T, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
25. Ông Lê M K, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
26. Ông Nguyễn Văn P, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
27. Ông Trần Đức D, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
28. Ông Phạm M S, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, Võ M L
29. Ông Đinh Viết P, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
30. Bà Dương Thị D và ông Trần Q H, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
31. Ông Nguyễn H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
32. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
33. Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
34. Bà Trần Thị H, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

35. Bà Lê Thị N, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
36. Bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn V H, xã Triệu H, huyện T, tỉnh Quảng
Trị;
37. Ông Đ Q H, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
38. Ông Nguyễn Văn B và bà Lê Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T,
tỉnh Quảng Trị;
39. Bà Hồ Thị Diễm T, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
40. Ông Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
41. Ông Phạm Văn Đ và bà Nguyễn Thị C, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T,
tỉnh Quảng Trị;
42. Ông Lê Văn Q, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
43. Ông Lê T D, địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
44. Ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
45. Ông Nguyễn Mộng H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
46. Ông Đ Q D, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
47. Ông Nguyễn X A, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
48. Bà Nguyễn Thị Q, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
49. Ông Hồ X T, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
50. Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
51. Bà Lê Thị Cẩm T, địa chỉ: Thôn H, xã Triệu T, huyện T, tỉnh Quảng
Trị;
52. Bà Ngô Thị T và ông Phạm K, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh
Quảng Trị;
53. Ông H Đình Sáng, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
54. Bà Hồ Thị H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
55. Bà Trương Thị T B, địa chỉ: Khu phố 3, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh
Quảng Trị;
56. Ông Trần N T, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
57. Ông Lê Q S, địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
58. Ông Nguyễn Kiêm, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
59. Bà L Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
60. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
61. Bà Nguyễn Thị L, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
62. Ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T,
tỉnh Quảng Trị;
63. Ông Nguyễn Đình T, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
64. Ông Đ Q K, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
65. Ông H Phú L, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
66. Ông Phạm Văn L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
67. Ông Trần Hữu H, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
68. Ông Nguyễn Văn B, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

69. Ông Phan Đình L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
70. Ông Lê M T, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
71. Ông Nguyễn Văn C, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
72. Ông Phạm H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
73. Ông Võ Viết T, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
74. Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Kế S, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
75. Bà Phan Thị N, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
76. Bà Đinh Thị Cao V, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
77. Ông Nguyễn A D, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
78. Ông Lê Ngọc K, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
79. Ông Nguyễn Văn H, Trần Thị G, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
80. Ông Nguyễn Đình C, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
81. Ông Dương H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
82. Ông Nguyễn X P, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
83. Ông Nguyễn Văn V, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
84. Ông Lê X T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
85. Ông Nguyễn X, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
86. Ông Nguyễn X H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
87. Ông Nguyễn Nhị H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
88. Bà Võ Thị H, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
89. Ông Trần T N (em ruột Trần T Q), địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
90. Ông Lê Hữu T, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
91. Ông Nguyễn Văn P, địa chỉ: Thôn Đại H, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
92. Bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
93. Ông Hồ Viết L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
94. Bà Trần Thị T, H Thị L, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
95. Bà Trần Thị Bảo T, địa chỉ: Khu phố 3, phường 5, TP. Đ, tỉnh Quảng Trị;
96. Ông Lê Tiến S, địa chỉ: TP.Đ, tỉnh Quảng Trị;
97. Ông Lê Văn P, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
98. Bà Lê Thị H X, địa chỉ: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
99. Ông Phạm Văn Năm, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
100. Ông Nguyễn Đình Lập, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

101. Bà Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
102. Ông Võ M L, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
103. Ông Đặng Văn D, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
104. Bà Lê Thị H, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
105. Ông Trương Ngọc P (anh ruột Trương Ngọc H), địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
106. Ông Nguyễn Hữu X, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
107. Ông Lê Hào Q, địa chỉ: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
108. Ông Phạm Văn D, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
109. Ông Đ Q N, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
110. Ông Lê Q Kỳ, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
111. Ông Trương Văn T, địa chỉ: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
112. Ông Võ Văn N, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
113. Bà Hồ Thị A, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
114. Ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
115. Ông Lê T T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
116. Ông Đ P T, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
117. Ông Nguyễn Hữu T, địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
118. Ông Đinh Hữu T và bà Đinh Thị X, địa chỉ: Thôn T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
119. Ông Lê Hữu Đ, địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
120. Ông Nguyễn A T, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
121. Ông Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
122. Ông Lê Văn K, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
123. Ông Nguyễn Hữu T, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
124. Ông Trương Đình Đ, địa chỉ: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
125. Ông Đào T A, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
126. Ông Nguyễn Ngọc T, địa chỉ: Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
127. Ông Phạm T (Phạm H), địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
128. Ông Nguyễn Mạnh H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
129. Ông Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị B H, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
130. Ông Lê Đức T và bà Trần Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

131. Ông Nguyễn B, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
132. Ông Lê Đức D, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
133. Ông Nguyễn Văn P, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
134. Ông H M T và bà Trương Thị X, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
135. Ông Nguyễn Công Đ; Nguyễn Công T và Nguyễn Công D, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
136. Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
137. Ông Hồ Viết T, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
138. Ông H Hữu H, địa chỉ: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
139. Ông Lê Đức H (bố của Hồ Thị Duy T), địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
140. Ông Lê Tấn Đ, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
141. Bà Lê Thị Đ, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
142. Ông Trần P Đ, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
143. Ông Nguyễn Đức Thiện, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
144. Ông Lê Văn Đ, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
145. Ông Phạm M N, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
146. Bà Trương Thị T, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
147. Bà H Thị B, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
148. Ông Nguyễn P, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
149. Ông Trần S, địa chỉ: Thôn Q L, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
150. Bà Võ Thị N, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
151. Ông Đ Q L và Lê Thị T (*mẹ của L*), địa chỉ: Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
152. Ông Phạm Văn L, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
153. Ông Nguyễn Đ, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
154. Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
155. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
156. Ông Nguyễn Văn T, địa chỉ: Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
157. Ông Nguyễn N A T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
158. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
159. Ông Nguyễn Duy K, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
160. Ông Lê Q Tý, địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị,
161. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
162. Ông Lê H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
163. Ông Đ Q T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

164. Ngân hàng N; địa chỉ: Số 02 Láng H, quận Ba Đình, thành phố H Nội.

- Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Thị Kim H – Phó Giám đốc N Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 113/QĐ-NHNo.TP-TH ngày 03 tháng 4 năm 2023);

+ Ông Trần Đức M - Phó Giám đốc N Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền số 55/QĐ-NHNo.TP-TH ngày 10 tháng 02 năm 2023);

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn T H, địa chỉ: TP Đ, tỉnh Quảng Trị

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H, địa chỉ: thành phố Đà Nẵng;

3. Bà L Thị L, địa chỉ: TP Đ, tỉnh Quảng Trị;

4. Bà H Thị H P, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

5. Ông Lê T N, địa chỉ: Khu phố 2, Phường 2, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị

6. Ông Nguyễn Đăng B, địa chỉ: Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị

7. Ông Nguyễn Tiến T, địa chỉ: Khu phố 5, Phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị;

8. Ông Lê Q T, địa chỉ: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C, tỉnh Quảng Trị

9. Ông Bùi Duy L, địa chỉ: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V L tỉnh Quảng Trị

10. Bà Lê N, địa chỉ: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện T

11. Bà Trương N H, địa chỉ: Ngân hàng N – Chi nhánh huyện V L, tỉnh Quảng Trị

12. Bà Lê Thị Thùy L, địa chỉ: Phòng giao dịch N C - Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị

13. Bà Nguyễn Thị H N, địa chỉ: Ngân hàng N - Chi nhánh thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị;

14. Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị

15. Bà Nguyễn Thị L , địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị

16. Ông Nguyễn Công D, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
17. Ông Nguyễn Văn L, địa chỉ: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
18. Ông Lê Văn N, địa chỉ: Khu vực 7, T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
19. Ông Lê H, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
20. Bà Nguyễn Thị T H, địa chỉ: Khu phố 3, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng
Tri;
21. Ông Nguyễn Đắc N T, địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng
Tri;
22. Bà Phạm Thị H L , địa chỉ: Số 333 H Vương, TP Đ, tỉnh Quảng Trị;
23. Bà H Thị T, địa chỉ: Khu phố 5, phường 3, TP Đ, tỉnh Quảng Trị;
24. Ông Lê Đình K, địa chỉ: Thôn Đ T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị
25. Bà Lê Thị Kim A, địa chỉ: Khu phố 1, phường 5, TP Đ, tỉnh Quảng
Tri;
26. Bà H Thị H, địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị;
27. Ông Nguyễn X K, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị
28. Bà Lê Thị S, địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
29. Ông Trần Thiên P, địa chỉ: Thôn Q L, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
30. Bà Hồ Thị A, địa chỉ: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
31. Ông Phạm Văn C, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
32. Bà H Thị H, địa chỉ: Khu phố 4, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị;
33. Ông Lê Văn N, địa chỉ: Khu phố 7, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng
Tri;
34. Bà Phạm Thị Ngọc T, địa chỉ: Thôn Cỏ T, xã Triệu T, huyện T, tỉnh
Quảng Trị;
35. Bà Lê Thị H, địa chỉ: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị
36. Ông Nguyễn Công T, địa chỉ: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng
Tri
37. Ông Nguyễn Ngọc H, địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;
38. Bà Lê Thái P T, địa chỉ: khu phố 2, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng
Tri;
39. Bà Trần Thị C, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị

40. Ông Đ T C, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

41. Ông Hồ C, địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

42. Ông Nguyễn X H, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

43. Ông Nguyễn Đức T, địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

44. Bà Trương Thị T, địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị;

45. Ngân hàng N – Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị;

+ Bà Nguyễn Thị Kim H – Phó Giám đốc N Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị (*Văn bản ủy quyền số 113/QĐ-NHN..TP-TH ngày 03 tháng 4 năm 2023*);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sau khi Chính phủ ban hành N định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp, được hỗ trợ lãi suất cho vay và không cần thế chấp tài sản, cho vay tín chấp. Nguyễn Ngọc H cán bộ Phòng giao dịch N C – Ngân hàng N Phòng giao dịch N C - Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị (sau đây viết tắt là Phòng giao dịch C) được Ngân hàng phân công làm cán bộ tín dụng quản L hồ sơ vay, trực tiếp làm việc và hướng dẫn người dân làm hồ sơ vay, xử L các trường hợp có liên quan đến khách hàng theo N định số 55 của Chính phủ. Quá trình công tác từ năm 2015 đến ngày 10/6/2020 tại Phòng giao dịch N C - Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị, Nguyễn Ngọc H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của các khách hàng vay vốn tại ngân hàng bằng nhiều phương thức, thủ đoạn khác nhau như đưa ra thông tin gian dối sẽ giúp người bị hại thanh toán nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn; lập giấy nhận tiền hoặc chứng từ giao dịch đưa cho người bị hại để người bị hại tin tưởng giao tiền... Trong thời gian này, H đã chiếm đoạt tài sản của những bị hại cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Ngày 15/5/2015, ông Nguyễn Ngọc G, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-20151826 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay, ông G đã thanh toán nợ gốc 24.000.000 đồng và tiền lãi, còn nợ tại Ngân hàng 76.000.000 đồng. Ngày 12/6/2019, đến hạn tất toán, ông G không có tiền nên đến gặp H làm hồ sơ nhận nợ 76.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân ông G lên phòng làm việc đưa cho H 76.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ trả vào Ngân hàng 36.326.147 đồng, còn 39.673.853 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 2: Ngày 02/6/2015, anh Đ T H, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV 2015

02029 vay 50.000.000 đồng. Sau đó điều C nâng hạn mức 100.000.000 đồng, số tiền được giải ngân là 60.000.000 đồng. Năm 2019, anh H không có tiền trả nợ gốc nên đến nhờ H giúp đỡ. H cho anh H mượn 40.000.000 đồng và hướng dẫn anh H làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 60.000.000 đồng (*giấy nhận nợ ngày 02/12/2019*), anh H nhận đủ số tiền mặt tại quầy giao dịch. Sau khi nhận tiền anh H mang lên phòng làm việc đưa cho H 60.000.000 đồng, trong đó 40.000.000 đồng trả lại cho H và 20.000.000 đồng anh H nhờ thanh toán một phần của khoản vay. H chỉ trả vào ngân hàng 6.000.000 đồng, còn lại 14.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 3: Ngày 11/08/2015, anh Dương T D, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2015 02753 vay 100.000.000 đồng. Tháng 9/2019 tổng dư nợ của anh D là 100.000.000 đồng (*chia làm 3 khoản vay, dư nợ 44.000.000 đồng vay ngày 12/9/2018; dư nợ 35.000.000 đồng vay ngày 27/3/2019 và dư nợ 21.000.000 đồng vay ngày 12/9/2019*). Do dư nợ gốc của anh D chia làm nhiều khoản vay bất tiện cho việc trả nợ. Ngày 12/3/2020, anh D đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng để tất toán 3 khoản vay trước đó. Sau khi nhận 100.000.000 đồng, anh D đưa cho H nhờ tất toán các khoản vay cũ nhưng H chỉ trả cho ngân hàng 11.000.000 đồng (khoản vay 35.000.000 đồng ngày 27/3/2019), còn lại 89.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 4: Ngày 03/6/2016, anh Phạm M T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 03549 vay 100.000.000 đồng. Ngày 11/5/2020, anh T đến gặp H hỏi khoản vay của mình đến hạn trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh là bao nhiêu. Sau khi kiểm tra hồ sơ, H thông báo khoản vay của anh T đến hạn trả nợ gốc là 33.000.000 đồng và tiền lãi là 5.125.000 đồng. A T đưa cho H số tiền 38.125.000 đồng để nhờ thanh toán. Để anh T tin tưởng, H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung anh T đã nộp 38.125.000 đồng cho Ngân hàng để thanh toán nợ gốc, nợ lãi và đưa cho anh T. Sau khi nhận tiền H chỉ trả vào Ngân hàng số tiền 18.125.000 đồng, còn 20.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 5: Ngày 13/7/2016, chị Trần Thị Y, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201602300 vay 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 23/7/2019, dư nợ gốc của chị Y là 100.000.000 đồng. Tháng 11/2019, chị Y đến Phòng giao dịch để thanh toán nợ gốc và lãi nhưng chưa đến giờ làm việc. Chị Y gặp H rồi cả hai đi ra quán nước đối diện Phòng giao dịch để uống nước. Tại đây, H nói với chị Y đưa tiền cho H để H thanh toán ngân hàng giúp cho. Để chị Y tin tưởng H đã lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung chị Y đã nộp 45.000.000 đồng tiền nợ gốc và 1.939.000 đồng tiền lãi, ký tên và đóng dấu đã thu tiền đưa cho chị Y. Sau khi nhận 46.939.000 đồng từ chị Y, H không thanh toán cho ngân hàng mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 6: Ngày 16/08/2016, anh Trần C, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201602663 vay 500.000.000 đồng. Quá trình vay, anh C đã thanh toán được 300.000.000 đồng, còn dư nợ 200.000.000 đồng của kỳ hạn năm 2020 và 2021. Tháng 10/2019, anh C liên hệ với H xin xử lý dư nợ còn lại này để rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. H hướng dẫn cho anh C nhận nợ mới 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng mới số 3910-LAV-2019 02942 để *(Giấy nhận nợ ngày 24/10/2019)*. Sau khi giải ngân anh C nhận tiền mặt 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng còn lại được chuyển vào tài khoản số 3910205016335 - Ngân hàng N của Phạm Thị H L, trú tại: 333 H Vương, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị *(H nhờ tài khoản để rút tiền giải ngân)*. Vì việc nhận nợ và trả nợ không cùng thực hiện trong một ngày nên H nói với anh C “*Số tiền giải ngân chuyển khoản 100.000.000 đồng H sẽ tự liên hệ để lấy lại và thu nợ thay anh C*”. Nghe vậy, anh C đồng ý và đưa thêm cho H 2.980.000 đồng để trả tiền lãi phát sinh và cầm 100.000.000 đồng ra về. Sau khi nhận tiền chuyển khoản và tiền lãi phát sinh H chỉ thanh toán tiền lãi 2.980.000 đồng, còn lại 100.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 7: Ngày 09/9/2016, ông Nguyễn T, Trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 03152 vay 40.000.000 đồng. Ngày 15/11/2018, dư nợ gốc của ông T là 31.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên ông T và anh Nguyễn Văn T (con ông T) đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 31.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng 3910LAV2018 03256. Sau khi nhận tiền, anh T đưa 31.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay của ông T nhưng H chỉ thanh toán cho ngân hàng 20.000.000 đồng, còn 11.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 8: Ngày 16/9/2016, anh Trương Đình G, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 03026 vay 500.000.000 đồng. Số tiền vay đã được giải ngân là 450.000.000 đồng. Tháng 10/2019, dư nợ gốc của anh G là 100.000.000 đồng. Đầu tháng 11/2019, anh G đến gặp H xin tắt toán khoản vay trước hạn. H báo cho anh G số tiền lãi vay và tiền phạt trả trước hạn, đồng thời bảo anh G đưa tiền cho H để tắt toán giúp. Anh G đồng ý và đưa cho H 100.000.000 đồng để trả tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 9: Ngày 21/9/2016, anh Trần Viết T, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 03088 vay 19.000.000 đồng. Quá trình vay vốn do ở xa không đến Ngân hàng trả nợ được nên anh T nhờ bố vợ là ông Lê M T trả nợ giúp. Ngày 08/7/2019, ông T đến Phòng giao dịch gặp H xin trả nợ cho anh T. Do không có tiền nên ông T nhờ H làm thủ tục giải ngân khoản vay của ông T. Sau khi được giải ngân tại quầy kế toán, ông T đưa cho H 19.363.000 đồng để tắt toán khoản vay của anh T. Để ông T tin tưởng H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung đã

nhận của ông T số tiền 19.363.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H chỉ trả 863.000 đồng tiền lãi, còn 18.500.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 10: Năm 2016, chị Lê Thị P, trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị cùng chồng là anh Nguyễn A T có nhu cầu mua máy gặt lúa để phục vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, vì không có tài sản thế chấp nên chị P đã nhờ anh rể là H Q Lắm đứng tên vay 450.000.000 đồng (*Tài sản thế chấp cho khoản vay là 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh H Q Lắm, Nguyễn Sang, và chị Nguyễn Thị H Y theo hợp đồng thế chấp số 16.2016; 17.2016; 18.2016/HĐTC/NCV ngày 09/06/2016*). Đến năm 2018, anh Lắm vay thêm 99.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910LAV201802395 ngày 17/08/2018. Việc trả nợ gốc, lãi của các khoản vay này do chị P thực hiện. Năm 2019, tổng dư nợ của anh Lắm tại Ngân hàng N là 369.000.000 đồng gồm 02 khoản vay (*270.000.000 đồng và 99.000.000 đồng*). Tháng 08/2019, anh T liên lạc cho H xin thanh toán nợ và rút sổ đỏ của anh Lắm về. Trong thời gian tháng 05/2019 đến tháng 08/2019, chị P đã giao tiền cho H tổng cộng 390.000.000 đồng để nhờ tất toán nợ cho anh Lắm, cụ thể:

- A T chuyển tiền qua ứng dụng E Mobi Banking vào tài khoản ngân hàng của H số tiền 50.000.000 đồng.

- Chị P giao 40.000.000 đồng tiền mặt.

- Chị P cùng chị Nguyễn Thị H Y về phòng giao dịch xin nhận nợ 100.000.000 đồng (đứng tên nhận nợ là chị Y) rồi giao số tiền 100.000.000 đồng này cho H.

- Chị P cùng anh Nguyễn Sang về nhận nợ 200.000.000 đồng (*anh Sang đứng tên hồ sơ vay*). Trong đó, chị P nhờ anh Trương Văn T, trú tại: Mỹ L, Triệu H, T, Quảng Trị nhận chuyển khoản 100.000.000 đồng, 100.000.000 đồng rút tiền mặt, tổng cộng 200.000.000 đồng đều đưa lại cho H. Số tiền 390.000.000 đồng dùng để thanh toán toàn bộ dư nợ gốc và lãi phát sinh 02 khoản vay của anh Lắm. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền H chỉ thanh toán khoản vay 270.000.000 đồng, cùng 33.000.000 đồng dư nợ đến hạn của khoản vay 99.000.000 đồng ngày 17/08/2018. Còn lại 66.000.000 đồng H không thanh toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 11: Ngày 06/10/2016, anh Trần T Q, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2016 03230 vay 100.000.000 đồng. Đến tháng 10/2019, dư nợ gốc của anh Q tại Ngân hàng vẫn là 100.000.000 đồng nhưng do bận việc nên anh Q nhờ chị Trần Thị T H (*em ruột Q*) mang 46.000.000 đồng đến Phòng giao dịch đưa cho H nhờ thanh toán một phần của khoản vay đến hạn trả nợ (*trong đó 33.000.000 đồng tiền nợ gốc và 13.000.000 đồng tiền lãi*). Sau khi nhận tiền, H chỉ trả tiền lãi 13.000.000 đồng, còn tiền gốc 33.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 12: Ngày 30/11/2016, anh Lê Văn Q, trú tại: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Q đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 03914 vay 200.000.000 đồng. Quá trình vay anh Q nhiều lần nhận nợ và đã nhận

đủ số tiền theo giấy nhận nợ tại Ngân hàng. Trong đó có hai khoản vay ngày 28/12/2018 số tiền 31.000.000 đồng và ngày 14/2/2019 số tiền 70.000.000 đồng. Đến ngày 18/11/2019, anh Q đến Phòng giao dịch N C gặp H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 33.000.000 đồng, mục đích là để tắt toán khoản vay đến hạn thanh toán nợ gốc (*10.000.000 đồng của khoản vay 31.000.000 đồng và 23.000.000 đồng khoản vay 70.000.000 đồng trước đó*). Sau khi được giải ngân, anh Q đưa cho H 33.000.000 đồng nhờ tắt toán hai khoản nợ gốc đến hạn. Sau khi nhận tiền H không tắt toán. Vài ngày sau, H gặp anh Q và trả lại 5.000.000 đồng, còn lại 28.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 13: Ngày 06/12/2016, chị H Thị H, Trú tại: Thôn G, T, T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2016 03995 vay 50.000.000 đồng. Ngày 05/04/2019, chị H còn dư nợ gốc 30.000.000 đồng nhưng không có tiền trả nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Tại đây, H hướng dẫn chị H làm thủ tục nâng hạn mức tín dụng lên 100.000.000 đồng rồi cho nhận nợ thêm 45.000.000 đồng nữa. Sau khi được giải ngân, H nói với chị H “*Quy định của Ngân hàng không cho phép nhận nợ và trả nợ trong cùng một ngày*”. Do đó, H yêu cầu chị H giao 30.000.000 đồng cho H để thu nợ khoản vay trước đó nhưng H không thanh toán Ngân hàng mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 14: Ngày 06/12/2016, anh Trần H, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 04007 vay 100.000.000 đồng, sau đó nâng hạn mức lên 150.000.000 đồng. Sau nhiều lần nhận nợ, dư nợ gốc của anh H tại Ngân hàng là 20.000.000 đồng khoản vay ngày 06/12/2016 và 60.000.000 đồng khoản vay ngày 03/7/2018. Ngày 27/6/2019, do không có tiền nên anh H đến Phòng giao dịch gặp H nhờ đáo hạn. H làm hồ sơ nhận nợ cho anh H số tiền 60.000.000 đồng. Sau khi nhận 60.000.000 đồng tiền mặt, anh H đưa cho H nhờ tắt toán khoản vay ngày 03/7/2018 và tiền lãi phát sinh nhưng H chỉ tắt toán 20.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh đến hạn, còn 40.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 15: Ngày 12/01/2017, anh H Đức T, Trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2017 00059 vay 50.000.000 đồng. Đến tháng 02/2019, anh T còn dư nợ 45.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc, anh T và chị Trần Thị H (vợ anh T) đến Phòng giao dịch gặp H. Lúc này, H nói với anh T giấy CMND của anh đã cũ, không thuận tiện trong giao dịch nên H yêu cầu anh T tắt toán nợ, chuyển dư nợ sang cho chị H. Nghe vậy, anh T và chị H đồng ý nên H hướng dẫn chị H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 70.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00256 ngày 24/01/2019. Sau khi nhận tiền giải ngân, chị H và anh T đưa cho H 45.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ thanh toán 21.000.000 đồng, còn lại 24.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 16: Ngày 19/01/2017, chị Phạm Thị L, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-

2017 00148 vay 100.000.000 đồng. Ngày 15/3/2019, vì không có tiền trả nợ gốc nên chị L đến gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị L làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân chị L đưa cho kế toán nhờ đưa lại cho H 99.000.000 đồng để tắt toán khoản vay trước đó. Để chị L tin tưởng, H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung đã nhận của chị L số tiền 99.000.000 đồng để tắt toán nợ gốc rồi giao cho chị L. Sau khi nhận tiền của chị L, H chỉ thanh toán trả vào Ngân hàng 49.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 17: Ngày 24/01/2017, anh Nguyễn Văn P, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201700203 vay 200.000.000 đồng và được giải ngân 180.000.000 đồng. Sau nhiều lần trả nợ gốc, còn dư nợ tại Ngân hàng 50.000.000 đồng. Ngày 14/10/2019, anh P đến Ngân hàng gặp H đưa 50.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 18: Ngày 16/02/2017, anh Phạm Văn V, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00278 vay 70.000.000 đồng và được giải ngân 50.000.000 đồng. Đến tháng 02/2020, anh V còn nợ Ngân hàng 35.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh. A V đến gặp và đưa cho H 35.000.000 đồng nhờ tắt toán. Để anh V tin tưởng H đã lập 01 giấy xác nhận nội dung dư nợ của anh V tại Ngân hàng là không đồng rồi giao cho anh V. Số tiền này H chỉ trả tiền lãi và tiền gốc là 1.000.000 đồng, còn lại 34.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 19: Ngày 16/02/2017, anh Đ Q P, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00276 vay 100.000.000 đồng. Đến ngày 20/02/2020, anh P còn nợ Ngân hàng 53.000.000 đồng. Do có nhu cầu muốn vay thêm nên anh P đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh P làm hồ sơ nhận nợ mới 85.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, anh P đưa cho H 53.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 20: Ngày 21/02/2017, anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00338 vay 100.000.000 đồng. Tính đến đầu năm 2020, anh T còn dư nợ gốc 41.000.000 đồng. Ngày 18/3/2020, khoản vay bị quá hạn nợ gốc nên H liên lạc với anh T yêu cầu thu hồi nợ gốc. Ngày 13/5/2020, anh T về Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Vì khoản vay quá hạn nên H đã cho anh T mượn 41.000.000 đồng thanh toán trước. Sau đó, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ số 3910LDS202002070 ngày 13/05/2020*). Sau khi anh T nhận tiền giải ngân, H yêu cầu anh T đưa cho H 100.000.000 đồng để trả lại cho H và đáo hạn, rồi sẽ tắt toán dư nợ khoản vay của anh T nhưng H không tắt toán vào ngân hàng mà chiếm đoạt 59.000.000 đồng.

Vụ thứ 21: Ngày 14/3/2017, anh Phan Khắc Công Đ, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-

LAV-201700594 vay 100.000.000 đồng và được giải ngân 50.000.000 đồng. Trong quá trình vay, anh Đ không có tiền trả nợ gốc và lãi nên nhờ H giúp đỡ. Ngày 26/3/2020, H hướng dẫn anh Đ làm hồ sơ nhận nợ mới, sau khi được Ngân hàng giải ngân tiền vay 50.000.000 đồng, anh Đ đưa cho H để nhờ tắt toán khoản vay cũ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 22: Ngày 21/3/2017, anh Lê Q L, trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C vay 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00667. Quá trình vay, anh L đã trả 100.000.000 đồng nợ gốc, dư nợ còn lại là 100.000.000 đồng. Tháng 3/2020 đến hạn trả nợ gốc, anh L không có tiền nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh L ký hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 00631 ngày 10/3/2020 vay 200.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, anh L đưa 110.000.000 đồng lên phòng làm việc giao cho H nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ trả 10.000.000 đồng tiền lãi, còn 100.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 23: Ngày 23/3/2017, chị Nguyễn Thị M, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00691 vay 100.000.000 đồng, số tiền chị M được giải ngân là 50.000.000 đồng. Tháng 3/2019, do không có tiền trả nợ gốc còn lại là 34.000.000 đồng nên chị M đến gặp H nhờ giúp đỡ. Ngày 10/7/2019, H hướng dẫn chị M làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền mặt tại quầy giao dịch, chị M mang 34.000.000 đồng lên phòng làm việc đưa cho H nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 24: Ngày 30/3/2017, chị Nguyễn Thị Kiều T, trú tại: Thôn Dương Văn lộc, xã T, huyện T, tỉnh Q đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00804 vay 100.000.000 đồng. Cùng ngày chị T được giải ngân 50.000.000 đồng. Ngày 10/4/2018, chị T giải ngân 22.000.000 đồng. Đến tháng 4/2019, chị T còn nợ gốc 17.000.000 đồng của khoản vay 50.000.000 đồng và 15.000.000 đồng của khoản vay 22.000.000 đồng. Ngày 25/4/2019, đến hạn trả nợ gốc chị T không có tiền nên đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. Cùng ngày, H làm hồ sơ nhận nợ mới cho chị T số tiền 34.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền chị T đưa cho H 32.000.000 đồng nhờ tắt toán 02 khoản vay đến hạn trả nợ gốc nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt. Ngày 04/5/2020 đến hạn trả nợ gốc của khoản vay ngày 25/4/2019 là 34.000.000 đồng nên chị T đến Ngân hàng đưa cho H số tiền 11.000.000 đồng nhờ thanh toán nợ gốc đến hạn. Sau khi nhận tiền H không thanh toán cho ngân hàng mà chiếm đoạt. Tổng cộng H đã chiếm đoạt của chị T số tiền 43.000.000 đồng.

Vụ thứ 25: Ngày 04/4/2017, anh Lê M K, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201700821 vay 100.000.000 đồng. Ngày 26/3/2020, đến hạn trả nợ gốc do không có tiền trả nên anh K đến Ngân hàng nhờ H giúp đỡ, H hướng dẫn anh K làm hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh K đưa lên phòng làm

việc giao cho H 100.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ trả vào Ngân hàng 33.000.000 đồng, còn 67.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 26: Ngày 11/04/2017, anh Nguyễn Văn P, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 00965 vay 100.000.000 đồng. A P đã nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng chia làm 2 khoản vay (ngày 18/7/2017 số tiền 10.000.000 đồng; ngày 10/5/2018 số tiền 90.000.000). Đến năm 2020 dư nợ gốc của anh P là 64.000.000 đồng (4.000.000 đồng khoản vay ngày 18/7/2017; 60.000.000 khoản vay 10/5/2018). Ngày 13/4/2020, anh P đưa 30.000.000 đồng đến Ngân hàng để thanh toán một phần nợ gốc khoản vay ngày 10/5/2018 nhưng kế toán hạch toán nhầm nên khoản vay chưa thanh toán được (sau đó đã được ngân hàng điều C hạch toán). Ngày 16/4/2020, anh P đến nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn anh P làm hồ sơ nhận nợ số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân, anh P đưa cho H 34.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay cũ nhưng H chỉ thanh toán vào ngân hàng 10.000.000 đồng, còn 24.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 27: Ngày 13/4/2017, anh Trần Đức D, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201700928 vay 99.000.000 đồng. Đến hạn thanh toán do không có tiền trả nên ngày 19/6/2019, anh D đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ mới 99.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh D đưa lên phòng làm việc và giao cho H 99.800.000 đồng (*trong đó tiền gốc 99.000.000 đồng và tiền lãi 800.000 đồng*) nhờ thanh toán khoản vay trước đó, H đã tắt toán vào Ngân hàng. Vài ngày sau, H nói với anh D “*Hồ sơ của anh D có sai sót lên ký lại*”. Nghe vậy, anh D đến Ngân hàng gặp H ký hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh D đưa cho H 99.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay ngày 19/6/2019 nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 28: Ngày 25/4/2017, anh Phạm M S, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201701047 vay 100.000.000 đồng. Đến năm 2019, anh S đã nhận nợ lại 90.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 23/5/2019*). Tháng 04/2020, anh S chưa có tiền trả nợ gốc đến hạn nên nhờ H làm thủ tục đáo hạn. H hướng dẫn anh S làm hồ sơ nhận nợ mới để trả nợ cũ. Sau khi điều C hạn mức tín dụng, anh S đã nhận nợ thêm 90.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ số 3910LDS202001623 ngày 16/04/2020). Lúc này kế toán giao dịch thông báo với anh S rằng hiện chưa có đủ tiền mặt để giải ngân nên đợi đến cuối giờ chiều. H nói với anh S cứ để tiền lại đó và chuyển lại cho H để thanh toán nợ giúp. Sau khi nhận được 90.000.000 đồng từ giao dịch viên, H chỉ nộp vào Ngân hàng 10.000.000 đồng để thanh toán nợ gốc đến hạn của anh S. Số tiền còn lại 80.000.000 đồng H mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 29: Ngày 27/4/2017, anh Đinh Viết P, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhờ bà Trương Thị T (*mẹ vợ*), trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số

3910-LAV-201701098 vay 100.000.000 đồng. Ngày 17/01/2020, anh P chở bà T đến Phòng giao dịch làm hồ sơ nhận nợ thêm 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân, anh P chở bà T ra về. Khoảng 01 tuần sau, anh P đến Ngân hàng trả khoản vay trước đó của bà T thì gặp H. Tại đây, H nói với anh P đưa tiền cho H trả giúp vào Ngân hàng sẽ miễn nộp phạt trả sớm. Nghe vậy, anh P đồng ý và giao cho H 100.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước đó của bà T nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 30: Ngày 09/5/2017, anh Trần Q H, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (chồng của chị D) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 01197 vay 200.000.000 đồng. Quá trình vay, dư nợ của anh H là 200.000.000 đồng. Đến tháng 01/2020 và tháng 02/2020 đến hạn trả nợ gốc khoản vay của anh H, do không có tiền trả nợ gốc nên anh H và chị D đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị D làm hồ sơ nhận nợ 110.000.000 đồng vào ngày 21/01/2020 và 90.000.000 đồng vào ngày 07/02/2020 (*hợp đồng tín dụng số 3910LAV-2019 00189 ngày 17/1/2019, hạn mức 200.000.000 đồng*). Sau khi được giải ngân, chị D và anh H đưa 200.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 31: Ngày 12/5/2017, anh Nguyễn H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 01244 vay 200.000.000 đồng. Sau khi được cấp tín dụng, anh Nguyễn H nhận nợ 02 lần với số tiền 155.000.000 đồng. Tháng 6/2019, đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên anh Nguyễn H liên hệ với H để nhờ giúp. H đồng ý cho anh Nguyễn H mượn số tiền 110.000.000 đồng để thanh toán hai khoản vay đến hạn, số tiền anh Nguyễn H còn nợ lại là 45.000.000 đồng. Ngày 19/6/2019, anh Nguyễn H đến Phòng giao dịch làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 155.000.000 đồng, trong đó 55.000.000 đồng nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3902.205.057.508 -Ngân hàng N của chị H Thị H, trú tại: Khu phố 4, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị (bạn của H). Sau khi nhận tiền, anh Nguyễn H đưa cho Nguyễn Ngọc H 10.000.000 đồng tiền mặt và 100.000.000 đồng (*đã chuyển khoản*) để trả tiền mượn của Ngọc H trước đó. Còn lại 45.000.000 đồng Ngọc H yêu cầu anh Nguyễn H chuyển cho mình với L do “*Khi nào đến hạn thanh toán tiền nợ gốc Ngọc H sẽ trả vào Ngân hàng cho*”. A Nguyễn H đồng ý. Sau khi nhận tiền H chỉ trả vào ngân hàng 1.000.000 đồng, còn lại 44.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 32: Ngày 23/5/2017, Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201701137 vay 100.000.000 đồng, sau đó nâng hạn mức lên 200.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2018, anh Nguyễn Đức T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*con của chị H*) cũng làm hồ sơ vay tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng 3910LAV2018 02604. A T nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 07/5/2019*). Do hồ sơ của anh T không có tài khoản giữ hộ nên H liên lạc với chị H lên để tắt toán khoản vay của anh T. Chị H không có tiền nên H

hướng dẫn chị H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng để tắt toán khoản vay của anh T (*theo giấy nhận nợ ngày 26/7/2019*). Chị H đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền chị H đưa cho H 100.000.000 và 8.000.000 đồng tiền lãi phát sinh để tắt toán khoản vay của anh T. Để chị H tin tưởng, H viết 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung chị H nộp số tiền 108.000.000 đồng để trả nợ tiền vay và đưa cho chị H. Số tiền này H chỉ trả cho ngân hàng 8.000.000 đồng tiền lãi, còn 100.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Ngày 09/10/2019, anh T có nhu cầu vay thêm nên H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 55.000.000 đồng. Ngày 15/5/2020, chị H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền mặt tại quầy giao dịch, chị H đưa cho H 55.000.000 đồng để tắt toán khoản vay trước đó của anh T nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 33: Ngày 25/5/2017, anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 01380 vay 70.000.000 đồng. Ngày 26/02/2019, anh T còn dư nợ gốc tại Ngân hàng là 37.000.000 đồng (*chia làm 2 khoản vay 24.000.000 đồng và 13.000.000 đồng*). Do cần vay thêm vốn nên anh T đến Phòng giao dịch gặp H để điều chỉnh hạn mức vay tăng thêm nên đã nhận nợ thêm 135.000.000 đồng (*báo cáo đề xuất giải ngân ngày 26/2/2019*). Trong đó anh T nhận 90.000.000 đồng tiền mặt và 45.000.000 đồng chuyển khoản qua tài khoản 391021503926 Ngân hàng N của chị Lê Thị L, trú tại: thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*Bạn của anh T*). Vài ngày sau, anh T đến Ngân hàng để nộp tiền bảo hiểm cho khoản vay trên, đồng thời đưa cho H 24.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 34: Ngày 25/5/2017, chị Trần Thị H, Trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201701378 vay 99.000.000 đồng. Năm 2018 và 2019, chị H chỉ trả nợ gốc của kỳ 1 và kỳ 2 của khoản vay nói trên, dư nợ còn lại là 33.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với kỳ 2 chị H chỉ thanh toán dư nợ gốc chứ không thanh toán tiền lãi. Vì vậy, H đã thông báo để chị H đến thanh toán nợ gốc và lãi vì khoản nợ đã bị chuyển nhóm buộc phải thu hồi. Ngày 01/07/2019, chị H đến gặp H xin xử lý nợ và vay thêm tiền. H đã lập Báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số 3910LDS201903207 ngày 01/07/2019 cho chị H nhận nợ mới 56.000.000 đồng, trong đó 33.000.000 đồng dùng để trả nợ cũ, vay mới 23.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền mặt tại quầy giao dịch, chị H mang lên phòng làm việc đưa cho H 33.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay cũ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 35: Ngày 29/5/2017, chị Lê Thị N, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201701423 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay vốn do không có tiền để trả nợ gốc nên ngày 31/5/2019, chị N đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ

mới 100.000.00 đồng để thanh toán khoản vay cũ. Sau khi nhận tiền giải ngân chị N đưa cho H 100.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay ngày 29/5/2017, H đã tắt toán khoản vay này. Ngày 26/6/2019, chị N có nhu cầu vay thêm nên đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ vay 100.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền giải ngân. Khoảng 10 ngày sau, chị N gặp H và đưa 100.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay ngày 26/6/2019 nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 36: Ngày 18/7/2017, chị Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn V H, xã Triệu H, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm đồng tín dụng số: 3910LAV2017 01832 vay 140.000.000 đồng. Quá trình vay, chị T còn nợ lại số tiền gốc là 70.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2020, chị T có nhu cầu vay thêm nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị T làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 130.000.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 30.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 3910215013210 của Ngô Thị T Châu (*bạn của chị T*). Sau khi nhận 100.000.000 đồng, chị T đưa cho H 71.200.000 đồng để nhờ tắt toán khoản vay trước đó bao gồm cả gốc và lãi nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 37: Ngày 08/8/2017, anh Đ Q H, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV2017 02004 vay 100.000.000 đồng. Ngày 25/12/2019, anh H nhận nợ mới số tiền 100.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền mặt tại quầy giao dịch. Sau khi nhận tiền anh H cho con trai là Đ Q N mượn. Đầu tháng 01/2020, anh N đến Phòng giao dịch gặp H và giao cho H số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc và 2.472.000 đồng tiền lãi để tắt toán khoản vay mà anh H vay trước đó. Để anh N tin tưởng, H lập 01 giấy nộp tiền ghi ngày 03/01/2020 thể hiện nội dung anh Đ Q H đã nộp 102.472.000 đồng vào Ngân hàng để trả nợ vay và đưa cho anh N. Sau khi nhận tiền, H không tắt toán vào Ngân hàng mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 38: Ngày 10/8/2017, anh Phạm M T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*chồng của chị Nguyễn Thị H*) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng vay 200.000.000 đồng. Đến hạn trả một phần nợ gốc là 99.000.000 đồng của khoản vay 200.000.000 đồng nhưng anh T và chị H không có tiền trả nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Tại đây, H hướng dẫn chị H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 99.000.000 đồng (*theo báo cáo đề xuất giải ngân ngày 21/11/2018*). Sau khi được giải ngân, chị H đưa lên phòng làm việc của H và giao cho H 99.000.000 đồng để nhờ thanh toán một phần khoản vay của anh T nhưng H không thanh toán mà đã chiếm đoạt.

Vụ thứ 39: Ngày 10/8/2017, anh Nguyễn Văn B, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 02039 vay 50.000.000 đồng. A B đã được giải ngân 47.000.000 đồng. Tháng 2/2020 đến hạn trả lãi, do không có tiền nên vợ chồng anh B đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Do hạn mức tín dụng của anh B đã hết không thể vay thêm nên H hướng dẫn chị Lê Thị H (*vợ anh B*) làm hồ sơ vay số tiền

60.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh B đưa 47.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 40: Ngày 15/8/2017, chị Hồ Thị Diễm T, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhờ ông Hồ C (bố chị T) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201703084 vay 100.000.000 đồng. Quá trình trả gốc lãi còn dư nợ gốc tại ngân hàng 50.000.0000 đồng. Ngày 26/3/2020, chị T tiếp tục nhờ ông C đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ nhận nợ thêm 50.000.000 đồng và đã nhận 50.000.000 đồng. Đến đầu tháng 4/2020, chị T đến Phòng giao dịch đưa cho H 50.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó của ông C nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 41: Ngày 17/08/2017, anh Nguyễn Ngọc A, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 02113 vay 100.000.000 đồng. Dư nợ gốc đến đầu tháng 11/2019 của anh A là 80.000.000 đồng (gồm 02 khoản vay 30.000.000 đồng và 50.000.000 đồng). Ngày 29/11/2019 đến hạn thanh toán nợ gốc 16.000.000 đồng (*theo Giấy nhận nợ ngày 29/11/2018*) nên H thông báo cho anh A đến Phòng giao dịch để thanh toán, anh A đến gặp H xin được đáo hạn khoản vay này. H hướng dẫn anh A nhận thêm nợ với số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh A đưa cho H nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ thanh toán 16.000.000 đồng, còn lại 64.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 42: Ngày 19/8/2017, anh Phạm Văn Đ, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 02527 vay 50.000.000 đồng, sau đó điều C nâng hạn mức lên 200.000.000 đồng. A Đ đã được giải ngân 200.000.000 đồng. Đến tháng 11/2019, do có nhu cầu muốn vay tiền cho con đi xuất khẩu lao động nên anh Đ và chị Nguyễn Thị C (*vợ anh Đ*) đến Phòng giao dịch gặp H xin vay thêm. Do hạn mức vay của anh Đ đã hết, anh Đ muốn tất toán khoản vay cũ lấy sổ đỏ ra làm hồ sơ vay thế chấp tài sản để được vay thêm tiền. H hướng dẫn chị C vợ anh Đ làm hồ sơ nhận vay số tiền 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03132. Chị C đã được giải ngân 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 07/11/2019*). Sau đó, anh Đ và chị C đến Phòng giao dịch gặp H xin tất toán khoản vay của anh Đ. H hướng dẫn chị C làm hồ sơ nhận nợ thêm số tiền 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 08/11/2019*). Sau khi nhận tiền giải ngân anh Đ và chị C đưa cho H 100.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay của anh Đ nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt. Vài ngày sau, anh Đ về Phòng giao dịch tiếp tục đưa cho H 100.000.000 đồng để tất toán khoản vay cũ nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt 200.000.000 đồng.

Vụ thứ 43: Ngày 6/9/2017, anh Lê Văn Q, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 01696 vay 100.000.000 đồng. A Q đã nhận đủ số tiền vay là 100.000.000 đồng. Sau đó, anh Q cho H mượn lại 58.000.000 đồng. Quá trình vay về tiền lãi

của khoản tiền 58.000.000 đồng H chịu trách nhiệm thanh toán. Ngày 25/3/2020, do cần tiền nên anh Q đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm hồ sơ vay số tiền 100.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền vay. Vài ngày sau anh Q gặp H đưa cho H 100.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay cũ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 44: Ngày 12/9/2017, anh Lê T D, trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 02309 vay 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 09/6/2020, anh D còn nợ Ngân hàng số tiền 37.000.000 đồng, chia làm 2 đợt thanh toán là 26.000.000 đồng và 11.000.000 đồng. Ngày 09/6/2020 anh D đến Phòng giao dịch xin nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng. H hướng dẫn anh D làm hồ sơ nhận nợ số tiền trên. Sau khi nhận tiền, anh D lên phòng làm việc hỏi H khoản vay của anh D khi nào đến hạn thanh toán. H kiểm tra và thông báo sắp đến hạn thanh toán khoản 26.000.000 đồng. Nghe vậy, anh D đưa cho H 26.000.000 đồng nhờ H tắt toán giúp. Để anh D tin tưởng H lập 01 giấy nộp tiền ký xác nhận đã nhận 26.000.000 đồng của anh D để trả nợ vay rồi đưa cho anh D. Số tiền nhận từ anh D, Hoàng không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 45: Ngày 24/10/2017, anh Nguyễn Văn L, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201702668 vay 100.000.000 đồng và được giải ngân khoản vay là 99.000.000 đồng. Quá trình vay, anh L đã trả nợ gốc và lãi, còn dư nợ 33.000.000 đồng. Ngày 28/10/2019, anh L tiếp tục ký hồ sơ nhận nợ thêm 66.000.000 đồng. Trong đó, 33.000.000 đồng anh L đưa tiền mặt cho H nhờ tắt toán khoản vay cũ. Sau khi nhận tiền H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Năm 2020, phòng giao dịch N C phân công anh Bùi Duy L - cán bộ tín dụng thay H quản L hồ sơ tín dụng của anh L. Ngày 17/03/2020, anh L đã lập hồ sơ tín dụng mới số 3910LAV202000704 và được Ngân hàng N phê duyệt cấp hạn mức tín dụng mới 200.000.000 đồng. Cùng ngày, anh L đã nhận nợ thêm 140.000.000 đồng. Khi anh L đang làm thủ tục để nhận giải ngân tại quầy giao dịch thì gặp H và trao đổi muốn tắt toán dư nợ cũ 66.000.000 đồng. Vì khách hàng đến giao dịch tại quầy quá đông nên H nói với anh L đưa số tiền này cho H để trả giúp. A L đã đưa cho H 66.000.000 đồng để nhờ tắt toán nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt của anh L là 99.000.000 đồng.

Vụ thứ 46: Ngày 26/10/2017, anh Nguyễn Mộng H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 02695 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay anh H còn dư nợ gốc 34.000.000 đồng. Ngày 15/10/2019, anh H vay thêm 20.000.000 đồng nên đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 54.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh H đưa 34.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay cũ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 47: Ngày 01/11/2017, anh Đ Q D, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 03333 vay 100.000.000 đồng. Dư nợ gốc của anh D đến năm 2019 là 30.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ gốc, anh D không có tiền nên đến Phòng giao dịch nhờ H đáo hạn. H hướng dẫn anh D làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 35.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 30/12/2019*). Sau khi nhận tiền giải ngân, anh D đưa 30.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán nhưng H chỉ thanh toán 10.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 48: Ngày 30/11/2017, anh Nguyễn X A, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201703084 vay 100.000.000 đồng. Ngày 28/10/2019, dư nợ gốc của anh A là 73.000.000 đồng nên anh A đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ 73.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh A đưa lên phòng làm việc giao cho H 73.000.000 đồng nhờ trả khoản vay ngày 30/11/2017. Sau khi nhận tiền H đã tắt toán 73.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 27/11/2019, anh A đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ 75.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh A đưa lên phòng làm việc giao cho H 75.000.000 đồng (*trong đó 73.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng trả lại cho H*) nhờ tắt toán khoản vay ngày 28/10/2019 nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 49: Ngày 20/12/2017, chị Nguyễn Thị Q, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 03397 vay 200.000.000 đồng. Ngày 20/01/2020, chị Q ký hồ sơ nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, trong đó 150.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3900.205.177.860 - Ngân hàng N của chị Hồ Thị A, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*H nhờ để chuyển tiếp tiền vào tài khoản 3910.205.123.415 - Ngân hàng N của H*) và 50.000.000 đồng tiền mặt. Sau đó, chị Q liên lạc cho H hỏi lại số tiền giải ngân 150.000.000 đồng. H nói với chị Q nếu không cần tiền nữa thì sẽ tắt toán giúp cho chị Q. Nghe vậy, chị Q nói với H tắt toán khoản vay trên cho chị. Sau đó, H không tắt toán mà chiếm đoạt. Đến tháng 6/2020, chị Q gặp H đưa cho H 1.200.000 đồng nhờ trả lãi ngân hàng nhưng H không trả mà chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt của chị Q là 151.200.000 đồng.

Vụ thứ 50: Ngày 26/12/2017, anh Hồ X T, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2017 03500 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay anh T còn nợ gốc và lãi tại Ngân hàng là 36.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc, lãi do không có tiền nên ngày 15/01/2019, anh T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ mới với số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, H yêu cầu anh T đưa cho H 36.000.000 đồng (*35.000.000 đồng tiền nợ*

gốc và 1.000.000 tiền lãi) để tắt toán khoản vay đến hạn nhưng H chỉ thanh toán nợ gốc 24.000.000 đồng, còn 12.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 51: Chị Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhờ ông Phan Văn L (*bố chồng chị L*) đến Phòng giao dịch N C đứng tên làm hồ sơ vay. Ngày 30/12/2017, ông L vay 100.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 3910-LAV-2017 03511. Ông L đã nhận tiền mặt tại quầy giao dịch. Tháng 01/2019, ông L thanh toán nợ gốc 33.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, còn dư nợ gốc 67.000.000 đồng. Tháng 12/2019, đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên chị L đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Ngày 24/12/2019, H hướng dẫn chị L làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền tại quầy giao dịch, chị L đưa 67.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay của ông L nhưng H chỉ thanh toán 33.000.000 đồng, còn 34.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 52: Ngày 29/12/2017, bà H Thị H P, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 03506 vay 100.000.000 đồng và được giải ngân số tiền 99.000.000 đồng. Tháng 6/2019, bà P đến Phòng giao dịch gặp H xin làm hồ sơ vay số tiền 100.000.000 đồng. Do bà P bận việc nên H làm hồ sơ chưa có chữ ký của bà P và báo cáo đề xuất giải ngân và giấy nhận nợ vào ngày 28/6/2019 trình anh Lê Q T kiểm soát khoản vay và anh Lê T N giám đốc phê duyệt (*khoản vay này bà P hoàn toàn không biết*). Sau khi anh T, anh N ký xong, H đưa hồ sơ về kế toán giao cho chị Lê N giao dịch viên. Do bà P chưa ký giấy nhận nợ nên chị N thông báo khi nào người dân lên ký giấy nhận nợ và chứng từ giao dịch thì sẽ thông báo cho H biết để lấy lại tiền (*vì trước đó bà P còn nợ H 5.000.000 đồng*). Sau đó, chị Nguyễn Thị H N thủ quỹ đưa lại cho H 100.000.000 đồng tiền giải ngân khoản vay của bà P. Số tiền nhận từ chị N, H chiếm đoạt.

Quá trình điều tra bà P khai nhận không biết hồ sơ này và khẳng định không có việc đến nhờ H làm hồ sơ vay và nợ tiền của H. Hiện nay, Cơ quan điều tra chưa xác định được ai đã ký giả chữ ký và chữ viết của bà H Thị H P trên hồ sơ giải ngân ngày 28/6/2019.

Vụ thứ 53: Năm 2017, chị Lê Thị Cẩm T, trú tại: Thôn H, xã Triệu T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 vay 150.000.000 đồng. Quá trình vay, chị T trả nợ gốc và lãi đầy đủ theo ý hạn. Tính đến ngày 17/4/2020, chị T còn nợ Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng. Vì cần tiền nên chị T đến gặp H nhờ làm hồ sơ vay thêm 50.000.000 đồng. Ngày 17/4/2020, H hướng dẫn chị T làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 01094, trong đó 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 50.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 3910205155037 - Ngân hàng N của Nguyễn Thị Ngọc H (*em ruột H*). Sau khi nhận tiền chị T đưa cho H 50.000.000 đồng tiền mặt và 50.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của H nhờ H tắt toán khoản vay 100.000.000 đồng trước

đó. Đến ngày 10/6/2020, H chỉ trả lãi và tiền gốc cho chị T 20.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 54: Ngày 17/01/2018, anh Phạm K, trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị, đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 03089 vay 200.000.000 đồng. A K đã nhận đủ tiền vay theo giấy nhận nợ ngày 15/2/2019, số tiền được giải ngân là 198.000.000 đồng. Ngày 23/3/2020, chị Ngô Thị T (*vợ của anh K*) đưa 15.000.000 đồng đến Ngân hàng nhờ H trả giúp tiền lãi nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 55: Ngày 18/01/2018, anh H Đình Sáng, trú tại: Thôn T Liên, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00187 vay 100.000.000 đồng. Sau đó, anh Sáng được giải ngân 50.000.000 đồng. Quá trình vay, anh Sáng đã trả được 16.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh, dư nợ gốc 34.000.000 đồng. Ngày 18/2/2019, anh Sáng đến Phòng giao dịch gặp H xin nhận nợ thêm 16.000.000 đồng để nâng khoản vay. H hướng dẫn anh Sáng làm hồ sơ nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền tại quầy giao dịch, anh Sáng mang 34.000.000 đồng lên phòng làm việc đưa cho H nhờ tắt toán khoản vay cũ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 56: Ngày 23/01/2018, chị Hồ Thị H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00697 vay 100.000.000 đồng, sau đó nâng hạn mức lên 200.0000.000 đồng. Ngày 11/3/2020, H hướng dẫn chị H làm hồ sơ nhận nợ 99.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân chị H đưa cho H 90.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay của anh Võ Văn Kiệt (*chồng chị H*) nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 57: Ngày 06/02/2018, chị Trương Thị T B, trú tại: Khu phố 3, phường 5, TP Đ, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2018 00408 vay 150.000.000 đồng. Khoảng tháng 3/2020, chị B đưa cho H số tiền 30.000.000 đồng để nhờ thanh toán nợ gốc đến hạn nhưng H không thanh toán vào Ngân hàng mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 58: Ngày 06/02/2018, anh Trần N T, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00390 vay 100.000.000 đồng. A T đã nhận tiền giải ngân 70.000.000 đồng vào ngày 21/3/2019. Ngày 10/3/2020, đến hạn trả nợ gốc anh T mang 60.000.000 đồng đưa cho H nhờ tắt toán. Sau khi kiểm tra H tính toán số tiền gốc và tiền lãi của khoản vay ngày 21/3/2019 là 78.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền của anh T (60.000.000 đồng) H không tắt toán mà chiếm đoạt. Đến ngày 17/3/2020, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nâng hạn mức tín dụng lên 200.000.000 đồng và nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 17/3/2020*). Sau khi nhận tiền mặt tại quầy giao dịch, anh T đưa 18.500.000 đồng cho H nhờ trả giúp vào Ngân hàng nhưng H không trả cho ngân hàng mà chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt là 78.500.000 đồng.

Vụ thứ 59: Ngày 01/3/2018, anh Lê Q S, trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2018 00524 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay anh S không có tiền trả nên H cho mượn tiền để trả nợ gốc sau đó làm hồ sơ nhận nợ mới trả lại cho H. Đến ngày 03/3/2020, anh S còn dư nợ gốc tại Ngân hàng là 33.000.000 đồng. Do không có tiền nên anh S đến gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh S làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 33.000.000 đồng. Sau khi giải ngân anh S đưa cho H 33.000.000 đồng nhờ tất toán khoản nợ gốc đến hạn nhưng H chỉ trả vào ngân hàng 11.000.000 đồng, còn 22.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 60: Ngày 02/3/2018, anh Nguyễn Kiệm, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201800259 vay 50.000.000 đồng. Quá trình vay, anh Kiệm trả được 16.000.000 đồng tiền nợ gốc và lãi, dư nợ gốc còn lại 34.000.000 đồng. Ngày 06/3/2020 đến hạn trả nợ gốc anh Kiệm không có tiền nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi giải ngân anh Kiệm đưa lên phòng làm việc giao cho H 35.000.000 đồng nhờ tất toán tiền gốc và lãi của khoản vay ngày 02/3/2018, H đã tất toán khoản vay này. Ngày 31/3/2020, anh Kiệm đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm thủ tục vay thêm 15.000.000 đồng, H hướng dẫn anh K làm hồ sơ nhận nợ 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh Kiệm đưa 35.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay ngày 06/3/2020 nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 61: Ngày 02/3/2018, chị L Thị T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-20180061 vay 60.000.000 đồng. Quá trình trả gốc và lãi còn dư nợ gốc tại ngân hàng 30.000.0000 đồng. Ngày 04/11/2019, chị T đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ thêm 30.000.000 đồng. Ngày 07/11/2019, chị T đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ vay thêm và được H hướng dẫn chị T làm hồ sơ vay mới 140.000.000 đồng gộp hai khoản vay thành một khoản để thuận tiện cho việc trả nợ. Sau khi nhận tiền giải ngân, chị T mang lên phòng làm việc giao cho H 60.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ trả vào Ngân hàng 30.000.000 đồng, còn 30.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 62: Ngày 06/3/2018, chị Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201800566 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay, chị H trả được 40.000.000 đồng, còn dư nợ tại Ngân hàng 60.000.000 đồng. Ngày 16/7/2020, chị H cần vay thêm nên đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ vay 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân chị H đưa lên phòng làm việc và giao cho H 60.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 63: Ngày 15/3/2018, chị Nguyễn Thị L , trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số

3910-LAV-2018 00700 vay 99.000.000 đồng. Ngày 08/5/2019, chị L nhận nợ số tiền 99.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền. Đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên chị L đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị L làm hồ sơ nâng hạn mức nhận nợ lên 200.000.000 đồng và nhận nợ thêm 100.000.000 triệu đồng (theo giấy nhận nợ ngày 14/5/2020). Sau khi nhận giải ngân, chị L đưa 109.500.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản nợ gốc 99.000.000 đồng và 10.500.000 đồng tiền lãi phát sinh nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 64: Ngày 20/03/2018, anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00749 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay, anh T nâng hạn mức tín dụng lên 200.000.000 đồng. Sau nhiều lần nhận nợ và thanh toán nợ gốc anh T còn nợ Ngân hàng số tiền 133.000.000 đồng. Do cần tiền, chị Đỗ Thị L (vợ anh T) cùng anh T đến gặp H nhờ làm thủ tục vay thêm tiền và tắt toán khoản vay cũ. Do hạn mức của anh T đã hết nên ngày 24/3/2020, H hướng dẫn chị Đỗ Thị L làm hồ sơ nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 và được giải ngân vay 150.000.000 đồng. Trong đó: 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 50.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910.215.023.026 - Ngân hàng N của Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (bạn H nhờ tài khoản rút tiền). Sau khi nhận tiền vợ chồng anh T chị L đưa 133.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay trước của anh T (trong đó 50.000.000 đồng tiền chuyển khoản và 83.000.000 đồng tiền mặt) nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 65: Ngày 27/03/2018, anh Nguyễn Đình T, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00819 vay 100.000.000 đồng. A T được giải ngân 30.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ ngày 27/3/2018). Quá trình vay, anh T đã trả được 10.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Tuy nhiên, do trả chậm nên theo quy định anh T phải tắt toán toàn bộ nợ xấu trước đó là 20.000.000 đồng. A T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H nói với anh T “*Sẽ cho anh T mượn 20.000.000 đồng để trả trước vào Ngân hàng, lãi phạt anh T tự nộp*” (thực tế H chưa tắt toán số nợ gốc 20.000.000 đồng của anh T). Ngày 11/4/2019, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ mới 20.000.000 đồng. Cùng ngày, anh T ký giấy nhận nợ 20.000.000 đồng và ký chứng từ nhận tiền tại quầy kế toán. Lúc này, H nói với anh T “*Để số tiền này lại ở kế toán để H nhận sau*”, anh T đồng ý. Sau khi H nhận tiền ở kế toán, H chỉ thanh toán vào Ngân hàng 10.000.000 đồng, còn 10.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 66: Ngày 05/4/2018, anh Đ Q Kính, trú tại: Thôn T, T, T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2015 02801 vay 50.000.000 đồng. A Kính được giải ngân 45.000.000 đồng. Quá trình vay, anh Kính chỉ trả tiền lãi, còn dư nợ gốc chưa thanh toán nên đến trước ngày 28/11/2019 dư nợ vẫn là 45.000.000 đồng. Ngày 28/11/2019, do không có tiền trả

nên anh Kính về gặp H xin giúp đỡ. H hướng dẫn anh Kính nhận nợ mới 48.000.000 đồng. Sau khi giải ngân, anh Kính đưa cho H 48.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ thanh toán tiền lãi phát sinh 3.000.000 đồng, còn lại 45.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 67: Ngày 10/4/2018, anh H Phú L, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00960 vay 100.000.000 đồng. Cùng ngày, anh L đã nhận số tiền nhận nợ là 50.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ do không có tiền nên anh L đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Ngày 11/4/2019, H hướng dẫn anh L ký hồ sơ nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền mặt, anh L đưa cho H 50.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ tất toán 16.000.000 đồng, còn 34.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 68: Ngày 12/4/2018, anh Phạm Văn L, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201801006 vay 200.000.000 đồng. Sau đó, anh L nhận giải ngân 180.000.000 đồng. Năm 2019 đến hạn trả gốc và lãi là 30.000.000 đồng nhưng anh L chỉ có 10.000.000 đồng nên đã đến Phòng giao dịch gặp H mượn thêm 20.000.000 đồng để thanh toán. Ngày 17/4/2019, anh L đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ nhận nợ 50.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh L đưa lên phòng làm việc và giao cho H 50.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng trả lại cho H nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 69: Ngày 17/4/2018, anh Trần Hữu H, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201801040 vay 100.000.000 đồng. Quá trình trả gốc và lãi chị H còn dư nợ gốc tại Ngân hàng 42.000.000 đồng. Do không có tiền trả nên ngày 21/4/2020, anh H đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh H đưa lên phòng làm việc và giao cho H 42.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ thanh toán vào Ngân hàng 28.000.000 đồng, còn 14.000.000 đồng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 70: Ngày 19/4/2018, anh Nguyễn Văn B, trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01087 vay 200.000.000 đồng. Ngày 20/4/2020, H thông báo cho anh B đến hạn thanh toán nợ gốc còn lại là 47.443.000 đồng và lãi phát sinh là 10.077.000 đồng. Sau đó, anh B lên phòng làm việc đưa cho H số tiền 57.520.000 đồng nhờ tất toán khoản vay đến hạn trả. Để anh B tin tưởng H lập 01 chứng từ giao dịch thể hiện nội dung đã nhận của anh B số tiền 57.520.000 đồng. Sau đó, H chỉ trả tiền lãi là 10.077.000 đồng, còn tiền gốc 47.443.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 71: Ngày 19/4/2018, anh Phan Đình L, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01080 vay 100.000.000 đồng. A L đã được giải ngân 50.000.0000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 07/5/2019. Ngày 06/5/2020, đến hạn trả nợ gốc khoản vay trên

do không có tiền nên anh L đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn anh L làm hồ sơ nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng. A L đã nhận đủ 50.000.000 đồng tiền mặt tại quầy giao dịch và mang lên phòng làm việc đưa cho H nhờ tắt toán nhưng H chỉ trả 16.000.000 đồng, còn 34.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 72: Ngày 19/4/2018, anh Lê M T, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhờ ông Đ Q Năm (bố vợ của anh T) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01077 vay 100.000.000 đồng. Ngày 23/4/2018, anh T đến Phòng giao dịch nhờ H làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01120 vay 100.000.000 đồng. Quá trình trả gốc và lãi anh T là người trực tiếp trả vào Ngân hàng và được H giúp đáo hạn. Đến ngày 21/4/2020, dư nợ gốc của anh T là 66.000.000 đồng nên anh T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm hồ sơ nhận nợ, H hướng dẫn anh T ký nhận nợ 33.000.000 đồng và H cho anh T mượn 33.000.000 đồng để tắt toán vào Ngân hàng khoản vay của anh T. Ngày 07/5/2020, khoản vay của ông Năm đến hạn thanh toán nên anh T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh T ký hồ sơ nhận nợ thêm số tiền 123.000.000 đồng và được giải ngân 100.000.000 đồng nhận tiền mặt, còn 23.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của anh Lê Toàn (*bạn của H*). Sau đó, anh T đưa cho H 76.000.000 đồng và 23.000.000 đồng tiền do anh Lê Toàn chuyển khoản nhờ H tắt toán khoản vay của ông Năm. Sau khi nhận tiền từ anh T, H lấy lại 33.000.000 đồng mà trước đó anh T mượn, còn 66.000.000 đồng không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 73: Ngày 26/4/2018, anh Nguyễn Văn C, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-20181179 vay 100.000.000 đồng và được giải ngân 99.000.000 đồng. Ngày 02/5/2020, đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền trả nên anh C đến phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ, H hướng dẫn anh C làm hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh C đưa lên phòng làm việc giao cho H 99.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ trả vào Ngân hàng 33.000.000 đồng, còn 66.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 74: Ngày 04/5/2018, anh Phạm H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01257 vay 70.000.000 đồng và được giải ngân 70.000.000 đồng. Quá trình vay, anh H đã trả được nợ gốc là 25.000.000 đồng và tiền lãi. Đến hạn trả nợ nhưng không có tiền nên anh H đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Ngày 20/5/2019, anh H ký hồ sơ nhận nợ số tiền 45.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân, anh H mang lên phòng làm việc và đưa cho H 45.000.000 đồng cùng tiền lãi phát sinh nhờ H tắt toán nhưng H chỉ thanh toán tiền lãi phát sinh, còn 45.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 75: Ngày 04/5/2018, anh Võ Viết T, trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01314 vay 99.000.000 đồng (*Giấy nhận nợ ngày 10/5/2018*). Đến

21/5/2019, không có tiền trả nợ gốc nên anh T đến Phòng giao dịch làm hồ sơ vay số tiền 33.000.000 đồng (*Giấy nhận nợ ngày 21/5/2019*). Sau khi giải ngân, anh T đưa cho H nhờ trả nợ gốc 33.000.000 đồng. Sau khi trả nợ, anh T còn hai khoản vay 66.000.000 đồng năm 2018 và 33.000.000 đồng năm 2019. Tháng 5/2020, đến hạn trả nợ gốc của hai khoản vay trên do không có tiền trả nợ gốc và lãi nên anh T đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. A T tiếp tục làm hồ sơ nhận nợ mới, số tiền 100.000.000 đồng (*giấy nhận nợ ngày 11/5/2020*) và đã nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh T đưa cho H nhờ tất toán khoản vay trước gần đến hạn. Trong đó, 99.000.000 đồng để trả nợ gốc và 1.000.000 đồng trả lãi phạt trả trước. Số tiền này, H chỉ trả cho ngân hàng 45.000.000 đồng gồm tiền gốc và tiền lãi phát sinh, còn 55.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 76: Ngày 08/5/2018, anh Nguyễn Kế S, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01285 vay 100.000.000 đồng. A S đã nhận giải ngân số tiền 100.000.000 đồng. Năm 2019, đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền trả nên anh S cùng vợ là chị Trần Thị L đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn chị L làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng (*theo hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 014330*). Sau khi nhận tiền chị L đưa cho H để tất toán khoản vay của anh S. H đã thực hiện việc này. Do hồ sơ vay của chị L không có tài sản giữ hộ nên ngày 08/8/2019, H hướng dẫn anh S làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ cùng ngày*). Sau khi nhận tiền mặt, anh S và chị L đưa 100.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay của chị L nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 77: Ngày 10/5/2018, chị Phan Thị N, trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01322 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay chị N đã làm hồ sơ nâng hạn mức vay lên 200.000.000 đồng. Ngày 10/5/2018, chị N nhận nợ số tiền 99.000.000 đồng và đã được giải ngân. Chị N đã trả được 33.000.000 đồng nợ gốc của khoản vay trên, đồng thời nhận nợ lại 33.000.000 đồng vào ngày 21/5/2019. Tính đến ngày 11/5/2020, chị N còn nợ ngân hàng 99.000.000 đồng chia làm hai khoản vay (*ngày 10/5/2018 dư nợ gốc 66.000.000 đồng và 21/5/2019 dư nợ gốc 33.000.000 đồng*). Do không có tiền trả nợ gốc nên chị N đến nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn chị N làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 100.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền mặt tại quầy giao dịch (*theo giấy nhận nợ ngày 11/5/2020*). Sau khi nhận tiền, chị N đưa cho H 99.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ trả vào Ngân hàng 44.000.000 đồng, còn 55.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 78: Ngày 11/05/2018, chị Đinh Thị Cao V, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2018 01334 vay 80.000.000 đồng. Quá trình trả nợ gốc và lãi chị V còn lại 37.000.000 đồng. Ngày 28/5/2019, chị V đến gặp H xin vay thêm tiền. H hướng dẫn làm hồ sơ nhận nợ mới với số tiền 63.000.000 đồng. Sau khi được giải

ngân chi V đưa cho H số tiền 37.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H chỉ thanh toán tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, còn 27.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 79: Ngày 11/5/2018, anh Nguyễn A D, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02157 vay 100.000.000 đồng. Cùng ngày, anh D được giải ngân số tiền vay 50.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc anh D không có tiền nên đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. Ngày 11/6/2019, H hướng dẫn anh D làm hồ sơ nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân 50.000.000 đồng anh D đưa lên phòng làm việc giao cho H nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ thanh toán 33.000.000 đồng, còn 17.000.000 triệu đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 80: Ngày 21/5/2018, anh Lê Ngọc K, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01460 vay 200.000.000 đồng. Ngày 05/6/2019, anh K nhận đủ số tiền vay 200.000.000 đồng. Ngày 10/01/2020, anh K chuyển tiền vào tài khoản số 3910205123415 - Ngân hàng N của H với số tiền 15.600.000 đồng để nhờ H thanh toán tiền lãi nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 81: Ngày 28/5/2018, anh Nguyễn Văn H, Trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201802533 vay 200.000.000 đồng. Dư nợ gốc của anh H là 119.000.000 đồng (*khoản vay 99.000.000 đồng ngày 28/5/2018 và 20.000.000 đồng ngày 12/7/2018*). Năm 2019, quá thời hạn thanh toán nợ nên H điện thoại yêu cầu vợ chồng anh H và chị Trần Thị G về Phòng giao dịch để làm việc. Do anh H không có tiền trả nợ nên H cho anh H mượn 33.000.000 đồng để thanh toán dư nợ đến hạn rồi làm thủ tục để anh H nhận nợ mới 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 10/06/2019*). Sau khi nhận tiền giải ngân, H yêu cầu anh H mang tiền lên cho H để tất toán khoản vay cũ và trả lại cho H tiền đã cho mượn trước đó. N vậy, dư nợ của anh H sau khi đưa tiền cho H còn lại là 120.000.000 đồng (*trong đó 20.000.000 đồng khoản vay ngày 12/7/2018 và 100.000.000 đồng khoản vay ngày 10/06/2019*). Sau khi nhận tiền của anh H, H giữ lại 66.000.000 đồng không tất toán khoản vay ngày 28/5/2018 mà chiếm đoạt. Tháng 07/2019, đến hạn trả nợ khoản vay 20.000.000 đồng nên vợ chồng anh H về gặp H nhờ giúp đỡ. Tại đây, H cho anh H mượn trước 20.000.000 đồng để tất toán nợ. Do khoản nợ của anh H bị quá hạn nên không làm hồ sơ vay thêm được nên H hướng dẫn chị Trần Thị G làm hồ sơ nhận nợ số tiền 120.000.000 đồng để tất toán khoản vay cho anh H (*theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01994 ngày 18/7/2019*). Trong đó 100.000.000 đồng tiền mặt và 20.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910205103975 - Ngân hàng Agribank của H Thị T, trú tại: Khu phố 5, phường 3, TP Đ, tỉnh Quảng Trị (bạn của H). Sau đó, anh H và chị G mang 100.000.000 đồng lên phòng làm việc đưa cho H nhờ tất toán khoản vay ngày 18/7/2019 và 20.000.000 đồng tiền chuyển khoản để trả nợ cho H nhưng H không

tất toán mà chiếm đoạt. Tổng cộng H đã chiếm đoạt của anh H và chị G số tiền 166.000.000 đồng (trong đó, 66.000.000 đồng vào ngày 10/06/2019 và 100.000.000 đồng vào ngày 18/7/2019).

Vụ thứ 82: Ngày 19/06/2018, anh Nguyễn Đình C trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01753 vay 100.000.000 đồng, số tiền vay được giải ngân là 99.000.000 đồng. Đến kỳ hạn trả nợ năm 2020, anh C còn nợ ngân hàng 33.000.000 đồng nên về gặp H xin đáo hạn nợ vì không có tiền trả nợ gốc. H đồng ý xử lý nợ bằng cách cho anh C nhận nợ mới số tiền 33.000.000 đồng để trả nợ cũ (theo giấy nhận nợ số 3910LDS202002418 ngày 02/06/2020). Sau khi anh C nhận giải ngân, H gọi điện nói anh C ra quán nước trước cổng phòng giao dịch. Tại đây, H giải thích quy định Ngân hàng không cho phép việc trả nợ và nhận nợ trong cùng một ngày nên yêu cầu anh C giao tiền cho H 35.000.000 đồng để thu nợ tiền gốc và lãi của khoản vay trước đó. Sau khi nhận tiền H chỉ thanh toán 2.000.000 đồng tiền lãi đến hạn, còn lại 33.000.000 đồng H đã chiếm đoạt.

Vụ thứ 83: Ngày 26/6/2018, anh Dương H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 01808 vay 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 21/4/2020, dư nợ gốc của anh H tại Ngân hàng là 33.000.000 đồng. Tháng 4/2020 do có nhu cầu muốn vay thêm vốn, anh H đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng (theo giấy nhận nợ ngày 21/4/2020). Sau khi nhận tiền tại quầy kế toán, anh H đưa 33.000.000 đồng H nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 84: Ngày 17/7/2018, anh Nguyễn X P, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02031 vay 100.000.000 đồng. A P được giải ngân 35.000.000 đồng. Quá trình vay anh phương trả nợ gốc và lãi, còn 24.000.000 đồng. Ngày 26/7/2019, anh P có nhu cầu vay thêm nên đến Phòng giao dịch nhận nợ số tiền 35.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh P đưa 24.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 85: Ngày 31/7/2018, anh Nguyễn Văn V, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02201 vay 100.000.000 đồng. A V được giải ngân 50.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên anh V nhờ H giúp cho mượn trước 16.000.000 đồng để trả nợ gốc. Sau đó, H hướng dẫn anh V làm hồ sơ nhận nợ mới với số tiền 50.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, anh V đưa 50.000.000 đồng cho H để nhờ tất toán khoản vay trước đó gồm: nợ gốc còn lại 34.000.000 đồng và trả lại cho H là 16.000.000 đồng mà H đã cho mượn. Để anh V tin tưởng, H đã lập 01 giấy nộp tiền thể hiện H đã nhận của anh V số tiền 34.000.000 đồng và đưa cho anh V. Sau khi nhận tiền, H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 86: Ngày 15/8/2018, anh Lê X T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02348 vay 40.000.000 đồng. Ngày 22/8/2019, anh T đến Phòng giao dịch làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02334 vay 80.000.000 đồng. Sau khi trả nợ gốc và lãi, anh T còn dư nợ gốc 22.200.000 đồng của hợp đồng ngày 15/8/2018 và 80.000.000 đồng của hợp đồng ngày 22/8/2019. Đến hạn trả nợ gốc khoản vay 80.000.000 đồng, anh T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm thủ tục vay mới số tiền 120.000.000 đồng để tất toán 2 khoản vay cũ. Do hạn mức của anh T còn nên H nói với anh T sau khi nhận tiền giải ngân thì giao lại tiền để H xử lý nợ và đáo hạn cho khách hàng rồi sau đó tự tất toán dư nợ cho anh T, nghe vậy anh T đồng ý. Ngày 13/9/2020, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02334 và anh T đã được giải ngân 200.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh T đưa cho H 102.500.000 đồng để nhờ tất toán khoản vay trước đó. Sau đó, H trả lại cho anh T 12.100.000 đồng, còn lại 90.400.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 87: Ngày 28/8/2018, anh Nguyễn X, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV2018 02477 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay anh X còn dư nợ 20.000.000 đồng nhưng không đến trả nợ theo quy định. Để tránh khoản nợ bị chuyển nhóm nợ xấu sẽ buộc phải thu hồi toàn bộ nợ gốc nên H đã cho anh X mượn tiền để trả vào Ngân hàng 6.000.000 đồng tiền nợ gốc. Ngày 17/09/2019, H hướng dẫn anh X ký giấy tờ nhận nợ 20.000.000 đồng và yêu cầu giao lại tiền cho H đã mượn trước đó. Sau khi giải ngân, anh X đưa 20.000.000 đồng cho H, trong đó 6.000.000 đồng trả lại cho H, còn 14.000.000 đồng nhờ H tất toán khoản vay cũ nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 88: Ngày 30/8/2018, anh Nguyễn X H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201802523 vay 160.000.000 đồng. Quá trình vay anh H đã trả nợ gốc 94.000.000 đồng, còn dư nợ 66.000.000 đồng. Ngày 09/9/2019, anh H gặp H làm hồ sơ vay thêm 66.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân, anh H trả vào Ngân hàng 72.000.000 đồng, dư nợ gốc 60.000.000 đồng. Ngày 29/5/2020, anh H gặp H nhờ làm hồ sơ vay thêm 80.000.000 đồng, để thuận tiện cho việc trả nợ nên H hướng dẫn anh H làm hồ sơ nhận nợ mới 140.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh H đưa lên phòng làm việc và giao cho H 60.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 89: Ngày 18/09/2018, A Nguyễn Nhị H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02693 vay 100.000.000 đồng. Sau nhiều lần nhận nợ, số tiền nợ gốc của anh H tại Ngân hàng là 100.000.000 đồng. Ngày 19/11/2019 đến hạn thanh toán nợ gốc, do không có tiền nên anh H đến nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn anh H nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh H đưa cho

H nhờ tất toán khoản vay đến hạn trả nợ gốc nhưng H chỉ thanh toán số tiền nợ gốc 38.000.000 đồng, còn 62.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 90: Ngày 02/10/2018, chị Võ Thị H, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201802853 vay 100.000.000 đồng. Quá trình trả gốc và lãi chị H còn dư nợ gốc tại Ngân hàng 64.000.000 đồng. Do có nhu cầu vay thêm nên ngày 13/02/2020, chị H đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ vay 36.000.000 đồng. H hướng dẫn chị H làm hồ sơ nhận nợ mới 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân chị H đưa lên phòng làm việc và giao cho H 64.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 91: Ngày 05/10/2018, anh Trần T N, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02887 vay 100.000.000 đồng. A N đã nhận đủ số tiền vay. Sau đó, do anh N đi xuất khẩu lao động nên anh Trần T Q (*anh ruột anh N*) đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm thủ tục vay mới để tất toán khoản vay của anh N. Ngày 27/01/2019, H hướng dẫn anh Q làm hồ sơ vay theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2016 03230. Ngày 06/11/2019, anh Q ký hồ sơ nhận nợ 60.000.000 đồng và ngày 26/11/2019 nhận nợ 40.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh Q đưa cho H 100.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay của anh N nhưng H chỉ thanh toán 33.000.000 đồng, còn 67.000.000 đồng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 92: Ngày 15/10/2018, anh Lê Hữu T, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02963 vay 100.000.000 đồng. Theo hồ sơ giải ngân, năm 2018 anh T nhận nợ số tiền 60.000.000 đồng. Quá trình vay, anh T trả được 20.000.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng nhưng không có tiền trả nên đến nhờ H làm hồ sơ nhận nợ mới để trả nợ cũ. Ngày 07/10/2019, sau khi anh T ký hồ sơ nhận nợ số tiền 40.000.000 đồng, anh T đã đưa cho H nhờ tất toán nhưng H không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 93: Ngày 24/10/2018, anh Nguyễn Văn P, trú tại: Thôn Đại H, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201803044 vay 80.000.000 đồng. Đến hạn anh P không có tiền trả nên ngày 04/6/2020, anh P đến gặp H nhờ làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi giải ngân anh P đưa lên phòng làm việc giao cho H 82.000.000 đồng để tất toán tiền gốc và lãi của khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 94: Ngày 08/11/2018, Nguyễn Thị T, trú tại: Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201803200 vay 50.000.000 đồng. Tháng 10/2019, do không có tiền trả nên chị T đến gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị T nhận thêm nợ mới 50.000.000 đồng dùng để trả nợ cũ (*theo giấy nhận nợ ngày 29/10/2019*). Sau khi hoàn tất thủ tục và nhận giải ngân, chị T đưa 50.000.000 đồng kèm tiền lãi cho H

để nhờ tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ trả 16.000.000 đồng cùng tiền lãi, còn lại 34.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 95: Ngày 20/11/2018, anh Hồ Viết L, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV20183320 vay 100.000.000 đồng. Tháng 11/2019, Ngân hàng thông báo anh L đến kỳ hạn trả nợ gốc 33.000.000 đồng và 11.000.000 đồng tiền lãi. Vì không có tiền nên anh L đã đến phòng giao dịch gặp H để xin được đảo hạn ngân hàng. Ngày 29/11/2019, H hướng dẫn anh L làm thủ tục điều C hạn mức tín dụng từ 100.000.000 đồng lên 200.000.000 đồng và làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân, anh L đưa cho H 100.000.000 đồng và 11.000.000 đồng tiền lãi mang theo trước đó để nhờ H tất toán khoản vay cũ nhưng H chỉ thanh toán nợ gốc đến hạn cùng tiền lãi 44.000.000 đồng (*gồm 33.000.000 đồng nợ gốc và 11.000.000 đồng tiền lãi*), còn 67.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 96: Năm 2018, chị Trần Thị T, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị vay 02 khoản nợ tại Phòng giao dịch N C gồm: số tiền 20.000.000 đồng vay ngày 02/08/2018 và 50.000.000 đồng vay ngày 27/08/2018 theo hợp đồng tín dụng số 3910LAV2016 03692. Năm 2019, chị T gọi điện cho H hỏi số tiền nợ gốc và lãi cần thanh toán. H tra cứu số tiền nợ gốc, lãi phát sinh cần trả và thông báo cho chị T, đồng thời yêu cầu chị T mang tiền về giao cho H để thu nợ. Ngày 08/11/2019, chị H Thị L (*bà con với chị T*) đưa 20.160.000 đồng để nhờ trả nợ gốc 14.000.000 đồng, lãi 6.160.000 đồng. Sau khi nhận tiền H lập giấy nộp tiền đưa lại cho chị L để xác nhận đã thu tiền trả nợ. Ngày 20/12/2019, chị L đưa cho H 32.153.000 đồng để nhờ trả nợ gốc 32.000.000 đồng, lãi 153.000 đồng. Sau khi nhận tiền H lập giấy nộp tiền đưa lại cho chị L để xác nhận đã thu tiền trả nợ. Sau hai lần nhận tiền, H chỉ thanh toán phần tiền lãi 6.313.000 đồng, còn 46.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 97: Năm 2018, chị Trần Thị Bảo T, trú tại: Khu phố 3, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV 2018 02552 vay 200.000.000 đồng. Quá trình vay, do ở xa nên chị T nhờ H trả giúp nợ gốc và lãi khi đến hạn, chị T chuyển tiền vào tài khoản số 3910.205.123.415 của H với số tiền 61.300.000 đồng, trong đó 40.000.000 đồng trả tiền nợ gốc và 21.300.000 đồng trả tiền lãi. H đã trả cho chị T số tiền 62.015.028 đồng, số tiền chị T còn nợ lại bị can là 715.028 đồng. Dư nợ gốc còn lại của chị T là 160.000.000 đồng. Tháng 5/2020, chị T có nhu cầu vay thêm nên liên hệ với H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị T tất toán khoản vay cũ, làm hồ sơ nhận nợ mới (*nâng hạn mức nhận nợ*) để nhận số tiền vay nhiều hơn. Do đó, chị T đã 03 lần chuyển tiền vào tài khoản số 3910.205.123.415 của H với số tiền 111.650.000 đồng để nhờ thanh toán một phần khoản vay cũ. Trừ đi số tiền chị T còn nợ H 715.028 đồng, số tiền còn lại là 110.934.972 đồng. Sau khi nhận tiền, H không tất toán khoản vay cũ cho chị T. Ngày 29/5/2020, chị T làm hồ sơ vay số tiền 250.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020, trong đó 100.000.000 đồng nhận tiền

mặt và 150.000.000 đồng chuyển khoản. Sau khi nhận tiền, chị T đưa 50.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay cũ. Tổng số tiền chị T đã đưa cho H là 160.934.972 đồng (*tiền mặt 50.000.000 đồng và chuyển khoản 110.934.972 đồng*). Sau khi nhận tiền, H chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 98: Năm 2018, anh Lê Tiến S, trú tại: 354 Lê Duẩn, phường Đ Lễ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị là khách hàng vay vốn tại Phòng giao dịch N C. Quá trình vay, nhiều lần không có tiền trả nợ gốc và lãi H đều giúp anh S tắt toán Ngân hàng nên anh S rất tin tưởng. Tổng dư nợ gốc của anh S tại Ngân hàng là 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00787 ngày 25/3/2019. Trong đó nhận nợ 180.000.000 đồng ngày 08/10/2019; 300.000.000 đồng vào ngày 18/10/2019; 60.000.000 đồng vào ngày 06/12/2019; 360.000.000 đồng vào ngày 25/3/2020 và 100.000.000 đồng vào ngày 05/5/2020. A S đã nhận đủ số tiền vay. Đến khoảng đầu tháng 6/2020 trong một lần đi uống cà phê với nhau, anh S có hỏi H các khoản vay của anh S có khoản nào đến hạn trả nợ gốc chưa để anh S nhờ tắt toán. H nói với anh S không nhớ khoản nào đến hạn trả nên phải về Phòng giao dịch để kiểm tra. Sau đó anh S đưa cho H 200.000.000 đồng nhờ H kiểm tra xem có khoản nào đến hạn trả thì tắt toán giúp. Sau khi về Phòng giao dịch H kiểm tra thấy khoản vay ngày 18/10/2019 của anh S có thời hạn trả nợ gốc là 300.000.000 đồng vào ngày 18/4/2020 (*đã quá hạn trả nợ gốc*). H nói với anh S sẽ cho mượn thêm 100.000.000 đồng để tắt toán khoản vay này nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt 200.000.000 đồng.

Vụ thứ 99: Ngày 03/01/2019, anh Lê Văn P, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00009 vay 100.000.000 đồng. Quá trình trả nợ gốc và lãi anh P còn nợ Ngân hàng số tiền 25.000.000 đồng nhưng đến hạn trả lãi không có tiền nên đến nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn anh P làm hồ sơ nhận nợ số tiền 40.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 19/5/2020*). Sau khi nhận tiền, anh P đưa 25.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay cũ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 100: Ngày 10/01/2019, H hướng dẫn chị Lê Thị H X, trú tại: Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Trị làm hồ sơ nhận nợ 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00096. Khi đang làm hồ sơ vay cho chị X, có chị Trần Thị Mỹ Ngọc, trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhờ H chuyển giúp 180.000.000 đồng vào tài khoản 2000206072637-Ngân hàng N Đà Nẵng của anh Lê Văn N, trú tại: khu phố 7, phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Sau đó chị Ngọc sẽ đưa tiền mặt lại cho H. Sẵn có hồ sơ của chị X nên H điền thông tin số tài khoản của anh N và số tiền 180.000.000 đồng vào báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ ngày 22/01/2020 với nội dung chị X vay số tiền 180.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản của anh N. Sau đó, chị X ký giấy ủy nhiệm chi và H đưa hồ sơ cho bộ phận kế toán. Do khách hàng quá đông nên H nói với chị X ký hồ sơ về trước khi nào Ngân hàng giải ngân H sẽ đưa tiền lên cho. Sau khi Ngân hàng giải ngân hồ sơ vay của chị X, H nhận tiền của chị Ngọc

rồi đi đến chợ L đưa cho chị X số tiền 100.000.000 đồng và nói chỉ được vay 100.000.000 đồng. Số tiền còn lại 80.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 101: Ngày 10/01/2019, anh Phạm Văn Năm, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, chở bà Phạm Thị H (cô ruột của anh Năm) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201900094 vay 70.000.000 đồng. Ngày 16/5/2019, anh Năm chở bà H đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ nhận nợ 90.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh Năm đưa cho H 72.000.000 đồng nhờ tất toán tiền gốc và lãi của khoản vay ngày 01/10/2019, H đã tất toán khoản vay này. Ngày 06/02/2020, H liên lạc với anh Năm khoản vay của bà H sắp đến hạn trả. Ngày 07/6/2020 anh Năm chở bà H đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân anh Năm đưa cho H 90.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay ngày 16/5/2019 nhưng H chỉ trả 30.000.000 đồng vào Ngân hàng, còn 60.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 102 : Ngày 17/01/2019, anh Nguyễn Đình Lập, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201900176 vay 50.000.000 đồng. Quá trình trả gốc và lãi anh Lập còn dư nợ gốc tại Ngân hàng 40.000.000 đồng. Do có nhu cầu vay thêm nên ngày 02/12/2019, anh Lập đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ vay thêm 15.000.000 đồng. H hướng dẫn anh Lập làm hồ sơ nhận nợ mới 55.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh Lập đưa lên phòng làm việc và giao cho H 40.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó. Sau khi nhận tiền từ anh Lập, H đã nhầm lẫn tất toán khoản vay mới là 55.000.000 đồng. Do đó, ngày 04/02/2020, H yêu cầu anh Lập đến ký hồ sơ nhận nợ 55.000.000 đồng để điều C lại dư nợ của anh Lập theo hợp đồng nhận nợ ngày 02/12/2019. Sau khi nhận tiền giải ngân anh Lập đưa lên phòng làm việc và giao cho H 55.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó là 40.000.000 và trả cho H 15.000.000 đồng (*H thanh toán nhầm*) nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt số tiền 40.000.000 đồng của anh Lập.

Vụ thứ 103: Ngày 22/01/2019, chị Phạm Thị T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00224 vay 200.000.000 đồng và được giải ngân số tiền 100.000.000 đồng. Quá trình vay, chị T không trả nợ lãi đúng hạn nên theo quy định chị T phải nộp lại số tiền gốc đã vay trước đó là 67.000.000 đồng mới được vay lại (khoản vay 100.000.000 đồng). Ngày 03/02/2020, chị T mang 53.000.000 đến Phòng giao dịch trả nợ gốc. Do còn thiếu thêm 14.000.000 đồng nên chị T hỏi mượn tiền của H. Vì không có tiền nên H hướng dẫn chị T làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 67.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 04/2/2020*). Sau khi nhận đủ tiền chị T đưa lại cho kế toán số tiền 14.000.000 đồng để nhờ đưa cho H tất toán nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 104: Ngày 14/02/2019, anh Võ M L, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-

201900397 vay 100.000.000 đồng. Ngày 10/02/2020, đến hạn trả nợ gốc không có tiền trả nên anh L đến gặp H nhờ làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi giải ngân anh Kiệm đưa lên phòng làm việc giao cho H 100.000.000 đồng và tiền lãi nhờ tắt toán tiền gốc và lãi của khoản vay ngày 14/02/2019, H đã tắt toán khoản vay này. Ngày 21/5/2020, anh L đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm thủ tục vay 100.000.000 đồng, H hướng dẫn anh L làm hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh L đưa 100.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay ngày 10/02/2020 nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 105: Ngày 27/02/2019, anh Đặng Văn D, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00476 vay 100.000.000 đồng. A D đã nhận đủ 100.000.000 đồng. Đến thời hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên anh D đến phòng giao dịch gặp H nhờ giúp trong việc đáo hạn. H hướng dẫn anh D làm hồ sơ vay thêm 100.000.000 đồng để lấy tiền trả nợ cũ. A D đã nhận 100.000.000 đồng theo giấy nhận nợ ngày 6/2/2020 tại quầy giao dịch và mang lên phòng làm việc đưa cho H. Sau khi nhận tiền H chỉ trả vào Ngân hàng 33.000.000 đồng nợ gốc, còn 67.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 106: Ngày 28/02/2019, chị Lê Thị H, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 00486 vay 100.000.000 đồng và được giải ngân tiền vay 100.000.000 đồng. Tháng 9/2019, quá hạn trả nợ lãi vay nhưng chị H không trả lãi nên theo quy định Ngân hàng phải thu toàn bộ nợ. H điện thoại cho chị H yêu cầu đến Ngân hàng xử lý khoản vay. Ngày 14/09/2019, chị H cùng chồng là Hồ Công H về phòng giao dịch và mang theo 100.000.000 đồng để trả nợ. Đ thời muốn chuyển khoản vay sang con là Hồ Tây S đứng tên. H yêu cầu chị H giao tiền cho H để thu nợ rồi sẽ làm thủ tục cho con chị H nhận nợ lại. Sau khi nhận tiền H chiếm đoạt số tiền 100.000.000 đồng không tắt toán trả vào Ngân hàng.

Vụ thứ 107: Ngày 05/3/2019, anh Trương Ngọc P, trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201900548 vay 100.000.000 đồng. Ngày 02/3/2020, anh P không có tiền để trả nợ gốc nên gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh P làm hồ sơ điều chỉnh hạn mức lên 200.000.000 đồng và nhận nợ mới số tiền 100.000.000 đồng. H đã nhận của anh P 100.000.000 đồng để tắt toán khoản vay trước đó. Ngày 26/3/2020, anh P đến Phòng giao dịch vay thêm 100.000.000 đồng và đã nhận đủ số tiền. Ngày 06/4/2020, anh Trương Ngọc H (*em ruột của anh P*) đến Phòng giao dịch để nhờ H tắt toán khoản vay của anh P (*khoản vay ngày 02/3/2020*). H tính tiền lãi (316.438 đồng) và tiền lãi phạt trả trước (991.300 đồng), tổng cộng là 1.307.738 đồng để báo cho anh H. A H đã đưa cho H 101.307.738 đồng để nhờ tắt toán khoản vay của anh P. Để anh H tin tưởng H đã lập 01 chứng từ giao dịch

ngày 06/4/2020 đưa cho anh H với nội dung chứng từ giao dịch thể hiện anh H đã nộp số tiền 101.307.738 đồng cho Ngân hàng. Số tiền này H chiếm đoạt.

Vụ thứ 108: Ngày 07/3/2019, anh Nguyễn Hữu X, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 00582 vay 100.000.000 đồng. Tháng 08/2019, dư nợ gốc của anh X là 50.000.000 đồng. Do có nhu cầu vay thêm vốn, anh X đến Phòng giao dịch N C gặp H xin vay thêm 50.000.000 đồng nữa để làm ăn kinh doanh. Vì anh X đang dư nợ tại Ngân hàng nên H trao đổi với anh X làm thủ tục nhận nợ mới 100.000.000 đồng để tất toán hết dư nợ cũ, chỉ còn lại 1 khoản nợ tiền cho việc thanh toán nợ gốc và lãi. Dự, với phương án này, anh X nhận nợ 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 05/8/2019*). Sau khi nhận tiền, anh X đưa cho H 50.000.000 đồng để tất toán khoản nợ trước đó nhưng H chỉ thanh toán dư nợ gốc đến hạn là 16.000.000 đồng, còn lại 34.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 109 : Ngày 07/3/2019, anh Lê Hào Q, trú tại: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201900581 vay 50.000.000 đồng. Do có nhu cầu vay thêm nên ngày 24/6/2019, anh Lập đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh Q đưa lên phòng làm việc và giao cho H 50.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán. Đến đầu tháng 02/2020, H đưa lại cho anh Q 30.000.000 đồng, còn 20.000.000 đồng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 110: Ngày 01/4/2019, anh Phạm Văn D, trú tại: Thôn Đ, D, T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 00880 vay 200.000.000 đồng. A D đã nhận nợ số tiền 160.000.000 đồng. Ngày 26/03/2020, anh D đến gặp H xin thanh toán tiền lãi và gia hạn nợ vì chưa có tiền thanh toán nợ gốc là 54.000.000 đồng. Ngày 30/3/2020, H hướng dẫn anh D nhận nợ thêm 40.000.000 đồng, còn 14.000.000 đồng H sẽ cho mượn. Ngày 10/04/2020, H yêu cầu anh D nhận nợ thêm 54.000.000 đồng, trong đó 14.000.000 đồng trả lại cho H và 40.000.000 đồng sẽ tất toán dư nợ đã nhận ngày 30/03/2020. Sau khi nhận tiền giải ngân tại quầy giao dịch, anh D đưa 54.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay 40.000.000 đồng vào ngày 30/3/2020 và trả lại cho H 14.000.000 đồng đã mượn trước đó. Sau khi nhận tiền, H không tất toán mà chiếm đoạt 40.000.000 đồng.

Vụ thứ 111: Ngày 11/4/2019, anh Đ Q N, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 03428 vay 500.000.000 đồng. Cuối năm 2019, dư nợ gốc của anh N là 460.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc do không có tiền nên anh N đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H đã cho anh N mượn 400.000.000 đồng để nộp vào Ngân hàng, số tiền 60.000.000 đồng chị Hồ Thị Diễm T (*vợ anh N*) tự nộp vào Ngân hàng. Sau khi tất toán xong, H làm hồ sơ nhận nợ cho anh N số tiền 500.000.000 đồng, số tiền này được chuyển vào tài khoản 3910205060665 Ngân

hàng N của anh Nguyễn Đức C là nhân viên bảo vệ (*H nhờ đừng tên để rút tiền*). Sau khi anh N nhận đủ số tiền 500.000.000 đồng từ anh C, anh N đưa lại cho H 400.000.000 đồng đã mượn trước đó và 60.000.000 đồng thì chuyển khoản cho tài khoản của bạn chị T. Còn 40.000.000 đồng H bảo anh N và chị T đưa cho H để khi nào đến hạn trả nợ gốc H sẽ trả vào ngân hàng cho nhưng H không thanh toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 112: Ngày 18/4/2019, anh Lê Q Kỳ, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01076 vay 400.000.000 đồng. Do có nhu cầu vay thêm nên ngày 05/6/2020, anh Kỳ đến Phòng giao dịch làm hồ sơ vay. H hướng dẫn anh Kỳ làm hồ sơ nhận nợ số tiền 400.000.000 đồng và bảo anh Kỳ chuyển tiền vào tài khoản số 3902.205.187.924 - của chị L, trú tại: tiểu khu 4, thị trấn Ái tử, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*) rồi H sẽ liên hệ chị L chuyển lại tiền này cho anh Kỳ. Sau khi ký hồ sơ, chứng từ giải ngân xong anh Kỳ ra về. Số tiền giải ngân qua tài khoản của chị L, H liên lạc nhờ chị L chuyển lại vào tài khoản số 3910.207.000.344 - Ngân hàng N của H. Số tiền này, H chiếm đoạt.

Vụ thứ 113: Ngày 18/4/2019, anh Trương Văn T, trú tại: Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 vay 200.000.000 đồng. Trước đó, anh T có vay vốn tại Ngân hàng đã thanh toán tiền nợ gốc nhưng chưa thanh toán tiền lãi đã được Ngân hàng xử L rủi ro (*xuất ngoại bảng*). Nếu không thanh toán tiền thì anh T không thể vay Ngân hàng. H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 90.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, anh T đưa cho H 15.000.000 đồng để thanh toán số tiền lãi còn nợ. Để anh T tin tưởng H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện đã nhận của anh T số tiền 15.000.000 đồng và đưa cho anh T. Số tiền này H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 114: Ngày 23/04/2019, anh Võ Văn N, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01117 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, anh N được giải ngân 180.000.000 đồng. Sau khi anh N nhận 80.000.000 đồng tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3902205146802- Ngân hàng N của Nguyễn Đắc N T, trú tại: Khu phố 4, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*). H nói với anh N “*khi nào đi xuất khẩu lao động H sẽ chuyển tiền lại*”. Nghe vậy, anh N đồng ý và đưa cho H thêm 80.000.000 đồng. Một thời gian sau, khi có thông báo đi xuất khẩu lao động anh N liên lạc với H yêu cầu chuyển tiền nên H nói với anh N “*Làm lại hồ sơ mới vì anh N đi xuất khẩu lao động thì không được tên vay được*”. Sau đó, H hướng dẫn bà Phạm Thị Tuyết (*mẹ anh N*) làm hồ sơ vay mới để lấy tiền đưa cho anh N đi xuất khẩu. Số tiền 180.000.000 đồng H nhận của anh N, H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 115 : Ngày 20/5/2019, chị Hồ Thị A, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201901383 vay 200.000.000 đồng. Đến kỳ tất toán gốc và lãi nhưng

do không có tiền thanh toán nên ngày 12/11/2019, chị A nhờ anh Hồ S Đ (*em ruột chị A*) đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ vay 200.000.000 đồng và được giải ngân 200.000.000 đồng: Trong đó: 10.000.000 chị A nhận tiền mặt, còn 190.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910020507496 - Ngân hàng N của anh Nguyễn Văn L, trú tại: thôn 9, xã Triệu vân, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*), đồng thời nhờ H nhận tiền từ tài khoản anh L để tất toán khoản vay của còn lại của chị A trước đó là 190.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị A là 190.000.000 đồng từ tài khoản của anh L chuyển, H không tất toán khoản vay của chị A mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 116: Vợ chồng ông Lê Đức T và bà Nguyễn Thị T, cùng trú tại Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Q có nhu cầu vay vốn cho con trai và con dâu đi xuất khẩu lao động nên đến nhờ H làm hồ sơ vay. Ngày 31/5/2019, ông T đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01546. H hướng dẫn ông T làm hồ sơ vay 200.000.000 đồng và được giải ngân chuyển vào tài khoản số 3902205131190 - Ngân hàng N của Nguyễn Thị T H, trú tại: Khu phố 3, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị (*bạn H*). Sau khi ký chứng từ giải ngân, H giữ lại tiền và yêu cầu ông T khi nào con ông có thông báo đi xuất khẩu lao động sẽ chuyển tiền. Đến ngày 23/7/2019, H tiếp tục hướng dẫn bà T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02022 và giải ngân 100.000.000 đồng tiền mặt và chuyển vào tài khoản số 3615205278173 - Ngân hàng N của H Đình N (đơn vị xuất khẩu lao động). Sau khi nhận 100.000.000 đồng bà T mang lên phòng làm việc giao cho H. Đến tháng 8/2019, ông T và bà T thông báo cho H là các con ông không đi xuất khẩu lao động được nên đề N H tất toán khoản vay 300.000.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng ông T nhận nợ và 100.000.000 đồng của bà T nhận nợ) nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 117: Ngày 13/6/2019, anh Lê T T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01677 vay 100.000.000 đồng. Quá trình vay, anh T đã có hai lần nhận nợ số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 13/6/2019 và 80.000.000 đồng vào ngày 20/2/2020. Đến ngày 17/4/2020, anh T có nhu cầu vay thêm số tiền 20.000.000 đồng nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm hồ sơ. H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nâng hạn mức lên 200.000.000 đồng. Để thuận tiện cho việc trả nợ, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng. A T đã nhận đủ số tiền (*theo giấy nhận nợ ngày 17/4/2020*). Sau khi nhận tiền anh T đưa cho H 80.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay cũ vào ngày 20/2/2020 nhưng H không tất toán. Đến đầu tháng 6/2020, anh T điện thoại cho H hỏi số tiền 80.000.000 triệu đồng trên nên H đã đưa lại cho anh T 5.000.000 đồng, còn 75.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 118: Ngày 26/6/2019, anh Đ P T, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-

2019 01816 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, H làm hồ sơ cho anh T nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng. A T được giải ngân 100.000.000 đồng, còn 100.000.000 chuyển qua tài khoản số 3902205057508 - Ngân hàng N của chị H Thị H, trú tại: Khu phố 4, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*) để kiểm tra việc xây nhà mới quyết định cho vay. Sau khi kiểm tra, H thấy anh T không có khả năng trả nợ nên chỉ đưa lại cho anh T 50.000.000 đồng, giữ lại 50.000.000 đồng. Để anh T tin tưởng H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung anh T trả vào Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng đưa cho anh T, còn 50.000.000 đồng H chiếm đoạt.

Vụ thứ 119: Ngày 27/6/2019, anh Nguyễn Hữu T, trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01822 vay 150.000.000 đồng và được giải ngân 150.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc, anh T không có tiền trả nên đến nhờ H làm thủ tục nhận nợ mới. Ngày 19/5/2020, anh T vay thêm 50.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân, anh T đưa 50.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi phát sinh cho H nhờ trả nợ gốc khi đến hạn của khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 120: Ngày 27/6/2019, chị Đinh Thị X, trú tại: Thôn T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201901837 vay 150.000.000 đồng, trong đó 70.000.000 đồng chị X nhận tiền mặt tại quầy giao dịch, còn 80.000.000 đồng chuyển vào số tài khoản 3910205008632 của anh T (*em chị X*). Sau đó, H yêu cầu anh T rút đưa cho H 80.000.000 đồng. Chị X biết được H yêu cầu anh thông rút số tiền giải ngân của mình đưa cho H nên yêu cầu H trả lại số tiền này nhưng H chỉ trả 40.000.000 đồng, còn 40.000.000 đồng H không trả cho chị X mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 121: Ngày 16/7/2019, anh Lê Hữu Đ, trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01986 vay 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2020, anh Đ còn nợ gốc số tiền 600.000.000 đồng. Tại thời điểm này do tình hình dịch Covid 19, hoạt động sản xuất kinh doanh bị đình trệ, Ngân hàng có chính sách giảm lãi suất cho vay đối với các cá nhân và doanh nghiệp vay vốn. Biết được thông tin trên anh Đ liên hệ với H thì được H cung cấp thông tin nếu vay thêm vốn Ngân hàng sẽ giảm lãi suất. Để được hưởng chênh lệch lãi suất vay nên anh Đ nhờ H làm hồ sơ nhận nợ mới với lãi suất thấp để trả khoản vay cũ. Ngày 30/3/2020, anh Đ vay thêm 300.000.000 đồng. Sau khi giải ngân, anh Đ nhận 100.000.000 đồng tiền mặt, còn 200.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910.205.091.586 - Ngân hàng N của Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H nhờ tài khoản để rút tiền*). Số tiền 300.000.000 đồng trên, anh Đ đưa cho H để nhờ tất toán khoản vay trước sắp đến hạn trả gốc. Sau khi nhận tiền, H chỉ trả gốc 100.000.000 đồng (*khoản vay đến hạn trả ngày 24/4/2020*), còn lại 200.000.000 đồng H chiếm đoạt. Ngày 21/5/2020, anh Đ vay thêm 200.000.000 đồng, trong đó 100.000.000 đồng giải ngân bằng tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển vào tài

khoản số 3910.215.023.026 - Ngân hàng N của Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H nhờ tài khoản để rút tiền*). Số tiền này, anh Đ đưa lại cho H để nhờ tắt toán khoản vay trước sắp đến hạn trả gốc (*ngày 16/7/2020 trả gốc 200.000.000 đồng*) nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt của anh Đ là 500.000.000 đồng.

Vụ thứ 122: Ngày 17/7/2019, anh Nguyễn A T, trú tại: thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01976 vay 200.000.000 đồng và được giải ngân 50.000.000 đồng. Do có nhu cầu vay thêm vốn nên anh T về gặp H xin vay thêm 20.000.000 đồng. H kiểm tra hạn mức tín dụng của anh T thấy còn có thể nhận nợ thêm 150.000.000 đồng nữa nên H đề N anh T sau khi nhận tiền giải ngân khoản vay này đưa cho H khi nào cần H sẽ đưa lại, còn đối với khoản tiền lãi 50.000.000 đồng của khoản vay trước H sẽ trả cho anh T. Ngày 25/7/2019, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ thêm 150.000.000 đồng. Trong đó, giải ngân bằng tiền mặt 100.000.000 đồng, 50.000.000 đồng chuyển khoản qua số tài khoản 3910205016335- Ngân hàng N của chị Phạm Thị H L, trú tại: thôn Q Điều, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*). Sau khi nhận 100.000.000 đồng tiền mặt, anh T đưa lên phòng làm việc giao cho H. Khoảng tháng 8- 11/2019, anh T đến Phòng giao dịch gặp H lấy lại khoản tiền đưa cho H trước đó nhưng H chỉ trả cho anh T 40.000.000 đồng. Đầu năm 2020, anh T đưa con đi chữa bệnh tại thành phố H Nội nên gọi điện và H đã chuyển trả 10.000.000 đồng cho anh T. Còn 100.000.000 đồng anh T nhờ H tắt toán khoản vay trước đó nhưng H không tắt toán vào Ngân hàng mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 123: Tính đến ngày 18/7/2019, anh Phạm Văn H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị dư nợ tại Ngân hàng huyện T là 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01987. Đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên chị Nguyễn Thị H (vợ anh H) đến nhờ H giúp đáo hạn Ngân hàng. Ngày 04/6/2019, H hướng dẫn chị H làm hồ sơ vay theo Hợp đồng 3910-LAV-2019 01579. Trong đó, hai lần giải ngân 85.000.000 đồng vào ngày 04/6/2019 (*nhận tiền mặt*) và 115.000.000 đồng vào ngày 25/6/2019 (số tiền 115.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản Lê Thị Kim A- STK: 3902.205.149.360 là 100.000.000 đồng, chị H nhận tiền mặt 15.000.000 đồng). Sau khi nhận 100.000.000 đồng, chị H đưa lại cho H nhờ tắt toán khoản vay của anh H (*cùng với 100.000.000 đồng đã chuyển vào tài khoản của Lê Thị Kim A*) nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 124: Ngày 19/7/2019, anh Lê Văn K, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02000 vay 200.000.000 đồng và được giải ngân 200.000.000 đồng. Quá trình vay do anh K đi làm ăn xa nên nhờ H trả nợ gốc và lãi khi đến hạn rồi sau đó anh K trả lại cho H. Đến tháng 10/2019, do bị bệnh thận anh K không đi làm được nên rút tiền về để trả nợ vay. Do tin tưởng H nên anh K gặp H giao

171.500.000 đồng nhờ tắt toán vay trước đó của anh K nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 125: Ngày 22/7/2019, anh Nguyễn Hữu T, trú tại: Thị xã Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh B Dương (*Nơi ĐKNKTT: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị*) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201902015 vay 200.000.000 đồng. Sau khi ký chứng từ giải ngân 100.000.000 đồng nhưng do bận việc nên anh T ra về và nói với giao dịch viên đưa tiền cho H để chuyển khoản cho anh T. Sau đó, H nhận 100.000.000 đồng, H thông báo với anh T hồ sơ vay của anh T có sai sót phải lên ký lại. Ngày 05/8/2019, anh T đến Phòng giao dịch ký hồ sơ chứng từ giải ngân nhận nợ 100.000.000 đồng. Do cuối giờ chiều Ngân hàng chốt sổ nên anh T bảo H nhận giúp và chuyển khoản cho anh T. Sau khi nhận 200.000.000 đồng từ 02 hồ sơ vay của anh T, H không chuyển khoản mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 126: Ngày 30/07/2019, anh Trương Đình Đ, trú tại: Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Q đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 02077 vay 200.000.000 đồng. Trong đó 80.000.000 đồng nhận tiền mặt và 120.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3902205131190 của Nguyễn Thị T H, trú tại: Khu phố 3, phường 1, TP Đ, tỉnh Quảng Trị, (bạn của H). Sau khi ký chứng từ giải ngân xong, anh Đ nhận 80.000.000 đồng tiền mặt rồi ra về. Số tiền 120.000.000 đồng chuyển khoản, H nói anh Đ khi nào cần tiền thông báo để H chuyển tiền. Một thời gian sau, anh Đ cần tiền nên đến gặp H lấy 100.000.000 đồng, còn lại 20.000.000 đồng H không trả lại mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 127: Ngày 19/8/2019, anh Đào T A, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02261 vay 200.000.000 đồng, anh A đã nhận số tiền 200.000.000 đồng theo hồ sơ vay. Đến ngày 27/11/2019, do không có nhu cầu sử dụng tiền vay nên anh A mang 100.000.000 đồng đến Ngân hàng đưa cho H nhờ tắt toán khoản vay cũ. Sau khi nhận tiền, H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung anh Đào T A đã nộp 100.000.000 đồng tắt toán nợ vay và ký tên đóng dấu đã thu tiền. Sau đó, H trả lại anh A 10.000.000 đồng. Còn 90.000.000 đồng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 128: Ngày 22/8/2019, anh Nguyễn Ngọc T, trú tại: Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02317 vay 200.000.000 đồng. A T đã nhận nợ số tiền 90.000.000 đồng. Quá trình vay, anh T còn dư nợ 80.000.000 đồng. Ngày 01/11/2019, anh T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm hồ sơ vay số tiền 40.000.000 đồng. H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 120.000.000 đồng. Cùng ngày anh T nhận giải ngân số tiền 120.000.000 đồng. Trong đó, 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 20.000.000 đồng chuyển vào số tài khoản 3910205147987 - Ngân hàng N của Bùi Văn Châu, trú tại: Phú Hội, T, Quảng Trị (*Bạn của H*). Sau đó, anh T đưa cho cho kế toán 60.000.000 đồng (*cùng với 20.000.000 đồng chuyển khoản nói trên*) nhờ đưa lại cho H để tắt toán trả vào

khoản vay còn dư nợ 80.000.000 đồng nhưng H không trả vào Ngân hàng. Tháng 3/2020, anh T đến Phòng giao dịch vay thêm 30.000.000 đồng. Để tránh việc anh T phát hiện dư nợ còn 200.000.000 đồng, H hướng dẫn anh T ký giấy nhận nợ, tiền H sẽ chuyển cho anh T sau (*thực tế H không làm hợp đồng vay này*). Sau đó, H chuyển khoản cho anh T 30.000.000 triệu đồng (tiền của H), còn 50.000.000 đồng H không thanh toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 129: Năm 2019, anh Phạm T, trú tại: Trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị cần vay vốn nên nhờ anh Phạm H (*em ruột T*) đứng tên hồ sơ vay. Ngày 27/8/2019, anh H đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02376 vay 200.000.000 đồng. A H đã nhận số tiền vay 50.000.000 đồng. Đến kỳ trả lãi vào tháng 02/2020, anh T về gặp H xin vay thêm 50.000.000 đồng. Vì hạn mức tín dụng của anh H vẫn còn nên H hướng dẫn sẽ cho nhận nợ 100.000.000 đồng, trong đó 50.000.000 đồng dùng để tất toán dư nợ cũ, 50.000.000 đồng nhận mới nhằm gộp thành 01 khoản vay 100.000.000 đồng để thuận tiện cho việc theo dõi, trả nợ. A H đã nhận đủ 100.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 11/02/2020*). Sau khi nhận tiền, anh T đưa cho H số tiền 52.808.000 đồng nhờ tất toán khoản vay cũ. Để anh T tin tưởng H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện anh H đã nộp vào Ngân hàng số tiền 52.808.000 đồng và đưa cho anh T. Sau đó, H chỉ thanh toán nợ gốc là 2.808.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng không thanh toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 130: Ngày 08/8/2019, anh Nguyễn Mạnh H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02167 vay 100.000.000 đồng. Tính đến ngày 25/02/2020, anh H còn nợ Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng. Do không có tiền trả nợ lãi vay nên anh H đến gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn anh H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 50.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ cùng ngày*). Sau khi nhận tiền anh H đưa cho H 50.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 131: Ngày 16/8/2019, anh Nguyễn Ngọc N, trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02239 vay 200.000.000 đồng. Tháng 02/2020, đến hạn trả tiền lãi nhưng do anh N không trả nên khoản vay bị đưa vào nợ xấu. Theo quy định, anh N phải nộp đủ số tiền vay mới được vay lại. Ngày 05/3/2020, chị Lê Thị B H (*vợ của anh N*) đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. H hướng dẫn chị H làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 00590 vay 200.000.000 đồng. Trong đó có 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910.205.006.387 - Ngân hàng N của Lê Đình K, trú tại: thôn Đ T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*Bạn của H*). Sau khi được giải ngân 100.000.000 đồng, chị H đưa cho H 110.000.000 đồng (*100.000.000 đồng tiền được giải ngân và 10.000.000 đồng tiền lãi*) để nhờ tất toán khoản vay của anh N. Sau khi nhận tiền của chị H và tiền chuyển khoản, H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 132: Ngày 16/8/2019, anh Lê Đức T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201902249 vay 100.000.000 đồng. A T đã nhận số tiền 100.000.000 đồng theo hồ sơ vay. Đến tháng 10/2019, do cần tiền để chuẩn bị đi xuất khẩu lao động nên anh T đến Phòng giao dịch gặp H nhờ giúp đỡ. Ngày 28/10/2019, H hướng dẫn anh T ký hợp đồng tín dụng mới số 3910-LAV-2019 02986 để vay số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó, 50.000.000 đồng nhận tiền mặt và 150.000.000 đồng chuyển vào tài khoản mang tên H Đình N là đơn vị môi giới xuất khẩu lao động. Sau khi nhận tiền anh T đưa 100.000.000 đồng cho H để nhờ tắt toán khoản vay ngày 16/8/2019 nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Sau khi đi xuất khẩu lao động, anh T ủy quyền cho vợ là chị Trần Thị T đến Ngân hàng xử lý nợ. Sau đó, chị T có hai lần đến Phòng giao dịch nhờ H tắt toán khoản vay của anh T. Ngày 10/3/2020, Chị T đưa cho H số tiền 57.900.000 đồng và ngày 13/5/2020, chị T đưa cho H 17.780.000 đồng nhờ tắt toán tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh khoản vay của anh T. Để chị T tin tưởng, H lập 02 Giấy nộp tiền thể hiện nội dung chị T đã nộp vào Ngân hàng số tiền 75.680.000 đồng. Sau khi nhận tiền của chị T, H không tắt toán vào Ngân hàng mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 133: Ngày 04/9/2019, anh Nguyễn B, trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02446 vay 450.000.000 đồng. Ngày 18/3/2020, anh B có nhu cầu vay thêm và chuyển một phần dư nợ thành khoản vay ngắn hạn để tiện cho việc thanh toán và nhận nợ. Do đã cuối giờ chiều nên anh B cần làm hồ sơ gấp để đi. A B đã đưa cho H 205.000.000 đồng nhờ trả một phần tiền gốc khoản vay trước đó nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 134 : Ngày 11/09/2019, anh Lê Đức D, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02534 vay 200.000.000 đồng. A D đã được giải ngân 150.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ cùng ngày*). Quá trình vay anh D đã trả được 100.000.000 đồng nợ gốc, còn dư nợ 50.000.000 đồng. Tháng 02/2020, do có nhu cầu vay thêm vốn để làm ăn nên anh D đến Phòng giao dịch nhờ H giúp. H hướng dẫn anh D làm hồ sơ nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 11/2/2020*). Sau khi được giải ngân, anh D đưa 50.000.000 đồng cho H nhờ tắt toán khoản vay trước nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 135: Ngày 19/9/2019, anh Nguyễn Văn P, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 03102 vay 100.000.000 đồng. H hướng dẫn anh P ký hồ sơ nhận nợ và ký giấy ủy nhiệm chi xong rồi ra về (*do cuối giờ chưa giải ngân kịp*). Sau khi giải ngân, H chuyển vào tài khoản số 3910.205.157.498- Ngân hàng N của anh Nguyễn Công D, trú tại: thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*). Sau đó, H liên lạc với anh D nhờ chuyển vào tài khoản 3910.205.149.360, của chị Lê Thị Kim A

(vợ của H) với số tiền 50.000.000 đồng và chuyển vào tài khoản 3910.207.000.344 của H với số tiền 49.700.000 đồng (phí chuyển khoản 300.000 đồng). Ngày 17/01/2020, anh P đến Phòng giao dịch gặp H để hỏi số tiền vay đã làm hồ sơ trước đó. H nói với anh P hồ sơ trước đó chưa giải ngân nên hướng dẫn anh P làm hồ sơ nhận nợ số tiền 100.000.000 đồng và đã nhận đủ tiền mặt. Khoảng 2 tháng sau anh P đưa 40.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Khương (con gái anh P) đến Ngân hàng trả gốc và lãi. Khi đến Ngân hàng chị Khương đưa cho H 40.000.000 đồng để tắt toán gốc và lãi khoản vay của anh P nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt. Đối với số tiền giải ngân trước đó H đã chiếm đoạt của anh P. Tổng số tiền H chiếm đoạt của anh P 140.000.000 đồng.

Vụ thứ 136: Tính đến ngày 28/11/2019, anh H M T, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị còn dư nợ tại ngân hàng là 200.000.000 đồng gồm 03 khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02762 (khoản vay 120.000.000 đồng vào ngày 24/9/2018; khoản vay 14.000.000 đồng vào ngày 23/4/2019; khoản vay 66.000.000 đồng vào ngày 04/10/2019). Do không có tiền để trả nợ gốc của các khoản vay trước nên anh T đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. H kiểm tra hồ sơ vay của anh T đã vay hết hạn mức không thể vay thêm nên H hướng dẫn chị Trương Thị X (vợ anh T) làm hồ sơ nhận nợ mới số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 03391 ngày 28/11/2019. Sau khi được giải ngân, H chuyển 100.000.000 đồng vào tài khoản số 3910.205.092.416 của Lê Văn N, trú tại: Khu vực 7, T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (H nhờ tài khoản) và 100.000.000 đồng anh T nhận tiền mặt. Sau khi nhận tiền, anh T đưa cho H 100.000.000 đồng và 100.000.000 đồng tiền chuyển khoản đến tài khoản của anh N nhờ tắt toán khoản vay của anh T nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 137: Ngày 02/10/2019, anh Nguyễn Công Đ, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02752 vay 200.000.000 đồng. A Đ đã nhận 200.000.000 đồng. Ngày 05/5/2020, anh Đ đến Ngân hàng để nộp tiền trả nợ và điện thoại cho H hỏi dư nợ gốc, lãi hiện nay là bao nhiêu. Sau khi kiểm tra H thông báo nợ gốc của anh Đ là 40.000.000 đồng và tiền lãi là 2.027.000 đồng. A Đ đã dùng tài khoản số 3910215010240 -Ngân hàng N của Lê Thị T H (vợ anh Đ) để chuyển tiền vào tài khoản số 3910205123415 -Ngân hàng N của H số tiền 40.000.000 đồng và đưa tiền mặt 2.027.000 đồng nhờ tắt toán nợ gốc và lãi. Để anh Đ tin tưởng, H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện anh Đ đã thanh toán nợ gốc và lãi số tiền 42.027.000 đồng, ký tên đóng dấu xác nhận Ngân hàng đã thu tiền rồi đưa cho anh Đ nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Ngày 17/9/2019, anh Đ nhờ ông Nguyễn Công T (bố của anh Đ) đứng tên hồ sơ vay theo hợp đồng tín dụng số 3910LAV2019 02590 với hạn mức vay 100.000.000 đồng. Ông T đã nhận đủ số tiền vay theo hợp đồng. Sau đó ông T đưa cho anh Đ số tiền này và anh Đ đưa cho H 100.000.000 đồng nhờ tắt toán khoản

vay trước đó, H đã tắt toán vào ngân hàng. Ngày 02/10/2019, H hướng dẫn anh Đ làm hồ sơ nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng (*trong đó chuyển khoản 100.000.000 đồng và nhận tiền mặt 100.000.000 đồng*). Sau khi nhận tiền mặt anh Đ đưa cho H 100.000.000 đồng để tắt toán khoản vay của ông T nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

A Nguyễn Công D, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, trước đây đã được Phòng giao dịch N C cho vay 200.000.000 đồng. Sau đó do anh D đi xuất khẩu lao động nên nhờ anh Đ mang tiền đến Ngân hàng nộp để tắt toán nợ gốc và lãi khi đến hạn. A Đ 02 lần đưa tiền cho H, trong đó một lần chuyển vào tài khoản số 3910205123415 - ngân hàng N của H 45.000.000 đồng vào ngày 06/4/2020 và một lần đưa tiền mặt 24.000.000 đồng. Sau đó, H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện đã nộp 45.000.000 đồng để tắt toán nợ gốc và tiền lãi cho anh Nguyễn Công D. Sau khi H nhận tiền mặt và chuyển khoản với tổng số tiền 69.000.000 đồng H không tắt toán mà chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt 211.027.000 đồng (*chiếm đoạt của anh Đ 142.027.000 đồng; chiếm đoạt của anh D 69.000.000 đồng*).

Vụ thứ 138: Ngày 03/10/2019, anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02771 vay 100.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc 100.000.000 đồng, do không có tiền nên anh T và chị Trần Thị L (*vợ anh T*) đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ và vay thêm 100.000.000 đồng cho con đi xuất khẩu lao động. H cho anh T mượn 100.000.000 đồng nộp vào Ngân hàng sau đó làm hồ sơ giải ngân cho anh T vay 200.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 03/10/2019*). Trong đó, 100.000.000 đồng anh T nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển tiền vào số tài khoản 3910205151383- Ngân hàng N của Phạm Văn C, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*H nhờ tài khoản rút tiền*) để trả cho H. Sau khi được giải ngân, anh T lên phòng làm việc gặp H. Tại đây, H nói với anh T “*Khi nào con có giấy thông báo đi xuất khẩu lao động H sẽ đưa tiền cho*”. Nghe vậy, anh T đồng ý và giao cho H 50.000.000 đồng rồi ra về. Một thời gian sau, chị L đến Phòng giao dịch gặp H để xin làm hồ sơ nhận nợ thay cho anh T. H hướng dẫn chị L làm hồ sơ nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng (*theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 00067 ngày 08/01/2019 và giấy nhận nợ ngày 25/02/2020*). Trong đó, 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 50.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 3910205093496 Ngân hàng N của anh Lê H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*H nhờ tài khoản để nhận tiền, sau đó chiếm đoạt số tiền này*). Sau khi nhận tiền, chị L đưa 100.000.000 đồng cho H để nhờ tắt toán khoản vay của anh T nhưng H không tắt toán vào Ngân hàng. Cuối tháng 02/2020 đầu tháng 3/2020, anh T và chị L yêu cầu H trả lại 50.000.000 đồng nên H đã trả cho anh T và chị L số tiền này. Ngày 26/3/2020, H hướng dẫn chị L làm hồ sơ nhận nợ thêm 50.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, chị L mang lên phòng làm việc đưa lại cho H nhờ tắt toán khoản vay của anh T nhưng H không tắt toán mà

chiếm đoạt. N vậy, tổng số tiền H đã chiếm đoạt của chị L và anh T là 200.000.000 đồng. Trong đó, 50.000.000 đồng chiếm đoạt ngày 3/10/2019, 100.000.000 đồng chiếm đoạt ngày 25/02/2020 và 50.000.000 đồng vào ngày 26/3/2020.

Vụ thứ 139 : Ngày 03/10/2019, anh Hồ Viết T, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201902757 vay 50.000.000 đồng. Ngày 09/3/2020, anh T cần vay thêm nên đến Phòng giao dịch gặp H làm hồ sơ vay 80.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh T đưa lên phòng làm việc và giao cho H 50.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó nhưng H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 140: A H Hữu H, trú tại: Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị vay vốn tại Phòng giao dịch N C và còn dư nợ 90.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ gốc, do không có tiền nên anh H nhờ H giúp đỡ. H trả trước cho anh H số tiền 90.000.000 đồng để tắt toán dư nợ cũ. Ngày 22/10/2019, H hướng dẫn anh H làm hồ sơ nhận nợ mới theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 02927 vay 200.000.000 đồng. A H đã ký giấy nhận nợ số tiền 180.000.000 đồng. Trong đó, 90.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số STK 3910.205.118.190 - Ngân hàng N của anh Trần T Sang, trú tại: thôn N P, xã Triệu P, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*H nhờ tài khoản để nhận tiền*) và 90.000.000 đồng tiền mặt. A H trả lại cho H 90.000.000 đồng mà H đã cho mượn trước đó (*qua tài khoản của Trần T Sang*) và H yêu cầu anh H đưa cho H 90.000.000 đồng để điều C lại khoản vay của anh H xuống còn 90.000.000 đồng. Tháng 4/2020, anh H đến Ngân hàng trả lãi và gặp H. Tại đây, H trả lại cho anh H 20.000.000 đồng. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng H không điều C khoản vay của anh H mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 141: Ngày 05/11/2019, ông Lê Đức H, trú tại Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03089 vay 200.000.000 đồng. Ngày 24/02/2020, chị Hồ Thị Duy T (*con gái ông H*) đến Phòng giao dịch đưa cho H 72.830.000 đồng nhờ H thanh toán nợ gốc và lãi (*Trong đó, 66.000.000 đồng trả nợ gốc và 6.830.000 đồng trả tiền lãi đến hạn*). Để chị T tin tưởng, H lập 01 giấy nộp tiền thể hiện nội dung đã nhận của chị T số tiền 72.830.000 đồng để thanh toán nợ gốc và lãi cho ông H. Sau khi nhận tiền H không tắt toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 142: Ngày 14/11/2019, anh Lê Tấn Đ, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03182 vay 200.000.000 đồng. Quá trình trả nợ gốc và lãi anh Đ còn dư nợ gốc 120.000.000 đồng. Ngày 28/5/2020, anh Đ có nhu cầu vay thêm 80.000.000 đồng để cho vợ đi xuất khẩu lao động nên đến Phòng giao dịch gặp H nhờ làm hồ sơ vay. H hướng dẫn anh Đ làm hồ sơ nhận nợ số tiền 80.000.000 đồng. Sau khi ký chứng từ giải ngân anh Đ chỉ nhận được 20.000.000 đồng, còn 60.000.000 đồng H nói với anh Đ H giữ lại khi nào vợ anh Đ có thông báo đi xuất khẩu lao động H sẽ chuyển thẳng tiền cho đơn vị xuất khẩu lao động. Nhưng thực tế H

không chuyển cho đơn vị xuất khẩu lao động mà chiếm đoạt số tiền này.

Vụ thứ 143: Ngày 18/11/2019, chị Lê Thị Đ, trú tại: Tổ 7, khu vực 3, phường A H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03236 vay 200.000.000 đồng. Chị Đ được giải ngân 150.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 19/11/2019*). Trong đó 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 50.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910.205.147.987 - Ngân hàng Agribank của Bùi Văn Châu, trú tại: Phò Hội, Triệu A, huyện T, tỉnh Quảng Trị (bạn của H). Sau khi nhận 100.000.000 đồng tiền mặt, chị Đ đưa cho H 50.000.000 đồng và 50.000.000 đồng chuyển khoản trước đó nhờ H chuyển tiền vào tài khoản của Công ty môi giới xuất khẩu lao động cho con của chị Đ. Ngày 06/12/2019, chị Đ đến Ngân hàng nhờ H chuyển vào tài khoản của chị Lê X Kiều, trú tại: xã Triệu Thuận, huyện T, tỉnh Quảng Trị (STK 3900.205.310.890-Ngân hàng N) số tiền 100.000.000 đồng. Do trước đó H đã sử dụng số tiền 50.000.000 đồng chị Đ đưa nên H làm hồ sơ nhận nợ thêm cho chị Đ số tiền 50.000.000 đồng (*theo giấy nhận nợ ngày 06/12/2019*). Số tiền giải ngân được chuyển vào tài khoản của Lê X Kiều theo yêu cầu của chị Đ, còn 50.000.000 đồng tiền mặt chị Đ đưa trước đó H chiếm đoạt.

Vụ thứ 144: Ngày 27/11/2019, anh Trần P Đ, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03364 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Đ ký hồ sơ nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó 110.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910.205.062.326- Ngân hàng N của anh Vũ T B, trú tại: thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị và 90.000.000 đồng nhận tiền mặt. Số tiền 110.000.000 đồng chuyển khoản H nói với anh Đ “*Để đó cho H vài ngày rồi sẽ tự điều C dư nợ của anh Đ về lại 90.000.000 đồng*”. Nghe vậy anh Đ đồng ý. Đến tháng 6/2020, anh Đ đến gặp H hỏi về việc điều C nợ, H hứa sẽ điều C nợ rồi đưa lại cho anh Đ số tiền 5.000.000 đồng, số tiền 105.000.000 đồng H không điều C dư nợ mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 145: Theo quy định, quy trình làm hồ sơ vay (*cấp hạn mức*) thấu chi cũng tương tự như làm hồ sơ vay đối với khách hàng cá nhân. Do ở Phòng giao dịch không có đủ nhân sự nên thông thường người quan hệ với khách hàng và người quản L nợ cho vay là một, người thẩm định và người kiểm soát khoản vay là một. Sau khi hoàn tất hồ sơ, sẽ đưa hồ sơ về giao dịch viên để lưu trữ theo quy định. Do có nhu cầu vay tiền nên chị Nguyễn Thị Ngọc H, trú tại: tổ 6, thôn P N, xã H Châu, huyện H Vang, thành phố Đà Nẵng (*em ruột H*) nhờ H làm hồ sơ cấp hạn mức thấu chi tại Ngân hàng huyện T. Quá trình điều tra H khai nhận đã hướng dẫn chị H làm hồ sơ mở tài khoản số 3910205155037 (*không đăng ký dịch vụ E-Mobile Banking*), hồ sơ vay thấu chi tại Ngân hàng huyện T và đã hoàn tất hồ sơ vay thấu chi của chị H. Do thời gian đã lâu, nên H không nhớ cán bộ kiểm soát, chỉ nhớ sau khi ký xong H đưa hồ sơ qua cho ông Lê T N trình ký duyệt (*ký duyệt trên hồ sơ và ký duyệt trên hệ thống IPCAS*). Hồ sơ được hoàn thành, H

mang hồ sơ về gặp chị Lê Thị Thuỳ L (*G dịch viên*) nhờ mở dịch vụ E-mobile Banking qua số điện thoại 0949790669 của H. Sau khi ký xong hồ sơ, với tài khoản 3910205155037 H nhận được hạn mức thấu chi là 100.000.000 đồng. Sau đó, H sử dụng dịch vụ E-mobile Banking chuyển tiền, sử dụng và chiếm đoạt.

Sau khi ký hồ sơ xong, H thông báo với chị H là tiền chưa được giải ngân nên khi nào có tiền H sẽ chuyển tiền cho chị H. Tuy nhiên sau đó, H đã tự đăng ký dịch vụ E-Mobile Banking qua số điện thoại 0949790669 của H sử dụng để thực hiện giao dịch chuyển tiền, rút tiền từ tài khoản Ngân hàng đăng ký đứng tên chị H. Một thời gian sau, chị H được bà L (*mẹ ruột*) cho tiền mua xe nên không cần làm hồ sơ vay thấu chi nữa. Do đó, H thông báo với chị H sẽ tự xử L hồ sơ vay thấu chi của chị H.

Kết quả điều tra hiện nay tại Ngân hàng không có hồ sơ thấu chi của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Chỉ có hồ sơ xin mở tài khoản ngân hàng và đăng ký dịch vụ E-Mobile Banking nhưng ngày đăng ký trên hồ sơ là ngày 28/11/2019. Tuy nhiên hồ sơ thấu chi của chị H đã được đăng ký và cấp hạn mức thấu chi 100.000.000 đồng vào ngày 21/11/2019. Số tiền 100.000.000 đồng được cấp hạn mức thấu chi đã được H sử dụng và chiếm đoạt.

Vụ thứ 146: Ngày 28/11/2019, anh Nguyễn Đức Thiện, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201903393 vay 50.000.000 đồng. Đến ngày 04/12/2019, anh Thiện về Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ vay thêm 20.000.000 đồng. H hướng dẫn anh Thiện làm hồ sơ nhận nợ mới 70.000.000 đồng (mục đích nhập 02 khoản vay cho tiện trả nợ). Sau khi nhận tiền giải ngân, anh Thiện lên phòng làm việc đưa cho H 50.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay ngày 28/11/2019 nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 147: Ngày 13/12/2019, anh Lê Văn Đ, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03640 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Đ được giải ngân số tiền 150.000.000 đồng và được giải ngân vào tài khoản số 3902205131190 - ngân hàng N của chị Nguyễn T H, trú tại: khu phố 3, phường 1, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Lúc này, H nói với anh Đ là hồ sơ của anh không được xem xét cho vay. Sau đó, H bảo chị H chuyển 150.000.000 đồng vào tài khoản số 3910205149360- Ngân hàng N của chị Lê Thị Kim A (*Vợ của H*) và H chiếm đoạt.

Vụ thứ 148 : Ngày 13/12/2019, anh Phạm M N, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-201903630 vay 100.000.000 đồng. Sau khi anh N nhận tiền giải ngân, H nói dối anh N là hồ sơ vay vốn của anh N bị sai sót và yêu cầu anh N đưa cho H 100.000.000 đồng. Ngày 14/01/2020, H trả lại cho anh N 20.000.000 đồng, còn 80.000.000 đồng H không trả mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 149: Ngày 19/12/2019, chị Trương Thị T, trú tại: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C Ngân hàng huyện T làm hợp

đồng tín dụng số 3910-LAV-201903739 vay 31.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân chị T đưa cho H 31.000.000 đồng nhờ tất toán một phần khoản vay của ông Nguyễn Ty (*bố chồng chị T*), H đã thanh toán. Khoảng 6 tháng sau, chị T đến phòng làm việc đưa cho H 15.000.000 đồng để nhờ tất toán khoản vay còn lại của ông Ty nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 150: Ngày 25/12/2019, chị H Thị B, trú tại: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 03836 vay 200.000.000 đồng và được giải ngân 150.000.000 đồng. Ban đầu chị B yêu cầu chuyển tiền khác hệ thống ngân hàng nhưng do đến cuối giờ nên việc chuyển tiền khác hệ thống mất thời gian (*không giải ngân được trong ngày*). Do đó, H làm hồ sơ giải ngân 150.000.000 đồng của chị B qua số tài khoản 3910205154107 - Ngân hàng N của Lê Thị S, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị, (*H nhờ tài khoản để rút tiền*). Sau khi ký chứng từ giải ngân xong, do cuối giờ chưa rút được tiền nên chị B ra về. H hẹn với chị B khi nào cần tiền thì liên lạc với H để chuyển tiền. Vài ngày sau, chị B điện thoại nói với H “*Không cần tiền nữa để N H tất toán trả vào ngân hàng*”. Nghe vậy, H nói với chị B sẽ tất toán trả vào Ngân hàng nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 151: Ngày 26/12/2019, anh Nguyễn P, trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910LAV201903850 vay 500.000.000 đồng. A P đã được giải ngân 350.000.000 đồng ngày 26/12/2019. Ngày 09/03/2020, anh P tiếp tục được giải ngân thêm 150.00.000 đồng (*theo giấy nhận nợ cùng ngày*). Tổng dư nợ lúc này là 500.000.000 đồng.

Ngày 08/4/2020, anh Nguyễn Ngọc T; Trú tại: Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của anh P*) đến Ngân hàng làm hồ sơ nhận nợ số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân, anh T đưa cho H số tiền 150.000.000 đồng và nói anh P gửi nhờ tất toán khoản vay 150.000.000 đồng (*anh P đã vay ngày 09/3/2020*) nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Đến ngày 10/6/2020, anh P tiếp tục đến Phòng giao dịch đưa cho H số tiền 181.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay 175.000.000 đồng đến hạn trả nợ gốc và 6.000.000 đồng tiền lãi (*khoản vay ngày 26/12/2019*). Sau khi nhận tiền, H giữ lại không trả vào Ngân hàng cho anh P. Đến ngày 22/6/2020, H trả lại cho anh P 20.000.000 đồng (*số tiền đã nhận 150.000.000 đồng trước đó của anh T*). Như vậy, tổng số tiền H đã nhận của anh T là 130.000.000 đồng và anh P là 181.000.000 đồng nhưng không tất toán mà đã chiếm đoạt.

Vụ thứ 152: Năm 2019, anh Phạm Văn H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị còn dư nợ tại Ngân hàng là 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01987. Tháng 04/2020, anh H đưa cho H 75.000.000 đồng để nhờ thanh toán một phần khoản vay cũ, nhưng H chỉ nhận 74.336.000 đồng. Để anh H tin tưởng, H đã viết một giấy nộp tiền và ký xác nhận giao cho anh H. Sau khi nhận tiền, H không thanh toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 153: A Trần S, trú tại: Thôn Q L, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị vay vốn tại Phòng giao dịch N C theo 03 hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2017 ngày 23/03/2017; số 3910-LAV-2018 02449 ngày 22/8/2018 và số 3910-LAV-2019 00324 ngày 29/01/2019. Tính đến ngày 11/2/2020, anh S còn dư nợ số tiền 66.342.000 đồng gồm 3 khoản vay: 34.000.000 đồng; 4.342.000 đồng và 28.000.000 đồng. Ngày 11/02/2020, anh S về Phòng giao dịch gặp H xin đáo hạn. H hướng dẫn anh S làm hồ sơ nhận nợ mới theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 ngày 11/02/2020 vay 70.000.000 đồng. Sau khi được giải ngân tiền vay 60.000.000 đồng, anh S đưa 60.000.000 đồng nhờ H tất toán 3 khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 154: Quá trình vay vốn tại Ngân hàng huyện T do không có tiền để trả nợ gốc nên chị Võ Thị N, trú tại: Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị nhờ anh Võ Văn Ngân (*anh trai chị N*) đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-202000399 ngày 14/02/2020 vay 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân từ hồ sơ vay của anh Ngân, chị N đưa 100.000.000 đồng lên phòng làm việc giao cho H nhờ tất toán khoản vay trước đó của chị N, H đã tất toán khoản vay này. Ngày 26/02/2020, chị N đến Phòng giao dịch làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-202000510 vay 100.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân chị N đưa 100.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay ngày 14/02/2020 của anh Ngân nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 155: A Đ Q L, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Q là khách hàng vay vốn tại Phòng giao dịch N C. Trước đây, anh L đã vay 200.000.000 đồng. Đến tháng 3/2020, do có nhu cầu muốn vay thêm nhưng đã hết hạn mức vay nên anh L đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. Ngày 16/3/2020, H hướng dẫn bà Lê Thị T (*mẹ của anh L*) đứng tên hồ sơ vay giúp anh L số tiền 50.000.000 đồng nhưng H làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 00693 với hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng. Sau đó H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó: 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 3910215023026 - Ngân hàng N của chị Nguyễn Thị L, trú tại: thôn Q Điều, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*). Sau khi bà T ký chứng từ giải ngân tại quầy kế toán thì ra về. H nói kế toán đưa tiền mặt để H đưa lại cho bà T. Sau khi nhận tiền, H chỉ đưa cho anh L 50.000.000 đồng, còn lại 150.000.000 đồng H chiếm đoạt. Khi làm hồ sơ vay, anh L và bà T không biết việc H làm hồ sơ nhận nợ thêm 150.000.000 đồng. Tại thời điểm ký chứng từ, bà T cũng không biết H làm thêm 150.000.000 đồng vào hồ sơ vay của bà T. Số tiền 100.000.000 đồng giải ngân vào tài khoản của chị L. H liên lạc với chị L nhờ chuyển tiền vào số tài khoản 3910.205.123.415 của H sau đó chiếm đoạt. Tổng số tiền H chiếm đoạt là 150.000.000 đồng.

Vụ thứ 156: Ngày 05/3/2020, anh Phạm Văn L, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 00589 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, anh L nhận nợ số tiền

200.000.000 đồng (trong đó 100.000.000 đồng anh L nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3910.215.015.171 - Ngân hàng N của anh Nguyễn Ngọc T, trú tại: thôn 3, Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (bạn anh L). Sau đó, anh L đưa lên phòng giao cho H 100.000.000 đồng và anh L liên lạc với anh T nhờ chuyển vào tài khoản số 3910.205.155.037 - Ngân hàng N của Nguyễn Thị Ngọc H (em gái H) để giao cho H nhờ tất toán khoản vay trước đó của anh Phạm Văn P (anh trai L). Sau khi nhận tiền mặt và tiền chuyển khoản H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 157: Ngày 24/3/2020, anh Nguyễn Đ, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 00782 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, anh Đ đã nhận số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó anh Đ nhận 100.000.000 đồng tiền mặt và chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản số 3910205008728 Ngân hàng N của anh Nguyễn X K, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị. Số tiền chuyển khoản H yêu cầu anh Đ để lại cho H để H đáo hạn Ngân hàng cho khách hàng. Khoảng 03 ngày sau anh Đ đến gặp H và H đưa cho anh Đ 30.000.000 đồng. Số tiền còn lại 70.000.000 đồng H nói là để H tự tất toán trả vào Ngân hàng cho anh Đ. Để anh Đ tin tưởng H lập 01 chứng từ giao dịch đưa cho anh Đ thể hiện nội dung anh Đ đã nộp 70.595.100 đồng vào Ngân hàng để trả nợ gốc và lãi nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 158: Ngày 07/4/2020, anh Nguyễn Văn T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-20180099 vay 33.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền giải ngân anh T đưa lên phòng làm việc và giao cho H 33.000.000 đồng nhờ thanh toán khoản vay trước đó nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 159: Ngày 24/4/2020, chị Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 01021 vay 200.000.000 đồng để đi xuất khẩu lao động, được giải ngân 150.000.000 đồng. Trong đó, 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 50.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 3910205155037- Ngân hàng N của Nguyễn Thị Ngọc H (em ruột H), trú tại: TP Đà Nẵng rồi chị H chuyển vào tài khoản số 3910.207.000.344 - Ngân hàng N của H. Sau khi nhận tiền mặt, chị H đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng cộng với 50.000.000 đồng (đã chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Ngọc H) là 65.000.000 đồng nhờ giữ hộ để khi nào chị H có nhu cầu sẽ liên hệ với H nhờ chuyển khoản cho đơn vị xuất khẩu lao động. Đến khi gần đi xuất khẩu lao động, chị H liên hệ với H nói đã đủ tiền và yêu cầu H thanh toán 65.000.000 đồng vào Ngân hàng cho chị H nhưng H không thanh toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 160: Tính đến ngày 29/4/2020, anh Nguyễn Văn T trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị dư nợ gốc các khoản nợ tại Ngân hàng huyện T là 402.032.469 đồng. Trong đó dư nợ gốc 240.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 02608 ngày 10/9/2018); 62.032.469 đồng (theo hợp

đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01369 ngày 20/5/2019); 100.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng 3910-LAV-2019 03905 ngày 18/9/2019). Do có nhu cầu muốn vay thêm tiền và nhập 03 khoản vay trên thành 1 để tiện cho việc trả nợ nên anh T đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ số tiền 600.000.000 đồng (theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 01049) và được giải ngân 100.000.000 đồng bằng tiền mặt và 500.000.000 đồng chuyển qua tài khoản số 3910205092416 - Ngân hàng N của anh Lê Văn N, trú tại: Khu vực 7, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (anh T nhờ tài khoản để rút tiền). Sau khi nhận tiền, anh T giữ lại 200.000.000 đồng và đưa cho H 400.000.000 đồng nhờ tất toán các khoản vay còn lại nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 161: Ngày 04/05/2020, anh Nguyễn N A T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 01067 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, H hướng dẫn anh T làm hồ sơ nhận nợ 200.000.000 đồng. Trong đó: 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển khoản vào tài khoản số 3910205091586 -Ngân hàng N của chị Nguyễn Thị H, trú tại: thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*bạn của H*). Sau khi ký chứng từ giải ngân và nhận 100.000.000 đồng tiền mặt (tiền chuyển khoản chưa rút) H nói với anh T là khi nào có giấy đi N, H sẽ chuyển tiền vào tài khoản cho, sau đó anh T đưa cho H 100.000.000 đồng. Đến ngày 14/5/2020, anh T đến Phòng giao dịch gặp H nói chưa đi xuất khẩu lao động được nên yêu cầu H đưa lại tiền. Lúc này H đưa cho anh T 100.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của chị H, H đã chiếm đoạt.

Vụ thứ 162: Chị Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị vay vốn tại Phòng giao dịch N C theo hợp đồng tín dụng số 3910LAV2015 01268. Tính đến ngày 07/05/2019, chị H còn nợ 100.000.000 đồng (*gồm các khoản vay 34.000.000 đồng và 66.000.000 đồng*). Tháng 05/2020, chị H điện thoại cho H hỏi về số tiền lãi phát sinh của khoản vay và xin trả nợ trước hạn. Sau khi được H thông báo số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh, chị H bận việc nên xin số tài khoản của H để chuyển tiền nhờ trả nợ (*STK 3910205123415 - Ngân hàng N*). Ngày 23/4/2020, anh Đ Phi L (con của chị H) nộp vào tài khoản của H số tiền 50.000.000 đồng và Lê Thị N (*người chị H nhờ chuyển tiền*) chuyển 51.100.000 đồng vào tài khoản của H. Tổng số tiền H nhận 101.100.000 đồng nhưng H chỉ thanh toán phần tiền lãi 1.100.000 đồng và 22.000.000 đồng dư nợ đến hạn, còn lại 78.000.000 đồng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 163: Đầu tháng 5/2020, anh Nguyễn Duy K, trú tại: Thôn T, T, T, Quảng Trị còn dư nợ gốc tại Ngân hàng là 28.000.000 đồng. Đến hạn trả, do không có tiền nên anh K đến Phòng giao dịch nhờ H giúp đỡ. Tại đây, H cho anh K mượn 28.000.000 đồng để trả khoản vay này. Ngày 26/5/2020, H hướng dẫn anh K làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2019 01275 nhận nợ 200.000.000 đồng. Lúc này, H nói với anh K “*Sau khi nhận tiền giải ngân thì trả tiền lại cho H và đề N anh K để số tiền còn lại cho H, H sẽ tự tất toán vào ngân hàng cho*”.

Nghe H nói vậy, anh K nghĩ rằng nếu không đồng ý có thể H sẽ không cho xử L nợ. Sau đó, anh K ký chứng từ và nhận giải ngân 200.000.000 đồng. Trong đó nhận tiền mặt 100.000.000 đồng, chuyển khoản 100.000.000 đồng vào tài khoản số 3910205118683 của Nguyễn X Việt, trú tại: T, T, Quảng Trị (*Bạn của H*). Sau khi nhận tiền giải ngân anh K trả cho H 28.000.000 đồng qua tài khoản của anh Việt và đưa cho H 100.000.000 đồng tiền mặt. Khoảng 01 tuần sau, anh K liên lạc với H hỏi số tiền 172.000.000 đồng đã tất toán vào ngân hàng chưa. H nói dối anh K là đã tất toán 142.000.000 đồng vào Ngân hàng nhưng thực tế H đã chiếm đoạt, còn 30.000.000 đồng H đã trả lại cho anh K.

Vụ thứ 164: Ngày 19/5/2020, anh Lê Q Tý trú tại: Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến hạn trả nợ khoản vay của chị ruột là Lê Thị S (anh Tý nhờ chị S vay giúp), số tiền trả nợ gốc là 67.000.000 đồng. Do không có tiền nên anh Tý đến Phòng giao dịch nhờ H làm hồ sơ nhận nợ số tiền 65.000.000 đồng. Sau khi giải ngân, anh Tý đưa 67.000.000 đồng cho H nhờ tất toán khoản vay đến hạn trả nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 165: Ngày 26/5/2020, chị Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm Hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 01285 vay 200.000.000 đồng. Cùng ngày, chị H giải ngân số tiền 200.000.000 đồng. Trong đó 100.000.000 đồng nhận tiền mặt và 100.000.000 đồng chuyển vào tài khoản số 3902205075148 - Ngân hàng N của anh Nguyễn Văn L, trú tại: thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị (*Bạn của H*). Tại thời điểm vay, do anh Phạm Văn L (*chồng của chị H*) chưa có sổ đỏ nên H nói với chị H đưa lại tiền cho H, khi nào làm xong sổ đỏ sẽ đưa đủ tiền. Sau khi nhận giải ngân 100.000.000 đồng, chị H đưa cho H 30.000.000 đồng. Sau đó, H liên lạc nhờ anh L chuyển số tiền này vào tài khoản số 3902.205.149.360 của Lê Thị Kim A (*vợ H*) rồi H sử dụng tài khoản của Kim A để chuyển tiền vào tài khoản số 040093645156 của H tại Ngân hàng S với số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt của chị H là 130.000.000 đồng.

Vụ thứ 166: A Lê H, trú tại: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị vay vốn tại Ngân hàng huyện T theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2018 00237 vay 200.000.000 đồng. Ngày 28/5/2020, anh H đến Phòng giao dịch gặp H xin làm hồ sơ vay số tiền 150.000.000 đồng. Do trước đó anh H đã vay Ngân hàng nhiều (*hết hạn mức nhận nợ*) không thể nhận nợ thêm nên H hướng dẫn anh H làm hồ sơ vay mới. A H vay thêm 150.000.000 đồng, tuy nhiên do lúc này H vay nợ bên ngoài nhiều nên hỏi vay anh H tiền. H nói cần tiền đáo hạn Ngân hàng nên nhờ anh H đứng vay thêm 350.000.000 đồng, vài ngày sau H sẽ tất toán tự trả vào Ngân hàng cho anh H. Do trước đó nhiều lần H có cho anh H mượn tiền nên anh H rất tin tưởng. A H đã làm hồ sơ nhận nợ số tiền 500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-2020 01319 ngày 28/5/2020. Giải ngân chuyển khoản 500.000.000 đồng vào tài khoản số 3910205080363 - Ngân hàng N của anh Nguyễn T H, trú tại: Khu phố 1, phường 5, TP Đ, tỉnh Quảng Trị (*bố của H*). Số

tài khoản này ông H đưa lại cho H sử dụng. Sau đó, H ký uỷ nhiệm chi chuyển qua số tài khoản của H (STK 3910205123415- Ngân hàng N). Tại thời điểm này, H có sẵn 150.000.000 đồng nên đưa cho anh H. Vài ngày sau anh H gặp H đề N tất toán số tiền 350.000.000 đồng cho mượn trước đó. H hứa với anh H sẽ tất toán vào Ngân hàng nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Vụ thứ 167: Ngày 02/6/2020, anh Đ Q T, trú tại: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị đến Phòng giao dịch N C làm hợp đồng tín dụng số 3910-LAV-202001358 vay 200.000.000 đồng và được giải ngân 200.000.000 đồng. Do không được gia đình đồng ý việc đi vay nên khoảng vài ngày sau, anh T đến ngân hàng gặp H đưa 200.000.000 đồng nhờ tất toán khoản vay này nhưng H không tất toán mà chiếm đoạt.

Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Ngày 10/08/2016, Nguyễn Ngọc H nhờ ông Nguyễn T H (*bố của H*) đứng tên hồ sơ vay 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng huyện T (*Hợp đồng tín dụng số 3910LAV2016 02819 và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/08/HĐTC/2016*). Hồ sơ ban đầu bao gồm: Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các hồ sơ giấy tờ có liên quan đến hồ sơ vay đều do ông H trực tiếp ký (*Dự án vay vốn, phương án sử dụng vốn, Hợp đồng mua bán...*). Ngày 29/8/2016, ông H được giải ngân 300.000.000 đồng. Số tiền 700.000.000 đồng còn lại H ký nhận thay ông H (*Số tiền này H đã tiêu xài cá nhân hết*). Để có tiền tiêu xài và trả nợ cho khách hàng, Ngày 30/3/2018, H tự ý làm hồ sơ, giả chữ ký của ông H nâng hạn mức vay lên 1.300.000.000 đồng. Ngày 2/5/2018, H tiếp tục tự ý làm hồ sơ giả chữ ký của ông H nâng hạn mức vay lên 2.000.000.000 đồng. Ngày 11/10/2018, ông H và vợ là bà L Thị L đến Ngân hàng tất toán khoản vay của ông H với số tiền 960.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại hồ sơ vay hiện tại vẫn còn số dư nợ gốc là 1.039.601.849 đồng (*bà L và ông H không biết việc H tự ý nâng khoản vay mà chỉ biết số tiền cho H vay theo sổ đỏ là 01 tỷ đồng đã tất toán hết*). Lúc này, ông H và bà L hỏi H về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp thì H trả lời Ngân hàng đang giữ khi nào cần thì lấy về. Ngày 16/10/2019, H tiếp tục làm hồ sơ vay thêm số tiền 1.000.000.000 đồng. Vì vậy, tính đến ngày 21/10/2019, H nợ Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng. Quá trình giao dịch, H đã có 78 lần nhận giải ngân tại Ngân hàng và đã thực hiện 67 lần thanh toán dư nợ gốc đối với Ngân Hàng. Còn 2.000.000.000 đồng tiền nợ gốc H không thanh toán mà chiếm đoạt.

Tại bản kết luận giám định số 574/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 25/5/2021 kết luận:

Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Văn P trên các mẫu so sánh cần giám định ký hiệu A1 đến A5 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn P trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là của cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 577/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 25/5/2021 kết luận:

1.Chữ viết, chữ ký mang tên Trần Thị Bảo T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A2 với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Bảo T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

2.Chữ viết, chữ ký mang tên Trần Thị Bảo T trên các mẫu cần giám định ký hiệu A11, A12 với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Bảo T trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3.Chữ ký “T” dạng chữ viết dưới mục khách hàng trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 đến A10 với chữ ký, chữ viết của Trần Thị Bảo T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 575/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 25/5/2021 kết luận:

Chữ viết, chữ ký mang tên Phan V Sành trên các mẫu so sánh cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết của Phan V Sành trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là của cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 579/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 25/5/2021 kết luận:

Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Thị H dưới mục khách hàng trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A4 với chữ ký, chữ viết của Lê Thị H trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 574/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 25/5/2021 kết luận:

Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn Đức Thiện dưới mục khách hàng trên các tài liệu giám định ký hiệu A1 đến A5 với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Đức Thiện trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 1203/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 09/12/2021 kết luận:

Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Văn Đ dưới mục khách hàng trên các tài liệu giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết của mang tên Lê Văn Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ viết, chữ ký mang tên Lê Văn Đ dưới mục chủ tài khoản trên các tài liệu giám định ký hiệu A2; tại mục khách hàng trên các tài liệu giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết của mang tên Lê Văn Đ trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 702/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 30/6/2021 kết luận:

Chữ viết, chữ ký mang tên Hồ C trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết của Hồ C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 884/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 30/8/2021 kết luận:

1.Chữ viết, chữ ký mang tên Hồ C trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký, chữ viết của Hồ C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

2.Chữ viết, chữ ký mang tên Hồ C trên các mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết của Hồ C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là khác dạng chữ ký, do đó không tiến hành giám định.

3.Chữ viết Hồ C ở dưới mục khách hàng trên mẫu cần giám định ký hiệu A3 với chữ ký, chữ viết của Hồ C trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải là của cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 905/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 06/9/2021 kết luận:

1.Chữ viết, chữ ký mang tên Nguyễn X A trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A8 và A11 với chữ ký của Nguyễn X A trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là của cùng một người ký, viết ra.

2.Chữ ký mang tên Nguyễn X A trên các mẫu cần giám định ký hiệu A4 đến A7, A9 và A10 với chữ ký của Nguyễn X A trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 khác dạng chữ ký, do đó không tiến hành giám định.

3.Chữ viết “Nguyễn Xuân A” ở dưới mục khách hàng trên mẫu cần giám định ký hiệu A4, A6, A7 và A9 với chữ viết Nguyễn X A trên mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải là của cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 526/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 30/5/2022 kết luận:

1.Chữ viết, chữ ký dưới mục người vay trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 và chữ ký, chữ viết dưới mục khách hàng trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 với chữ viết, chữ ký trong các ô mẫu chữ viết tên, mẫu chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký, viết ra.

2.Chữ ký, chữ viết dưới mục khách hàng trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ viết, chữ ký trong các ô mẫu chữ viết tên, mẫu chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3.Chữ ký, chữ viết dưới mục khách hàng trên mẫu cần giám định ký hiệu A3, A4 với chữ viết, chữ ký trong các ô mẫu chữ viết tên, mẫu chữ ký trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 527/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 30/5/2022 kết luận:

1.Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn T H tại vị trí cần giám định trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 và từ A3 đến A30 như trong bảng thống kê tài liệu cần giám định kèm theo Quyết định trưng cầu giám định số 80/QĐ-CSKT ghi ngày 09/5/2022 với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn T H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 không phải do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn T H tại vị trí bên B trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn T H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 821/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 21/7/2022 kết luận:

Chữ ký mang tên Lê Thị N trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 với chữ ký mang tên Lê Thị N trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 và M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 525/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 30/5/2022 kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc G dưới mục khách hàng trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1 và dưới mục người vay trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký mang tên Nguyễn Ngọc G trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 783/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 13/7/2022 kết luận:

Chữ ký mang tên Trần Thị C trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1 đến A4 với chữ viết, chữ ký trong các ô “mẫu chữ viết tên”, “mẫu chữ ký” trên mẫu so sánh ký hiệu M1 và chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị C trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 524/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 30/5/2022 kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hữu T dưới mục khách hàng trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A4 với chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Hữu T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 do cùng một người ký, viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 827/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 23/7/2022 kết luận:

Chữ ký, chữ viết mang tên Đ Q T trên các tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A5 với chữ ký, chữ viết mang tên Đ Q T trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1 và M2 do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 827/KLGD của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Trị ngày 22/7/2022 kết luận:

1. Chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết mang tên Phạm Thị H trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký, viết ra.

2. Chữ viết dưới mục chữ ký có nội dung Phạm Thị H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A4, A5 so với chữ viết mang tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M1 không phải do cùng một người ký, viết ra.

3. Không đủ cơ sở để kết luận dạng chữ viết “H” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2, A4, A5 so với chữ viết mang tên Phạm Thị H trên mẫu so sánh ký hiệu M1 có phải do cùng một người ký ra hay không.

Cơ quan điều tra thu giữ các vật chứng, tài sản gồm:

- 01 (một) Điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, số IMEI1:354191101916962, số IMEI2: 354191102916961, bên trong máy có gắn thẻ sim Vinaphone có số seri 89840200010623663531.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2023/HSST ngày 19/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Về hình phạt và tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc H phạm tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355, điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H **16 (Mười sáu)** năm tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm r,s,t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H **07 (Bảy)** năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H chấp hành hình phạt chung của hai tội là **23 (Hai mươi ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử:

* Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho 163 bị hại là cá nhân và Ngân hàng với tổng số tiền chiếm đoạt là 16.220.042.563 đồng và số tiền lãi kể từ ngày chiếm đoạt đến ngày tất toán và ngày xét xử sơ thẩm, cụ thể như sau:

S T T	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền chiếm đoạt (đơn vị đồng VN)	Ngày chiếm đoạt	T lãi tính đến ngày 19/7/2023 (đơn vị đồng VN)
01	Nguyễn Ngọc G	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	39.673.853	12/6/2019	21.169.469
02	Đ T H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	02/12/2019	7.226.397
03	Dương T D	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	89.000.000	12/3/2020	40.376.513
04	Phạm M T và bà Nguyễn	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	20.000.000 99.000.000	11/5/2020 21/11/2018	8.900.548

	Thị H				65.240.548 Tổng: 74.141.096
05	Trần Thị Y	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	46.939.000	21/11/2019	22.903.934
06	Trần C (Tất toán ngày 18/1/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	24/10/2019	30.967.808
07	Nguyễn T	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	11.000.000	15/11/2018	7.289.836
08	Trương Đình G	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	01/11/2019	34.756.849
09	Trần Viết T	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	18.500.000	08/7/2019	11.356.973
10	Lê Thị P	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	66.000.000	01/8/2019	36.582.127
11	Trần T Q	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	06/10/2019	15.176.384
12	Lê Văn Q	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	28.000.000	18/11/2019	13.496.527
13	H Thị H (Đã tất toán 22/12/2020)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	05/4/2019	5.419.726
14	Trần H	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	27/6/2019	22.412.466
15	H Đức T và Trần Thị H	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	24/01/2019	14.412.329
16	Phạm Thị L	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	15/3/2019	31.665.411
17	Nguyễn Văn P	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	14/10/2019	24.401.712
18	Phạm Văn V	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	01/02/2020	17.659.973

19	Đ Q P	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	53.000.000	20/02/2020	24.514.048
20	Nguyễn Văn T (chết) Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Đ Thị N (vợ ông T)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	59.000.000	13/5/2020	23.457.719
21	Phan Khắc Công Đ	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	26/3/2020	20.820.349
22	Lê Q L	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	50.000.000 (10/3/2020) 50.000.000 (17/3/2020)	43.285.171
23	Nguyễn Thị M	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	10/7/2019	20.014.123
24	Nguyễn Thị Kiều T	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	43.000.000	32.000.000 (25/4/2019) 11.000.000 (04/5/2020)	23.281.774
25	Lê M K	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	26/3/2020	29.270.260
26	Nguyễn Văn P	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	16/4/2020	11.680.493
27	Trần Đức D	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	99.000.000	25/6/2019	50.557.808
28	Phạm M S	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	16/4/2020	32.134..315
29	Đinh Viết P	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	17/01/2020	44.646.863
30	Dương Thị D, Trần Q H	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	110.000.000 (21/01/2020) 90.000.000 (07/02/2020)	92.519.493
31	Nguyễn H	Thôn T, xã T, huyện	44.000.000	19/6/2019	26.006.712

		T, tỉnh Quảng Trị			
32	Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	155.000.000	100.000.000 (26/7/2019) 55.000.000 (15/5/2020)	75.689.034
33	Nguyễn Văn T	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	26/02/2019	15.767.671
34	Trần Thị H	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	01/7/2019	22.177.808
35	Lê Thị N	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	26/6/2019	53.483.116
36	Nguyễn Thị T	Thôn V H, xã Triệu H, huyện T, tỉnh Quảng Trị	71.200.000	12/3/2020	34.225.008
37	Đ Q H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	102.472.000	03/01/2020	52.418.842
39	Nguyễn Văn B, Lê Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	47.000.000	01/02/2020	21.762.760
40	Hồ Thị Diễm T	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	01/4/2020	22.292.219
41	Nguyễn Ngọc A	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	64.000.000	03/12/2019	32.587.610
42	Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị C	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	08/11/2019	99.611.630
43	Lê Văn Q	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	25/3/2020	43.734.041
44	Lê T D	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	26.000.000	09/6/2020	9.251.940
45	Nguyễn Văn L	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	99.000.000	33.000.000 (28/10/2019) 66.000.000 (17/3/2020)	49.024.890
46	Nguyễn Mộng H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	15/10/2019	18.459.116
47		Thôn T, xã T, huyện	20.000.000	30/12/2019	

	(Tắt toán 25/2/2022)	T, tỉnh Quảng Trị			6.435.753
48	Nguyễn X A	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	73.000.000	27/11/2019	31.227.000
49	Nguyễn Thị Q	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	151.200.000	150.000.000 (20/01/2020) 1.200.000 (01/6/2020)	77.687.285
50	Hồ X T	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	12.000.000	15/01/2019	7.551.123
51	Nguyễn Thị L	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	24/12/2019	18.121.068
52	Lê Thị Cẩm T	Thôn H, xã Triệu T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	10/6/2020	36.729.353
53	Ngô Thị T Phạm K (Tắt toán 23/2/2022)	Thôn Đ, xã D, h.T, tỉnh Quảng Trị	15.000.000	23/3/2020	3.836.096
54	H Đình Sáng	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	18/02/2019	21.129.021
55	Hồ Thị H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	90.000.000	11/3/2020	35.198.244
56	Trương Thị T B	Khu phố 3, Phường 5, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	15.000.000 (01/3/2020) 15.000.000 (02/3/2020)	16.043.425
57	Trần N T	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	78.500.000	17/3/2020	34.931.836
58	Lê Q S	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	22.000.000	03/3/2020	9.972.555
59	Nguyễn Kiêm	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	35.000.000	31/3/2020	14.602.336
60	L Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	07/11/2019	12.794.178
61	Nguyễn Thị H	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	16/7/2019	32.587.397

62	Nguyễn Thị L	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	109.500.000	14/5/2020	43.375.414
63	Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	133.000.000	24/3/2020	60.385.932
64	Nguyễn Đình T	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	10.000.000	11/4/2019	5.974.658
65	Đ Q Kính (tất toán 22/3/2022)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	45.000.000	28/11/2019	13.238.630
66	H Phú L (Tất toán 01/3/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	11/4/2019	13.162.329
67	Phạm Văn L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	17/4/2019	16.949.589
68	Trần Hữu H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	21/4/2020	6.415.644
69	Nguyễn Văn B	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	47.443.000	20/4/2020	22.819.433
70	Phan Đình L (Tất toán 30/12/2021)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	06/5/2020	6.487.130
71	Lê M T	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	66.000.000	07/5/2020	29.846.466
72	Nguyễn Văn C	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	66.000.000	02/5/2019	31.659.658
73	Phạm H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	45.000.000	20/5/2019	24.818.116
74	Võ Viết T	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	55.000.000	11/5/2020	24.853.295
75	Nguyễn Thị L và Nguyễn Kế S	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	08/8/2019	51.627.781
76	Phan Thị N (tất toán 20/7/2021)	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	55.000.000	11/5/2020	7.448.507
77	Đinh Thị Cao V	Thôn A T Đ, xã T, h. T, tỉnh Quảng Trị	27.000.000	28/5/2019	15.570.123

78	Nguyễn A D (Đã tắt toán ngày 11/3/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	17.000.000	11/6/2019	6.783.233
79	Lê Ngọc K	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	15.600.000	10/01/2020	5.771.145
80	Nguyễn Văn H, Trần Thị G	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	166.000.000	66.000.000 (10/6/2019) 100.000.000 (18/7/2019)	88.912.418
81	Nguyễn Đình C	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	02/6/2020	15.136.603
82	Dương H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	21/4/2020	13.404.329
83	Nguyễn X P	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	26/7/2019	13.198.932
84	Nguyễn Văn V	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	19/02/2020	17.050.278
85	Lê X T (Đã trả gốc 73.200.000 ngày 24/5/2021)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	90.400.000	22/8/2019	20.584.603
86	Nguyễn X	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	17/9/2019	7.401.349
87	Nguyễn X H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	29/5/2020	25.761.534
88	Nguyễn Nhị H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	62.000.000	19/11/2019	31.938.410
89	Võ Thị H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	64.000.000	13/02/2020	29.546.425
90	Trần T N (em ruột Trần T Q)	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	06/11/2019	37.534.479
91	Lê Hữu T	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	07/10/2019	20.379.493
92	Nguyễn Văn	Thôn Đại H, xã D,	82.000.000	04/6/2020	

	P	huyện T, tỉnh Quảng Trị			30.225.314
93	Nguyễn Thị T	Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	29/10/2019	17.204.466
94	Hồ Viết L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	29/11/2019	34.737.548
95	Trần Thị T, H Thị L	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	46.000.000	16.000.000 (08/11/2019) 30.000.000 (20/12/2019)	23.065.192
96	Trần Thị Bảo T	Khu phố 3, phường 5, TP. Đ, tỉnh Quảng Trị	160.934.972	29/5/2020	68.936.070
97	Lê Tiến S (Món vay đã được tắt toán ngày 25/1/2022)	TP.Đ, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	01/6/2020	42.608.219
98	Lê Văn P	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	25.000.000	19/5/2020	10.423.336
99	Lê Thị H X	Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	22/01/2020	35.056.301
100	Phạm Văn Năm	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	07/5/2020	27.159.452
101	Nguyễn Đình Lập	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	04/02/2020	18.279.781
102	Phạm Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	04/02/2020	6.468.000
103	Võ M L	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	21/5/2020	40.677.288
104	Đặng Văn D	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	06/02/2020	30.898.911
105	Lê Thị H	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	14/9/2019	52.888.644

106	Trương Ngọc P (anh ruột Trương Ngọc H)	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	101.307.738	06/4/2020	38.987.589
107	Nguyễn Hữu X	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	05/8/2019	17.463.658
108	Lê Hào Q (Đã tắt toán 24/11/2020)	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	20.000.000	24/6/2019	2.843.836
109	Phạm Văn D	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	10/4/2020	16.383.308
110	Đ Q N	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	02/12/2019	18.581.918
111	Lê Q Kỳ	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	400.000.000	05/6/2020	150.509.589
112	Trương Văn T	Thôn A T Đ, xã T, h.T, tỉnh Quảng Trị	15.000.000	27/11/2019	9.264.452
113	Võ Văn N	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	180.000.000	23/4/2019	101.352.329
114	Hồ Thị A	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	190.000.000	12/11/2019	94.535.815
115	Lê Đức T, Nguyễn Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	300.000.000	200.000.000 (31/5/2019) 100.000.000 (23/7/2019)	161.733.514
116	Lê T T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	75.000.000	17/4/2020	30.908.836
117	Đ P T	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	26/6/2019	29.400.000
118	Nguyễn Hữu T	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	55.000.000	19/5/2020	23.992.500
119	Đinh Hữu T, Đinh Thị X	Thôn T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	27/6/2019	19.248.226
120	Lê Hữu Đ	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	400.000.000	200.000.000 (30/3/2020) 200.000.000	165.797.260

				(21/5/2020)	
121	Nguyễn A T	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	25/7/2019	49.666.438
122	Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000 74.336.000	85.000.000 (04/6/2019) 115.000.000 (25/6/2019) 01/4/2020	107.831.979 30.043.791 Tổng: 137.875.770
123	Lê Văn K	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	171.500.000	01/10/2019	87.919.592
124	Nguyễn Hữu T	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	100.000.000 (22/7/2019) 100.000.000 (05/8/2019)	101.652.979
125	Trương Đình Đ (Tắt toán 01/3/2022)	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	20.000.000	30/7/2019	5.442.740
126	Đào T A (tắt toán ngày 25/8/2022)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	90.000.000	27/11/2019	30.797.938
127	Nguyễn Ngọc T	Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	01/11/2019	23.608.151
128	Phạm T (Phạm H)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	11/02/2020	22.970.692
129	Nguyễn Mạnh H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	25/02/2020	22.984.384
130	Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị B H	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	05/3/2020	91.043.486
131	Lê Đức T và Trần Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	175.680.000	100.000.000 (28/10/2019) 57.900.000 (10/3/2020) 17.780.000 (13/5/2020)	79.892.648
132	Nguyễn B	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	205.000.000	18/3/2020	101.596.000
133	Lê Đức D	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	11/02/2020	23.746.438

134	Nguyễn Văn P	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	140.000.000	100.000.000 (19/12/2019) 40.000.000 (17/01/2020)	65.508.493
135	H M T, Trương Thị X (Tất toán ngày 26/7/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	28/11/2019	71.084.863
136	Nguyễn Công Đ; Nguyễn Công T và Nguyễn Công D	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	211.027.000	100.000.000 (02/10/2019) 42.027.000 (05/5/2020) 69.000.000 (06/4/2020)	104.034.445
137	Trần Thị L, Nguyễn Văn T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	50.000.000 (03/10/2019) 150.000.000 (25/02/2020)	120.014.247
138	Hồ Viết T	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	09/3/2020	22.285.315
139	H Hữu H (Tất toán ngày 06/6/2022)	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	70.000.000	22/10/2019	24.746.918
140	Lê Đức H (bố của Hồ Thị Duy T)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	72.830.000	24/02/2020	36.060.247
141	Lê Tấn Đ	Thôn D, xã Triệu T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	28/5/2020	25.510.507
142	Lê Thị Đ	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	19/11/2019	25.883.219
143	Trần P Đ	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	105.000.000	27/11/2019	52.010.988
144	Nguyễn Đức Thiện	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	04/12/2019	20.580.863
145	Lê Văn Đ	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	150.000.000	13/12/2019	69.314.384

146	Phạm M N	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	13/12/2019	37.975.767
147	Trương Thị T	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	15.000.000	19/6/2020	5.316.164
148	H Thị B	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	150.000.000	25/12/2019	68.480.137
149	Nguyễn P	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	311.000.000	130.000.000 (08/4/2020) 181.000.000 (10/6/2020)	122.384.514
150	Trần S	Thôn Q L, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	11/02/2020	28.893.002
151	Võ Thị N	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	26/02/2020	45.775.685
152	Đ Q L và Lê Thị T (mẹ của L)	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	150.000.000	16/3/2020	65.852.979
153	Phạm Văn L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	05/3/2020	46.102.479
154	Nguyễn Đ	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	70.595.100	24/3/2020	30.450.521
155	Nguyễn Văn T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	07/4/2020	13.594.192
156	Nguyễn Thị H	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	65.000.000	24/4/2020	24.361.616
157	Nguyễn Văn T	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	400.000.000	29/4/2020	146.849.315
158	Nguyễn N A T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	04/5/2020	33.815.445
159	Nguyễn Thị H	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	78.000.000	23/4/2020	37.054.630
160	Nguyễn Duy K	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	142.000.000	26/5/2020	

					58.124.151
161	Lê Q Tỷ	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	19/5/2020	27.858.719
162	Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	130.000.000	26/5/2020	50.807.774
163	Lê H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	350.000.000	28/5/2020	124.926.027
164	Đ Q T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	05/6/2020	77.240.301
165	Ngân hàng N		2.000.000.000		942.093.301
		Liên quan đến hồ sơ vay của bà H Thị H P	100.000.000		
		Liên quan đến hồ sơ thấu chi của bà Nguyễn Thị Ngọc H	99.903.700		

3. Đối với hồ sơ thế chấp của ông Nguyễn T H và bà L Thị L buộc Ngân hàng N Việt N trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/08/HĐTC/2016 giữa Ngân hàng với ông H bà L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử L vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31/5/2023, bị cáo Nguyễn Ngọc H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Trong thời hạn luật định, các bị hại kháng cáo: Các ông/bà Đ Q P; Lê M T, Lê Văn K; Dương Thị D và Trần Q H; Trương Ngọc P; Hồ Viết L; Nguyễn Đình Lập; Nguyễn Đ; Nguyễn Văn B; Nguyễn N A T; Nguyễn A T; Lê Đức T và Nguyễn Thị T; Võ Thị N; Nguyễn Công Đ, Nguyễn Công T và Nguyễn Công D; Nguyễn H; Lê Hữu Đ; Trương Đình G; Nguyễn Văn P; Lê Q L; Nguyễn Đình C; Phạm T; Lê T T; Đ Q T; Phạm Văn Đ; Lê Đức H; Phạm Văn H; Phạm M S; Lê Thị N; Võ Văn N; Nguyễn Văn C; L Thị T; Võ Viết T, Phạm Văn D; Trần P Đ; Nguyễn Văn T; Lê Văn Đ; Lê Q Kỳ; Đinh Hữu T và Đinh Thị X; Đinh Thị Cao V; Nguyễn Thị L ; Nguyễn B; Nguyễn Hữu T; Trần Thị H; Nguyễn Thị T; Đ Thị N; Lê Văn P; Nguyễn Ngọc A; Nguyễn Mộng H; Nguyễn X H; Nguyễn P; Nguyễn Văn T và Nguyễn X P; Trần H; Nguyễn Ngọc G; Trần C; H Thị B; H

Đức T và Trần Thị H; H M T và Trương Thị X; Nguyễn Thị H; Phan Khắc Công Đ; H Hữu H, Trần Viết T; Nguyễn Thị L; Lê Văn Q; Lê Văn Q; Nguyễn Mạnh H; Lê M K; Trần Thị Y; Nguyễn Đức T; Hồ Viết T; Đ Q N; Đ Q H; Hồ Thị Diễm T; Lê Đức D; Nguyễn Văn T; Lê Tấn Đ; Lê Q S; H Đình Sáng; Nguyễn Văn B; Trần Thị L và Nguyễn Kế S; Nguyễn Thị M; Nguyễn Thị T; Nguyễn Văn L; Trần Thị T, H Thị L ; Lê Thị H X; Lê Đức T và Trần Thị T; Phạm Thị L; Nguyễn Hữu X Nguyễn X, Đ T H; Trần Đức D; Phạm Văn L; Lê Q Tý; Lê Thị Cẩm T, Nguyễn Duy K; Nguyễn Văn V, Nguyễn X A và Võ M L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Ngọc H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xuất trình thêm tài liệu chứng M đã khắc phục, bồi thường thêm số tiền 126.400.000 đồng cho một số bị hại.

Các bị hại kháng cáo đề N xem xét trách nhiệm của Ngân hàng cũng như thời điểm, biện pháp buộc bị cáo trả lại tiền đã chiếm đoạt để các bị hại làm các thủ tục tại ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:

Về tố tụng: Bị cáo, bị hại là chủ thể có quyền kháng cáo, kháng cáo trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội “Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ xử phạt bị cáo mức án 23 (hai mươi ba) năm tù cho cả hai tội là phù hợp. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là đã khắc phục cho một số bị hại. Tuy nhiên mức khắc phục là không đáng kể so với hậu quả bị cáo gây ra. Đề N Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt. Đối với kháng cáo của các bị hại, nội dung kháng cáo của các bị hại thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Đề N Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố xét xử sơ thẩm, đã được cơ quan và người tiến hành tố tụng thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Xét các nội dung kháng cáo:

[2.1] Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã được tranh tụng tại các phiên tòa. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Nguyễn Ngọc H nguyên là cán bộ Phòng giao dịch N C - Ngân hàng N Phòng giao dịch N C - Ngân hàng N chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Trị được Ngân hàng phân công làm cán bộ tín dụng quản lý hồ sơ vay, trực tiếp làm việc và hướng dẫn người dân làm hồ sơ vay, xử lý các trường hợp có liên quan đến khách hàng theo N định số 55 của Chính phủ. Từ 2015 đến ngày 10/6/2020, Nguyễn Ngọc H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn và sử dụng quá quyền hạn, chức trách nhiệm vụ được giao và thực hiện công việc không được giao, bằng nhiều phương thức khác nhau như thay người bị hại thanh toán nợ gốc, nợ lãi khi đến hạn; lập giấy nhận tiền hoặc chứng từ giao dịch đưa cho người bị hại, cho mượn tiền trả trước, làm nhanh hồ sơ vay...làm cho người bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo từ đó bị cáo chiếm đoạt của các cá nhân và Ngân hàng là: 14.220.042.563 đồng (Mười bốn tỷ, hai trăm hai mươi triệu, không trăm bốn hai nghìn, năm trăm sáu ba đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Ngọc H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật hình sự 2015.

Lạm dụng hồ sơ vay tiền của ông Nguyễn T H (bố của H) với Ngân hàng N huyện T, ngày 02/5/2018 và 03/5/2018 Nguyễn Ngọc H đã thực hiện hành vi gian dối, tự ý làm hồ sơ, giả chữ ký của ông H nâng hạn mức lên thêm 2.000.000.000 đồng để có hạn mức giải ngân. Sau khi được giải ngân, H đã chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Với các hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Ngọc H về các tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 355 của Bộ luật hình sự và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, là cán bộ ngân hàng, nhận thức rõ được nhiệm vụ, quyền hạn của mình nhưng vì vụ lợi và nhu cầu cá nhân bị cáo đã trực tiếp chiếm đoạt tiền của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, diễn ra trong thời gian dài và nhiều lần, không những xâm hại đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và sở hữu của công dân mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự trị an trên địa bàn nên cần phải được xử lý đúng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Quá trình điều tra Nguyễn Ngọc H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Trước ngày có quyết định khởi tố vụ án bị cáo H đã khai nhận hầu hết về hành vi “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” đối với những người bị H chiếm đoạt và trong quá trình điều tra về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” thì bị cáo H đã tự thú về hành vi giả chữ ký của ông Nguyễn T H để chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền 2.000.000.000 đồng. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình làm sáng tỏ nội dung vụ án như tích cực hợp tác làm rõ phương thức thủ đoạn trong thực hiện tội phạm; khai ra các hành vi sai phạm trong quá trình quản L của những cán bộ khác trong phòng giao dịch, tổ tín dụng để làm căn cứ khởi tố vụ án (có xác nhận của Cơ quan điều tra). Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình được quy định tại các điểm s, t, r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo có nhiều thành tích trong quá trình học tập và công tác, bị cáo được UBND thị xã Đ tặng giấy khen đã lập được thành tích trong việc phát hiện tội phạm trộm cắp tài sản của công dân; Công đoàn Ngân hàng tặng Giấy khen. G đình của bị cáo có công với cách mạng: Ông bà nội ngoại của bị cáo được Nhà nước tặng T Huân C kháng chiến các loại; Bố của bị cáo là thương binh hạng 4/4 và được tặng “H C chiến sỹ giải phóng”. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo thể hiện rõ sự ăn năn hối cải, nhận toàn bộ trách nhiệm và mong muốn được tạo điều kiện để bồi thường cho các bị hại. Mặc dù hiện nay gia đình bị cáo rất khó khăn tuy nhiên bị cáo đã tích cực tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả và bị cáo xuất trình tình tiết giảm nhẹ mới là đã bồi thường thêm số tiền là 126.400.000 đồng, cùng với số tiền đã bồi thường trước đó là 200.000.000 đồng. Tổng cộng là 326.400.000 đồng. Các bị hại đề N xin giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, cần xem xét áp dụng cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo và sự khoan hồng của pháp luật.

[2.3] Bị cáo là cán bộ tín dụng chỉ được ngân hàng giao nhiệm vụ, quyền hạn trong việc quản L hồ sơ vay, trực tiếp làm việc và hướng dẫn người dân làm hồ sơ vay, không được Ngân hàng N huyện T giao nhiệm vụ thực hiện việc thu tiền nợ gốc, lãi và thủ tục thanh toán, tất toán các khoản vay giữa người vay và ngân hàng, các thủ tục này theo quy định do người vay thực hiện với các bộ phận nghiệp vụ khác của ngân hàng. Do đó hành vi phạm tội của bị cáo là vượt quá quyền hạn được Ngân hàng giao, trực tiếp chiếm đoạt tiền của các bị hại và sử dụng vào nhu cầu cá nhân riêng của mình nên bị cáo là người phải có trách nhiệm trả lại các khoản tiền này cho các bị hại theo quy định của pháp luật. Việc thi hành các khoản tiền phải trả cho các bị hại, thời điểm, biện pháp buộc bị cáo trả

lại tiền đã chiếm đoạt để các bị hại làm các thủ tục tại ngân hàng được thực hiện quy định của pháp luật về thi hành án và các quy định pháp luật khác.

Đối với trách nhiệm của ngân hàng và các cán bộ ngân hàng có liên quan, cơ quan điều tra đã khởi tố vụ án hình sự về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và đang xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do đó phần trách nhiệm dân sự mà Toà án cấp sơ thẩm đã tuyên là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên toà hôm nay xét thấy không có thêm tài liệu chứng cứ gì mới có thể làm thay đổi nội dung vụ án nên không có cơ sở để chấp nhận nội dung kháng cáo của các bị hại.

Tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã khắc phục, bồi thường thêm cho bị hại Đ Q D 26.400.000 đồng và bị hại H M T 100.000.000 đồng, nên số tiền này được trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường cho ông D, ông T mà bản án sơ thẩm đã tuyên.

Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị hại kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

[5]. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng N, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 355, 356, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Ngọc H, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, không chấp nhận kháng cáo của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, giữ nguyên quyết định về phần trách nhiệm dân sự.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 355, điểm b, r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 54, Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H **14** (mười bốn) năm **6** (sáu) tháng tù về tội “*Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản*”.

+ Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm r, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H **07** (Bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H chấp hành hình phạt chung của hai tội là 21 (hai mươi một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/12/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc H phải bồi thường cho các bị hại là cá nhân và Ngân hàng với tổng số tiền chiếm đoạt là 16.093.642.563 đồng

S T T	Họ và tên	Địa chỉ	Số tiền chiếm đoạt (đơn vị đồng VN)	Ngày chiếm đoạt	T lãi tính đến ngày 19/7/2023 (đơn vị đồng VN)
01	Nguyễn Ngọc G	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	39.673.853	12/6/2019	21.169.469
02	Đ T H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	02/12/2019	7.226.397
03	Dương T D	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	89.000.000	12/3/2020	40.376.513
04	Phạm M T và bà Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	20.000.000 99.000.000	11/5/2020 21/11/2018	8.900.548 65.240.548 Tổng: 74.141.096
05	Trần Thị Y	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	46.939.000	21/11/2019	22.903.934
06	Trần C (Tắt toán ngày 18/1/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	24/10/2019	30.967.808
07	Nguyễn T	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	11.000.000	15/11/2018	7.289.836
08	Trương Đình G	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	01/11/2019	34.756.849
09	Trần Viết T	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	18.500.000	08/7/2019	11.356.973
10	Lê Thị P	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	66.000.000	01/8/2019	36.582.127
11	Trần T Q	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	06/10/2019	15.176.384
12	Lê Văn Q	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng	28.000.000	18/11/2019	13.496.527

		Trị			
13	H Thị H (Đã tắt toán 22/12/2020)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	05/4/2019	5.419.726
14	Trần H	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	27/6/2019	22.412.466
15	H Đức T và Trần Thị H	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	24/01/2019	14.412.329
16	Phạm Thị L	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	15/3/2019	31.665.411
17	Nguyễn Văn P	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	14/10/2019	24.401.712
18	Phạm Văn V	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	01/02/2020	17.659.973
19	Đ Q P	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	53.000.000	20/02/2020	24.514.048
20	Nguyễn Văn T (chết) Người kế thừa quyền và nghĩa vụ: Đ Thị N (vợ ông T)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	59.000.000	13/5/2020	23.457.719
21	Phan Khắc Công Đ	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	26/3/2020	20.820.349
22	Lê Q L	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	50.000.000 (10/3/2020) 50.000.000 (17/3/2020)	43.285.171
23	Nguyễn Thị M	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	10/7/2019	20.014.123
24	Nguyễn Thị Kiều T	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	43.000.000	32.000.000 (25/4/2019) 11.000.000 (04/5/2020)	23.281.774
25	Lê M K	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	26/3/2020	29.270.260

26	Nguyễn Văn P	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	16/4/2020	11.680.493
27	Trần Đức D	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	99.000.000	25/6/2019	50.557.808
28	Phạm M S	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	16/4/2020	32.134..315
29	Đinh Viết P	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	17/01/2020	44.646.863
30	Dương Thị D, Trần Q H	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	110.000.000 (21/01/2020) 90.000.000 (07/02/2020)	92.519.493
31	Nguyễn H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	44.000.000	19/6/2019	26.006.712
32	Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	155.000.000	100.000.000 (26/7/2019) 55.000.000 (15/5/2020)	75.689.034
33	Nguyễn Văn T	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	26/02/2019	15.767.671
34	Trần Thị H	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	01/7/2019	22.177.808
35	Lê Thị N	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	26/6/2019	53.483.116
36	Nguyễn Thị T	Thôn V H, xã Triệu H, huyện T, tỉnh Quảng Trị	71.200.000	12/3/2020	34.225.008
37	Đ Q H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	102.472.000	03/01/2020	52.418.842
39	Nguyễn Văn B, Lê Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	47.000.000	01/02/2020	21.762.760
40	Hồ Thị Diễm T	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	01/4/2020	22.292.219
41	Nguyễn Ngọc A	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	64.000.000	03/12/2019	32.587.610
42	Phạm Văn Đ,	Thôn T, xã T, huyện	200.000.000	08/11/2019	

	Nguyễn Thị C	T, tỉnh Quảng Trị			99.611.630
43	Lê Văn Q	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	25/3/2020	43.734.041
44	Lê T D	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	26.000.000	09/6/2020	9.251.940
45	Nguyễn Văn L	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	99.000.000	33.000.000 (28/10/2019) 66.000.000 (17/3/2020)	49.024.890
46	Nguyễn Mộng H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	15/10/2019	18.459.116
47	Đ Q D (Tắt toán 25/2/2022)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	35.753		
48	Nguyễn X A	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	73.000.000	27/11/2019	31.227.000
49	Nguyễn Thị Q	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	151.200.000	150.000.000 (20/01/2020) 1.200.000 (01/6/2020)	77.687.285
50	Hồ X T	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	12.000.000	15/01/2019	7.551.123
51	Nguyễn Thị L	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	24/12/2019	18.121.068
52	Lê Thị Cẩm T	Thôn H, xã Triệu T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	10/6/2020	36.729.353
53	Ngô Thị T Phạm K (Tắt toán 23/2/2022)	Thôn Đ, xã D, h.T, tỉnh Quảng Trị	15.000.000	23/3/2020	3.836.096
54	H Đình Sáng	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	18/02/2019	21.129.021
55	Hồ Thị H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	90.000.000	11/3/2020	35.198.244
56	Trương Thị T	Khu phố 3, Phường 5,	30.000.000	15.000.000	

	B	thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị		(01/3/2020) 15.000.000 (02/3/2020)	16.043.425
57	Trần N T	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	78.500.000	17/3/2020	34.931.836
58	Lê Q S	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	22.000.000	03/3/2020	9.972.555
59	Nguyễn Kiêm	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	35.000.000	31/3/2020	14.602.336
60	L Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	07/11/2019	12.794.178
61	Nguyễn Thị H	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	16/7/2019	32.587.397
62	Nguyễn Thị L	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	109.500.000	14/5/2020	43.375.414
63	Nguyễn Văn T và Đỗ Thị L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	133.000.000	24/3/2020	60.385.932
64	Nguyễn Đình T	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	10.000.000	11/4/2019	5.974.658
65	Đ Q Kính (tắt toán 22/3/2022)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	45.000.000	28/11/2019	13.238.630
66	H Phú L (Tắt toán 01/3/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	11/4/2019	13.162.329
67	Phạm Văn L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	30.000.000	17/4/2019	16.949.589
68	Trần Hữu H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	21/4/2020	6.415.644
69	Nguyễn Văn B	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	47.443.000	20/4/2020	22.819.433
70	Phan Đình L (Tắt toán 30/12/2021)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	06/5/2020	6.487.130
71	Lê M T	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	66.000.000	07/5/2020	29.846.466

72	Nguyễn Văn C	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	66.000.000	02/5/2019	31.659.658
73	Phạm H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	45.000.000	20/5/2019	24.818.116
74	Võ Viết T	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	55.000.000	11/5/2020	24.853.295
75	Nguyễn Thị L và Nguyễn Kế S	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	08/8/2019	51.627.781
76	Phan Thị N (tắt toán 20/7/2021)	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	55.000.000	11/5/2020	7.448.507
77	Đinh Thị Cao V	Thôn A T Đ, xã T, h. T, tỉnh Quảng Trị	27.000.000	28/5/2019	15.570.123
78	Nguyễn A D (Đã tắt toán ngày 11/3/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	17.000.000	11/6/2019	6.783.233
79	Lê Ngọc K	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	15.600.000	10/01/2020	5.771.145
80	Nguyễn Văn H, Trần Thị G	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	166.000.000	66.000.000 (10/6/2019) 100.000.000 (18/7/2019)	88.912.418
81	Nguyễn Đình C	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	02/6/2020	15.136.603
82	Dương H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	21/4/2020	13.404.329
83	Nguyễn X P	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	24.000.000	26/7/2019	13.198.932
84	Nguyễn Văn V	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	19/02/2020	17.050.278
85	Lê X T (Đã trả gốc 73.200.000 ngày 24/5/2021)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	90.400.000	22/8/2019	20.584.603

86	Nguyễn X	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	17/9/2019	7.401.349
87	Nguyễn X H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	29/5/2020	25.761.534
88	Nguyễn Nhị H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	62.000.000	19/11/2019	31.938.410
89	Võ Thị H	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	64.000.000	13/02/2020	29.546.425
90	Trần T N (em ruột Trần T Q)	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	06/11/2019	37.534.479
91	Lê Hữu T	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	07/10/2019	20.379.493
92	Nguyễn Văn P	Thôn Đại H, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	82.000.000	04/6/2020	30.225.314
93	Nguyễn Thị T	Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	29/10/2019	17.204.466
94	Hồ Việt L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	29/11/2019	34.737.548
95	Trần Thị T, H Thị L	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	46.000.000	16.000.000 (08/11/2019) 30.000.000 (20/12/2019)	23.065.192
96	Trần Thị Bảo T	Khu phố 3, phường 5, TP. Đ, tỉnh Quảng Trị	160.934.972	29/5/2020	68.936.070
97	Lê Tiến S (Món vay đã được tất toán ngày 25/1/2022)	354 Lê Duẩn, phường Đ Lễ, TP.Đ, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	01/6/2020	42.608.219
98	Lê Văn P	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	25.000.000	19/5/2020	10.423.336
99	Lê Thị H X	Thôn H, xã L, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	22/01/2020	35.056.301
100	Phạm Văn	Thôn T, xã T, huyện	60.000.000	07/5/2020	

	Năm	T, tỉnh Quảng Trị			27.159.452
101	Nguyễn Đình Lập	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	04/02/2020	18.279.781
102	Phạm Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	14.000.000	04/02/2020	6.468.000
103	Võ M L	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	21/5/2020	40.677.288
104	Đặng Văn D	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	06/02/2020	30.898.911
105	Lê Thị H	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	14/9/2019	52.888.644
106	Trương Ngọc P (anh ruột Trương Ngọc H)	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	101.307.738	06/4/2020	38.987.589
107	Nguyễn Hữu X	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	34.000.000	05/8/2019	17.463.658
108	Lê Hào Q (Đã tắt toán 24/11/2020)	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	20.000.000	24/6/2019	2.843.836
109	Phạm Văn D	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	10/4/2020	16.383.308
110	Đ Q N	Thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	02/12/2019	18.581.918
111	Lê Q Kỳ	Thôn A T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	400.000.000	05/6/2020	150.509.589
112	Trương Văn T	Thôn A T Đ, xã T, h.T, tỉnh Quảng Trị	15.000.000	27/11/2019	9.264.452
113	Võ Văn N	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	180.000.000	23/4/2019	101.352.329
114	Hồ Thị A	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	190.000.000	12/11/2019	94.535.815
115	Lê Đức T, Nguyễn Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	300.000.000	200.000.000 (31/5/2019)	161.733.514

				100.000.000 (23/7/2019)	
116	Lê T T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	75.000.000	17/4/2020	30.908.836
117	Đ P T	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	26/6/2019	29.400.000
118	Nguyễn Hữu T	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	55.000.000	19/5/2020	23.992.500
119	Đinh Hữu T, Đinh Thị X	Thôn T Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	40.000.000	27/6/2019	19.248.226
120	Lê Hữu Đ	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	400.000.000	200.000.000 (30/3/2020) 200.000.000 (21/5/2020)	165.797.260
121	Nguyễn A T	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	25/7/2019	49.666.438
122	Phạm Văn H và bà Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000 74.336.000	85.000.000 (04/6/2019) 115.000.000 (25/6/2019) 01/4/2020	107.831.979 30.043.791 Tổng: 137.875.770
123	Lê Văn K	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	171.500.000	01/10/2019	87.919.592
124	Nguyễn Hữu T	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	100.000.000 (22/7/2019) 100.000.000 (05/8/2019)	101.652.979
125	Trương Đình Đ (Tất toán 01/3/2022)	Thôn TL, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	20.000.000	30/7/2019	5.442.740
126	Đào T A (tất toán ngày 25/8/2022)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	90.000.000	27/11/2019	30.797.938
127	Nguyễn Ngọc T	Thôn T Liêm, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	01/11/2019	23.608.151
128	Phạm T (Phạm H)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	11/02/2020	22.970.692

129	Nguyễn Mạnh H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	25/02/2020	22.984.384
130	Nguyễn Ngọc N và bà Lê Thị B H	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	05/3/2020	91.043.486
131	Lê Đức T và Trần Thị T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	175.680.000	100.000.000 (28/10/2019) 57.900.000 (10/3/2020) 17.780.000 (13/5/2020)	79.892.648
132	Nguyễn B	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	205.000.000	18/3/2020	101.596.000
133	Lê Đức D	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	11/02/2020	23.746.438
134	Nguyễn Văn P	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	140.000.000	100.000.000 (19/12/2019) 40.000.000 (17/01/2020)	65.508.493
135	H M T, Trương Thị X (Tất toán ngày 26/7/2022)	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	28/11/2019	71.084.863
136	Nguyễn Công Đ; Nguyễn Công T và Nguyễn Công D	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	211.027.000	100.000.000 (02/10/2019) 42.027.000 (05/5/2020) 69.000.000 (06/4/2020)	104.034.445
137	Trần Thị L, Nguyễn Văn T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	50.000.000 (03/10/2019) 150.000.000 (25/02/2020)	120.014.247
138	Hồ Viết T	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	09/3/2020	22.285.315

139	H Hữu H (Tắt toán ngày 06/6/2022)	Thôn A L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	70.000.000	22/10/2019	24.746.918
140	Lê Đức H (bố của Hồ Thị Duy T)	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	72.830.000	24/02/2020	36.060.247
141	Lê Tấn Đ	Thôn D, xã Triệu T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	28/5/2020	25.510.507
142	Lê Thị Đ	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	19/11/2019	25.883.219
143	Trần P Đ	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	105.000.000	27/11/2019	52.010.988
144	Nguyễn Đức Thiện	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	50.000.000	04/12/2019	20.580.863
145	Lê Văn Đ	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	150.000.000	13/12/2019	69.314.384
146	Phạm M N	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	80.000.000	13/12/2019	37.975.767
147	Trương Thị T	Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	15.000.000	19/6/2020	5.316.164
148	H Thị B	Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	150.000.000	25/12/2019	68.480.137
149	Nguyễn P	Thôn Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	311.000.000	130.000.000 (08/4/2020) 181.000.000 (10/6/2020)	122.384.514
150	Trần S	Thôn Q L, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	60.000.000	11/02/2020	28.893.002
151	Võ Thị N	Thôn Võ P A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	26/02/2020	45.775.685
152	Đ Q L và Lê Thị T (mẹ của L)	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	150.000.000	16/3/2020	65.852.979
153	Phạm Văn L	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	05/3/2020	46.102.479
154	Nguyễn Đ	Thôn T, xã T, huyện	70.595.100	24/3/2020	

		T, tỉnh Quảng Trị			30.450.521
155	Nguyễn Văn T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	33.000.000	07/4/2020	13.594.192
156	Nguyễn Thị H	Thôn X, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	65.000.000	24/4/2020	24.361.616
157	Nguyễn Văn T	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	400.000.000	29/4/2020	146.849.315
158	Nguyễn N A T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	100.000.000	04/5/2020	33.815.445
159	Nguyễn Thị H	Thôn Dương Lê Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	78.000.000	23/4/2020	37.054.630
160	Nguyễn Duy K	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	142.000.000	26/5/2020	58.124.151
161	Lê Q Tý	Thôn Q Đ, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Trị	67.000.000	19/5/2020	27.858.719
162	Nguyễn Thị H	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	130.000.000	26/5/2020	50.807.774
163	Lê H	Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	350.000.000	28/5/2020	124.926.027
164	Đ Q T	Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị	200.000.000	05/6/2020	77.240.301
165	Ngân hàng N		2.000.000.000		942.093.301
		Liên quan đến hồ sơ vay của bà H Thị H P	100.000.000		
		Liên quan đến hồ sơ thầu chi của bà Nguyễn Thị Ngọc H	99.903.700		

2. Về án phí: bị cáo Nguyễn Ngọc H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị hại có kháng cáo phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm dân sự và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Cụ thể như sau:

2.1. Các ông/bà Đ Q P; Lê M T (Đ Q P nộp thay); Lê Văn K; Dương Thị D và Trần Q H; Trương Ngọc P; Hồ Viết L; Nguyễn Đình Lập; Nguyễn Đ; Nguyễn Văn B; Nguyễn N A T (Nguyễn Thị H nộp thay); Nguyễn A T; Lê Đức T và Nguyễn Thị T; Võ Thị N; Nguyễn Công Đ, Nguyễn Công T và Nguyễn Công D; Nguyễn H (Nguyễn Thị L nộp thay); Lê Hữu Đ; Trương Đình G; Nguyễn Văn P; Lê Q L (Lê Thị Bé nộp thay); Nguyễn Đình C (Lê Thị Ngọc A nộp thay); Phạm T (Phạm H); Lê T T (Trương Thị P N nộp); Đ Q T (Nguyễn Thị Tuyết nộp); Phạm Văn Đ (Phạm Thị T H nộp); Lê Đức H (Lê Đức H nộp); Phạm Văn H; Phạm M S (Phạm Thị T H nộp); Lê Thị N; Võ Văn N; Nguyễn Văn C; L Thị T (Nguyễn Văn C nộp) và Võ Viết T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí từ số 0000330 đến số 0000361 cùng ngày 22/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.2. Các ông/bà Phạm Văn D; Trần P Đ (Trần H nộp); Nguyễn Văn T (Trần Thị H nộp); Lê Văn Đ; Lê Q Kỳ; Đinh Hữu T và Đinh Thị X; Đinh Thị Cao V; Nguyễn Thị L (Trần Thị H nộp thay); Nguyễn B (Trần Thị H nộp thay); Nguyễn Hữu T (Trần Thị H nộp thay); Trần Thị H; Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị L nộp thay); Đ Thị N; Lê Văn P; Nguyễn Ngọc A; Nguyễn Mộng H (Nguyễn Ngọc A nộp thay); Nguyễn X H; Nguyễn P; Nguyễn Văn T và Nguyễn X P (Trần H nộp thay) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí từ số 0000363 đến số 0000382 cùng ngày 22/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.3. Các ông/bà Trần H; Nguyễn Ngọc G (Trần H nộp thay); Trần C (Trần H nộp thay); H Thị B (Trần H nộp thay); H Đức T và Trần Thị H (Trần H nộp thay); H M T và Trương Thị X; Nguyễn Thị H (H M T nộp thay); Phan Khắc Công Đ (Phan Khắc Công H nộp thay) và H Hữu H được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí từ số 0000384 đến số 0000392 cùng ngày 22/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.4. Các ông/bà Trần Viết T (Lê Văn Q nộp thay); Nguyễn Thị L (Lê Văn Q nộp thay); Lê Văn Q; Lê Văn Q; Nguyễn Mạnh H; Lê M K (Nguyễn Mạnh H nộp thay); Trần Thị Y; Nguyễn Đức T (Nguyễn Thị H nộp thay); Hồ Viết T; Đ Q N; Đ Q H (Đ Q N nộp thay); Hồ Thị Diễm T (Đ Q N nộp thay); Lê Đức D; Nguyễn Văn T; Lê Tấn Đ; Lê Q S; H Đình Sáng; Nguyễn Văn B (H Đình Sáng nộp thay); Trần Thị L và Nguyễn Kế S (H Đình Sáng nộp thay); Nguyễn Thị M; Nguyễn Thị T (Nguyễn Thị H nộp thay); Nguyễn Văn L (Nguyễn Thị H nộp thay); Trần Thị T, H Thị L (H A Quân nộp thay); Lê Thị H X; Lê Đức T và Trần Thị T; Phạm Thị L; Nguyễn Hữu X và Nguyễn X (Nguyễn Hữu T nộp); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí từ số 0000393 đến 0000421 cùng ngày 23/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.5. Các ông/bà Đ T H; Trần Đức D (Đ T H nộp); Phạm Văn L (Nguyễn Thị Thùy T nộp); Lê Q Tý; Lê Thị Cẩm T; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí từ số 0000422 đến số 00004426 cùng ngày 24/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.6. Các ông/bà Nguyễn Duy K; Nguyễn Văn V (Nguyễn Q V nộp thay) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0000428 và số 00004429 cùng ngày 25/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.7. Ông Nguyễn X A được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0000431 ngày 29/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

2.8. Ông Võ M L được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0000432 ngày 30/8/2023 tại Cục thi hành dân sự tỉnh Quảng Trị.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng N có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng N và được thi hành theo Quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án, tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Trị;
- Sở Đ pháp tỉnh Quảng Trị;
- Cục THADS tỉnh Quảng Trị;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- L HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Hợp